

# **BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**



Biến cơ hội thành giá trị

**Tháng 10 năm 2024**



## Mục Lục

<b>Tóm tắt.....</b>	<b>tr.3</b>
<b>Kinh tế Vĩ mô tháng 09 .....</b>	<b>tr.4</b>
<b>Tổng quan TTCK tháng 09.....</b>	<b>tr.17</b>
<b>Triển vọng TTCK Quý IV .....</b>	<b>tr.34</b>
<b>Lịch sự kiện tháng 10.....</b>	<b>tr.38</b>
<b>Danh sách mã khuyến nghị năm 2024.....</b>	<b>tr.39</b>
<b>Tuyên bố miễn trừ.....</b>	<b>tr.57</b>



# TÓM TẮT

- **VN-Index tăng nhẹ 0,32% trong tháng 9 và kết thúc Quý III tại 1.287,94 điểm, tăng 3,42% QoQ và tăng 13,98% kể từ đầu năm 2024.** VN30 (+1,58% MoM) tiếp tục có tháng thứ 2 tăng điểm liên tiếp và là động lực tăng điểm của thị trường với các mã Ngân hàng như CTG, VPB, TPB, STB cùng VHM, HPG.
- **Thanh khoản tiếp tục giảm tháng thứ 3 liên tiếp và thấp nhất kể từ tháng 10/2023.** Giá trị giao dịch trung bình chỉ đạt 17.737,35 tỷ đồng/phiên cho thấy dòng tiền vẫn chưa cải thiện tốt trở lại. Lũy kế 9 tháng tổng giá trị giao dịch tăng 29,3% so với cùng kỳ năm 2023. Nhà đầu tư cá nhân mua ròng trong tháng 9 và lũy kế 9 tháng mua ròng kỷ lục 66.895 tỷ đồng. Số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm 9 tháng đạt 1,57 triệu tài khoản (+69,8% YoY).
- **Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục giảm quy mô bán ròng.** Giá trị bán ròng trong tháng 9 tiếp tục giảm còn -2.186,16 tỷ đồng (-42,40% MoM). Dòng vốn ETF cũng giảm quy mô rút ròng xuống 27 triệu USD và chủ yếu đến từ các quỹ FUBON, DCVFM VN30 ETF.
- **Kinh tế phục hồi mạnh Quý III với GDP tăng 7,4%, 9 tháng tăng 6,82%.** Công nghiệp chế biến chế tạo duy trì là động lực tăng trưởng chính bên cạnh sự khởi sắc của xuất khẩu, dịch vụ du lịch. FDI đăng ký 9 tháng tăng 11,6% YoY, FDI thực hiện tăng 8,9% và đạt mức cao kỷ lục trong lịch sử. Tỷ giá ổn định, lạm phát tiếp tục hạ nhiệt trong tháng 9. Tuy nhiên giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, mới đạt 47,29% kế hoạch đề ra. Phòng Phân tích SHS dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2024 đạt khoảng 6,8% - 7%, vượt kế hoạch 6,5% đã được Quốc hội thông qua.
- **Xu hướng VN-Index trong quý IV được dự báo** vượt lên vùng giá 1.300 điểm để hướng đến các vùng giá cao hơn 1.320 điểm - 1.350 điểm với kỳ vọng căng thẳng địa chính trị trên thế giới hạ nhiệt, kết quả kinh doanh Quý III của các doanh nghiệp tiếp tục đà tăng trưởng.
- **Danh mục cổ phiếu khuyến nghị duy trì 16 mã.** Trong tháng 9, cổ phiếu tích cực nhất danh mục là VLB (+9,67%), TCB (+3,64%), MBB (+3,42%), cổ phiếu kém tích cực trong tháng là IDC (-4,95%), PNJ (-3,37%).

The image features a blue-toned view of Earth from space, showing the continents of Asia and Australia. A network of white lines and dots is overlaid on the globe, suggesting a global network or data flow. A white rectangular frame is positioned on the right side of the image, partially enclosing the text. The text is centered and reads:

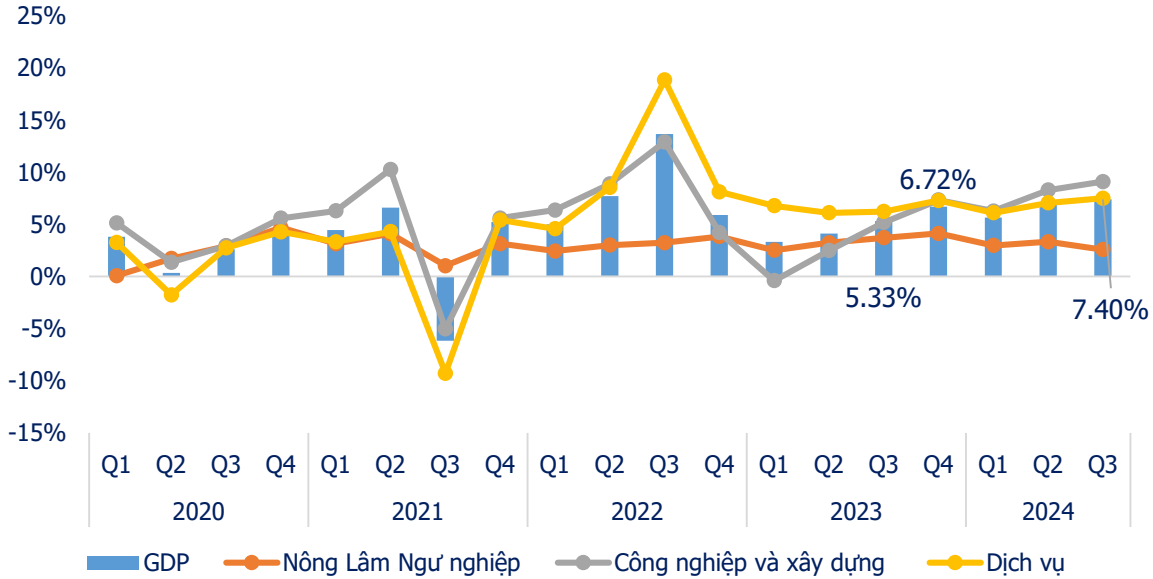
**KINH TẾ VĨ MÔ**  
**THÁNG 09**



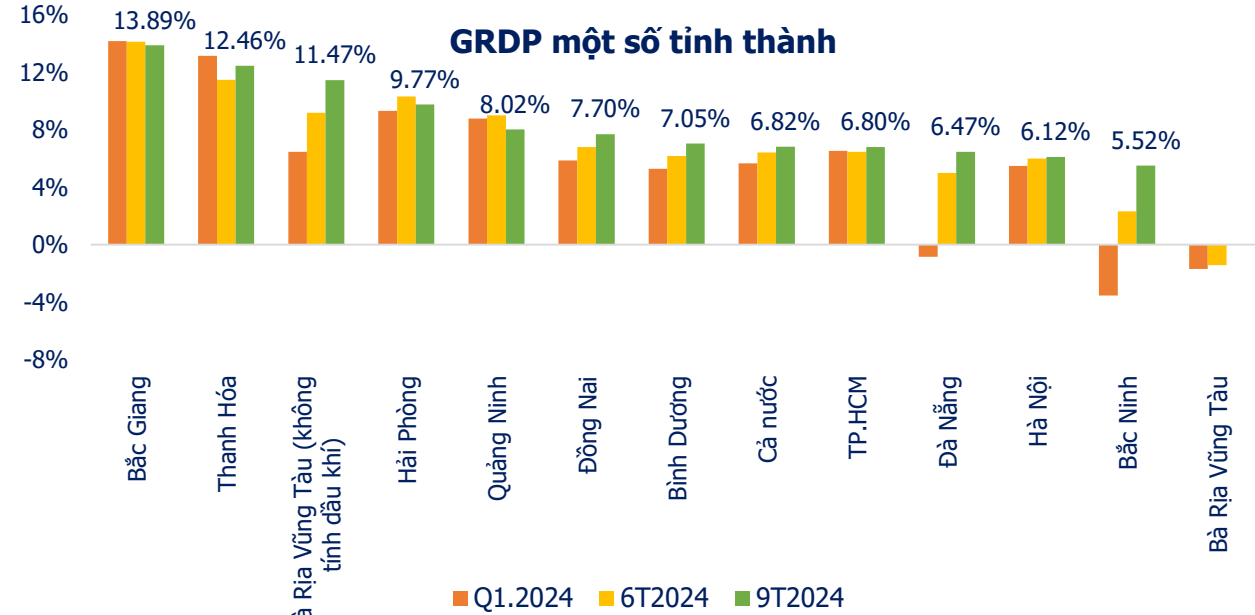
Biến cơ hội thành giá trị

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 09

### Tăng trưởng GDP (YoY)



### GRDP một số tỉnh thành



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

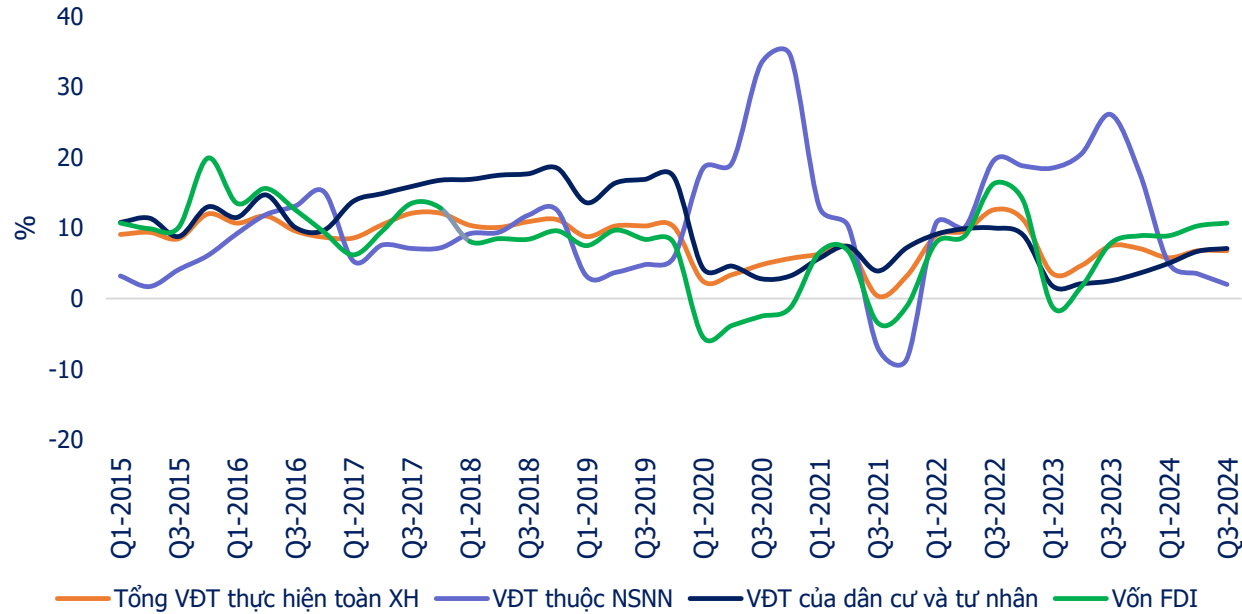
Tăng trưởng GDP Q3.2024 đạt 7,4%, đưa GDP 9 tháng năm 2024 tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước, trong đó tăng trưởng khu vực nông lâm ngư nghiệp giảm tốc do tác động của bão Yagi, khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ tiếp tục phục hồi. Chi tiết theo tỉnh thành, điểm sáng tăng trưởng đến từ các tỉnh thành thu hút vốn FDI và mạnh về sản xuất công nghiệp, tăng trưởng của TP.HCM và Hà Nội thấp hơn tăng trưởng chung toàn nền kinh tế.

Q4.2024 được kỳ vọng là cao điểm đầu tư tăng trưởng của nền kinh tế khi dư địa chi đầu tư công và tín dụng còn rất lớn cùng với nhu cầu tái thiết sau bão. Ước tính còn 1,18 triệu tỷ đồng cần bơm ra nền kinh tế trong quý cuối năm, cao hơn 22% so với vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong Q3.2024. Tại phiên họp thường kỳ tháng 9, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP Q4 đạt 7,5-8%, tăng trưởng GDP cả năm đạt trên 7%.

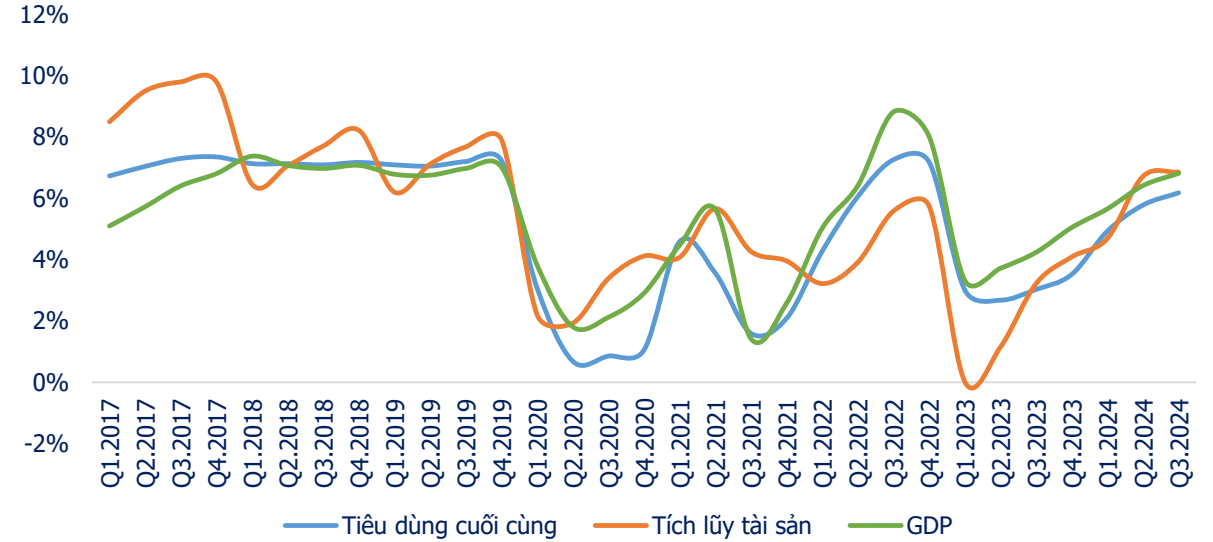
Phòng Phân tích SHS dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2024 đạt khoảng 6,8% - 7%, vượt kế hoạch 6,5% đã được Quốc hội thông qua từ đầu năm. Tuy nhiên điểm cần lưu ý là tăng trưởng tiêu dùng cuối cùng 9 tháng đạt 6,18%, vẫn thấp hơn mức trung bình khoảng trên 7% thời điểm trước đại dịch, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng nếu loại trừ yếu tố giá chỉ tăng 5,8% cho thấy sức cầu toàn nền kinh tế còn yếu.

Biến cơ hội thành giá trị

### Tăng trưởng Vốn đầu tư thực hiện toàn XH



### Tăng trưởng tiêu dùng cuối cùng và tích lũy tài sản (% Lũy kế so với cùng kỳ)



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

Chi tiết về nguồn vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 9T2024, nguồn vốn từ NSNN sau thời gian tăng trưởng mạnh đang có tốc độ tăng chững lại, chỉ đạt 2%YoY, nguồn vốn FDI có tốc độ tăng 10,7%, đang trở thành cấu phần quan trọng trong tổng vốn đầu tư. Nguồn vốn đầu tư của dân cư và tư nhân, chiếm 55% tổng vốn đầu tư, có xu hướng phục hồi trong năm 2024 sau năm 2023 tăng trưởng chậm, hiện ở mức 7%, tuy nhiên tốc độ tăng còn thấp hơn khá nhiều giai đoạn trước Covid.

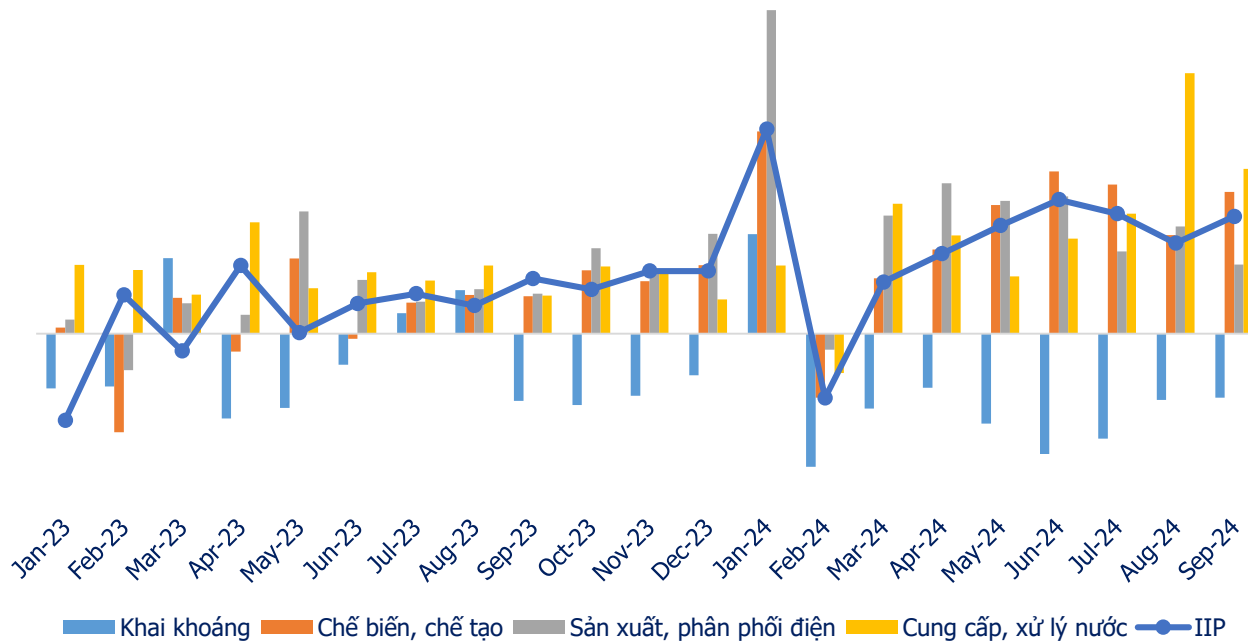
Về sử dụng GDP 9 tháng 2024, tăng trưởng tiêu dùng cuối cùng 9 tháng đạt 6,18%, theo xu hướng phục hồi sau giai đoạn khó khăn sau Covid, đóng góp 62,66% vào tốc độ tăng chung của nền kinh tế, tích lũy tài sản tăng 6,86%, đóng góp 36,68%. Tốc độ tăng tiêu dùng cuối cùng vẫn thấp hơn mức trung bình khoảng trên 7% thời điểm trước đại dịch, thể hiện sức cầu khu vực tư nhân phục hồi chậm. Diễn biến này cho thấy tăng trưởng hiện phụ thuộc lớn vào tiền đầu tư, sức cầu nội địa còn cần thời gian để phục hồi.



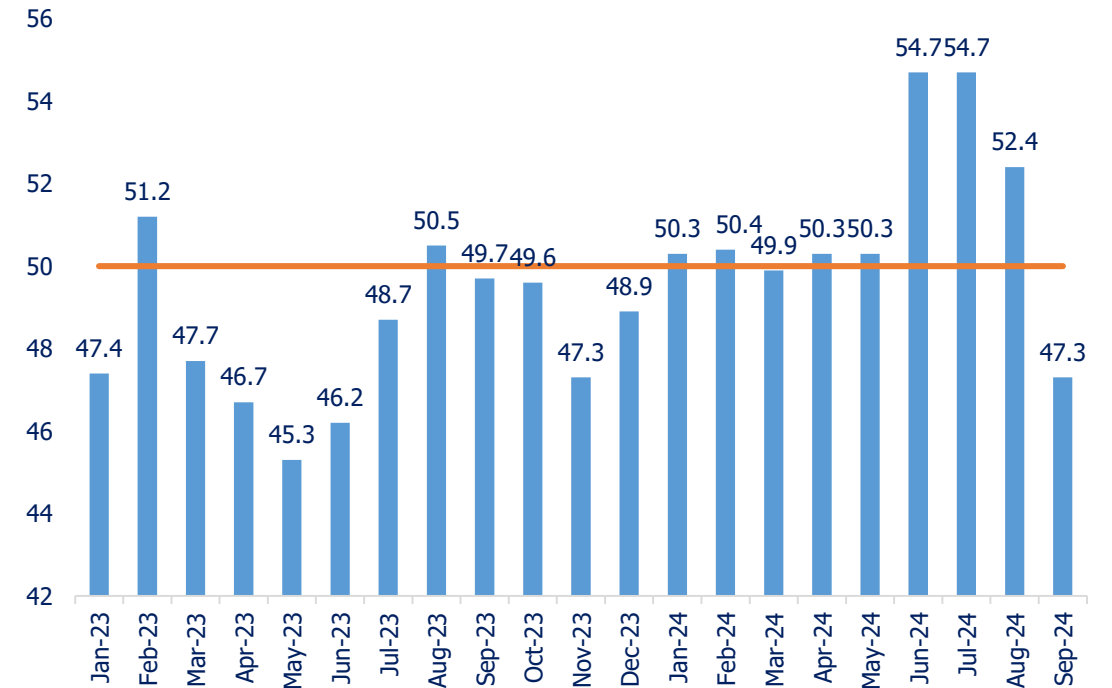
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 09

**Sản xuất công nghiệp là động lực chính cho tăng trưởng GDP.** IIP tháng 9 giảm 0,19% MoM và tăng 10,84% YoY, lũy kế 9 tháng tăng 8,6% so với mức tăng 0,3% cùng kỳ 2023 cho thấy sự phục hồi mạnh của ngành sản xuất, đặc biệt là công nghiệp chế biến chế tạo (+9,87% YoY trong 9 tháng 2024 so với mức 0,21% cùng kỳ 2023). Chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam tháng 9 tuy vậy giảm xuống 47,3 điểm do hoạt động mua hàng, sản lượng và số đơn hàng mới chịu tác động bởi việc ngừng kinh doanh tạm thời và sự chậm trễ trong chuỗi cung ứng gây ra bởi cơn bão Yagi tại các tỉnh tập trung hoạt động công nghiệp tại phía Bắc. Điểm đáng lưu ý là số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm trong tháng 9 mặc dù mức giảm thấp hơn mức giảm chung của tổng số đơn hàng.

### Tăng trưởng các ngành công nghiệp (%YoY)



### Chỉ số PMI (điểm)



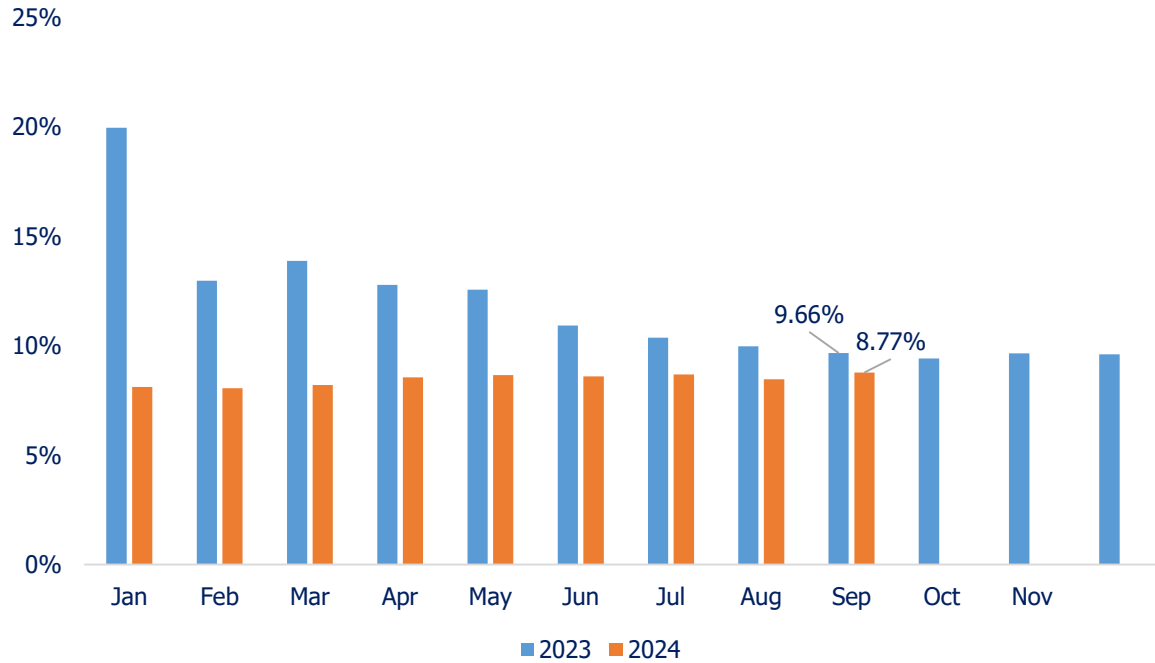
Nguồn: Bloomberg, FiinGroup, SHS tổng hợp



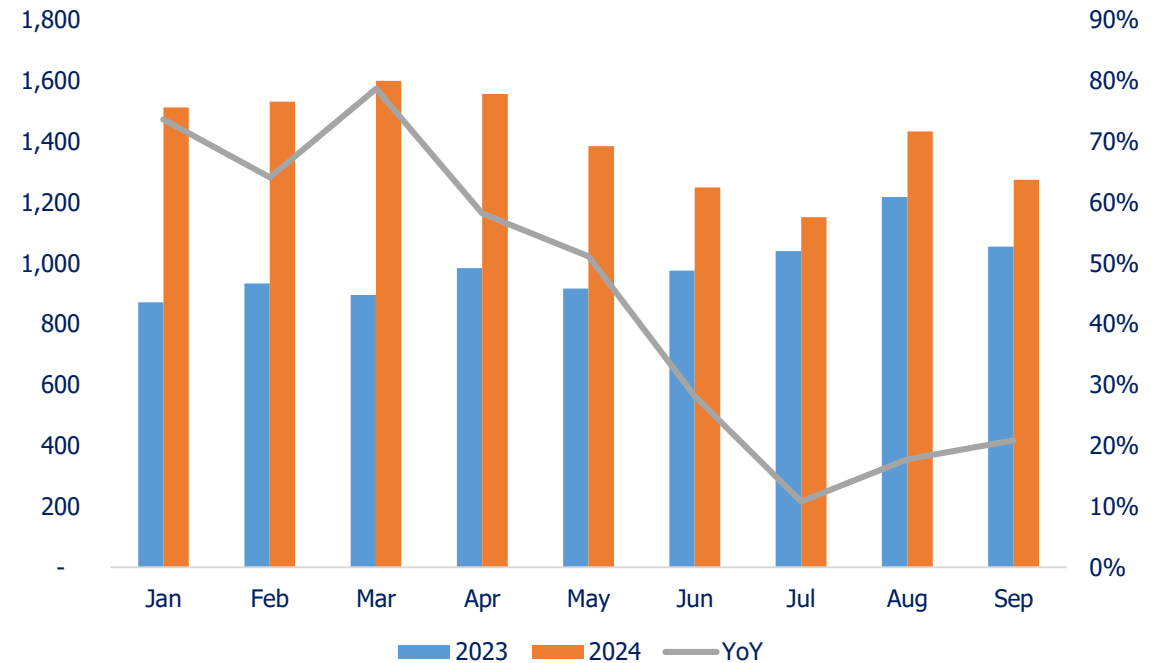
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 09

**Câu nội địa duy trì ở mức thấp.** Tổng mức BLHH và DVTD theo giá hiện hành tháng 9 tăng 7,6% YoY và lũy kế tăng 8,77% YoY, có cải thiện so với tháng 8 (8,46%), tuy vậy vẫn thấp hơn so với mức tăng 10,1% cùng kỳ năm 2023 và chưa quay trở lại tốc độ tăng trưởng trước giai đoạn dịch Covid, loại trừ yếu tố giá tăng 5,8% (cùng kỳ 2023 tăng 7,6%). Lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 9 giảm 11,9% MoM và tăng 20,9% YoY. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam đón 12,7 triệu lượt khách quốc tế, tăng 43% YoY và gần tương đương với cùng kỳ trước dịch (2019).

### Tổng mức bán lẻ (Ytd % YoY)



### Khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

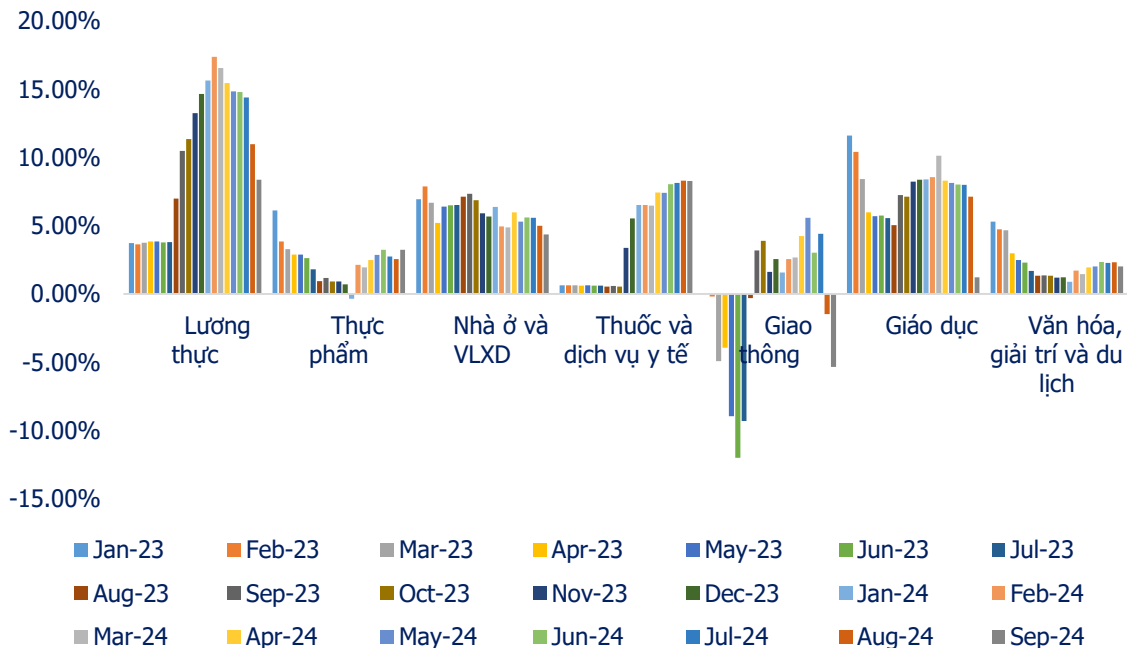


# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 09

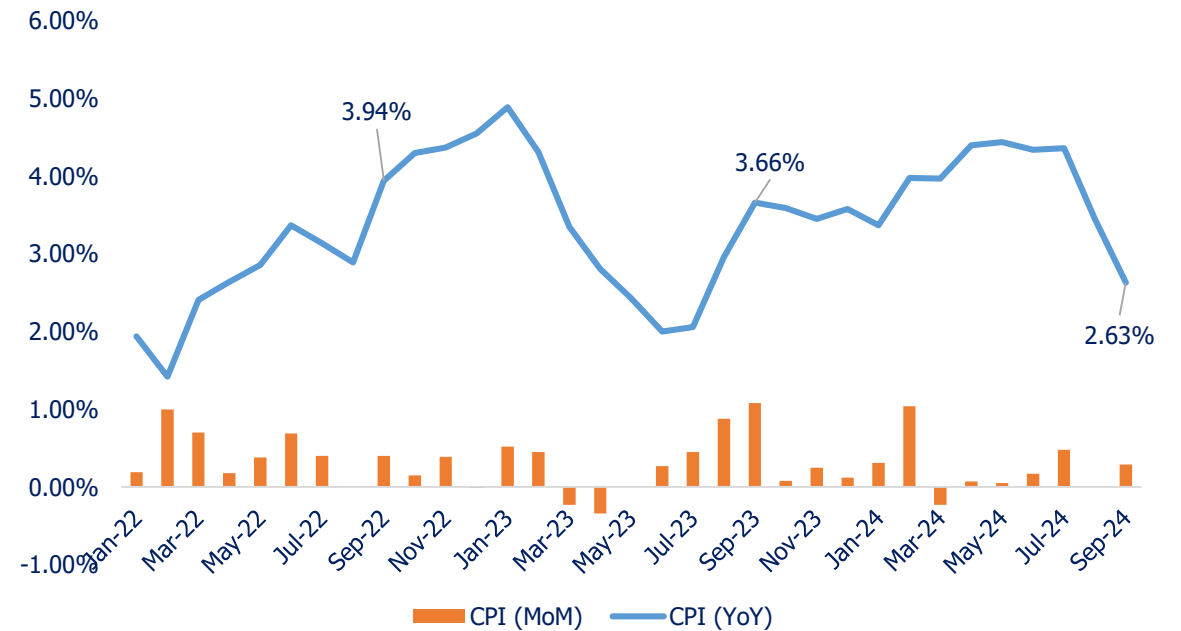
**Lạm phát hạ nhiệt.** CPI tháng 9 tăng 0,29% MoM và tăng 2,63% YoY. Trong tháng 9 mặc dù chịu ảnh hưởng bởi thiên tai tuy nhiên nhóm hàng chiếm trọng số lớn nhất trong rổ là Lương thực (+8,37%), Thực phẩm (+3,24%) đều ổn định về giá. Nhóm Giao thông (-5,33%) có tháng giảm khá mạnh do giá thể giới giảm so với tháng 8 và có tháng giảm thứ 2 liên tiếp. Ngoài ra, nhóm Giáo dục (+1,21%) tăng thấp do không còn chịu ảnh hưởng mang tính mùa vụ như tháng 8 và nhóm Y tế ổn định.

Bình quân 9 tháng năm 2024, CPI tăng 3,88% YoY, lạm phát cơ bản duy trì tại mức +2,54%. Mặc dù giá dầu thế giới đang biến động bất lợi, do những căng thẳng tại khu vực Trung Đông gia tăng, tiếp tục có thể tác động tới CPI trong tháng 10. Tuy nhiên với diễn biến hạ nhiệt của tỷ giá, khả năng kiểm soát lạm phát cả năm trong giới hạn 4,0% - 4,5% theo mục tiêu của Quốc hội theo chúng tôi là khả thi.

### Giá một số nhóm hàng hóa trong CPI (% YoY)



### Diễn biến CPI qua các tháng (YoY)



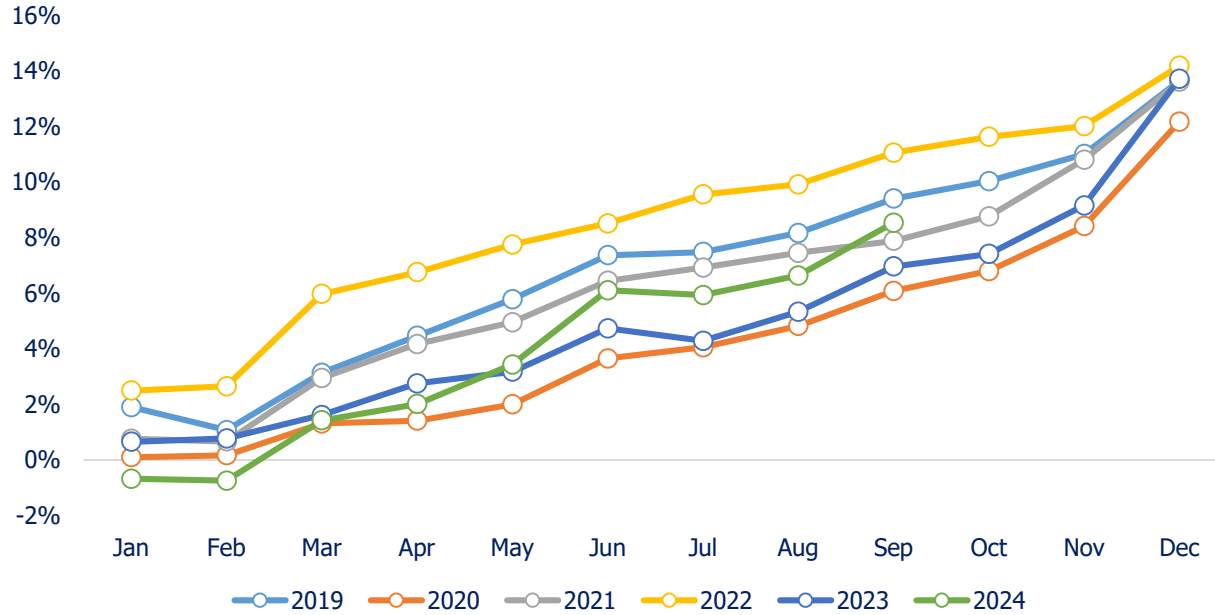
Nguồn: GSO, SHS tổng hợp



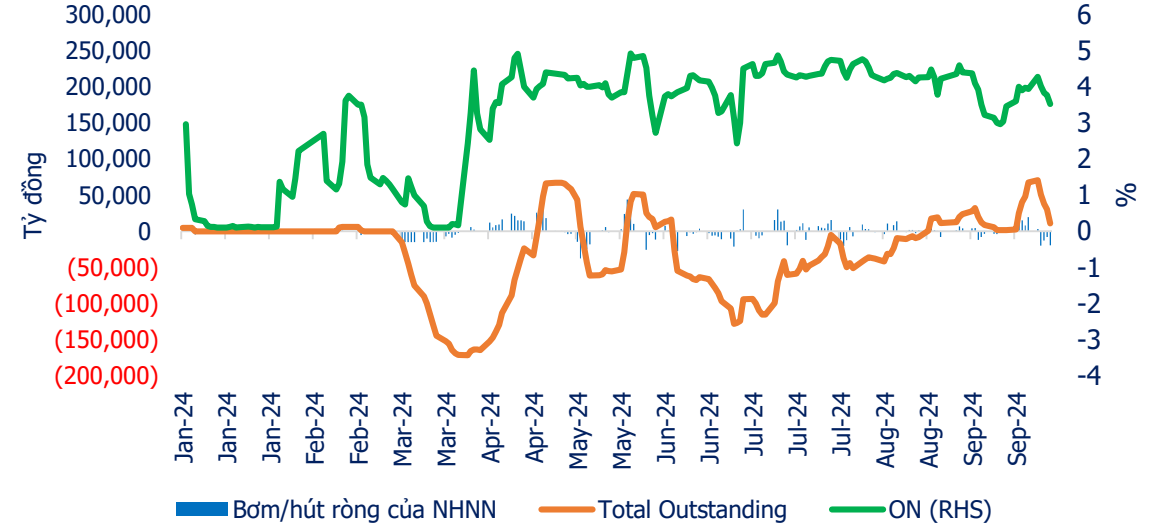
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 09

Biến cơ hội thành giá trị

### Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2024



### Lãi suất liên Ngân hàng kỳ hạn qua đêm và diễn biến bơm rút ròng qua OMO của NHNN



Nguồn: Bloomberg, SBV, GSO, SHS tổng hợp

Tính đến 27/9/2024, tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế đạt 8,53%, có cải thiện đáng kể so với mức 7,38% tại thời điểm ngày 17/09/2024. Kết quả trên tương đương 1,157 triệu tỷ đồng đã được bơm ra nền kinh tế trong 9 tháng năm 2024, đa số tập trung tại thời điểm cuối quý. Với mục tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm 15%, còn 877.900 tỷ đồng tín dụng cần bơm ra nền kinh tế trong quý cuối năm.

NHNN đã bơm ra 70 nghìn tỷ đồng qua kênh OMO với lãi suất 4%/năm vào cuối tháng 9 khi nhu cầu thanh khoản của các Ngân hàng tăng về cuối quý và KBNN có xu hướng giảm số dư gửi ngân hàng, chuẩn bị cho cao điểm giải ngân đầu tư công. Động thái nới lỏng của NHNN và tăng trưởng tín dụng cải thiện giúp tổng phương tiện thanh toán tăng 5,10% so với cuối năm 2023, tăng đáng kể so với mức 2,53% tại thời điểm cuối tháng 7. Dòng tiền OMO đã quay trở lại NHNN vào đầu tháng 10, khi thanh khoản của hệ thống Ngân hàng ổn định hơn.

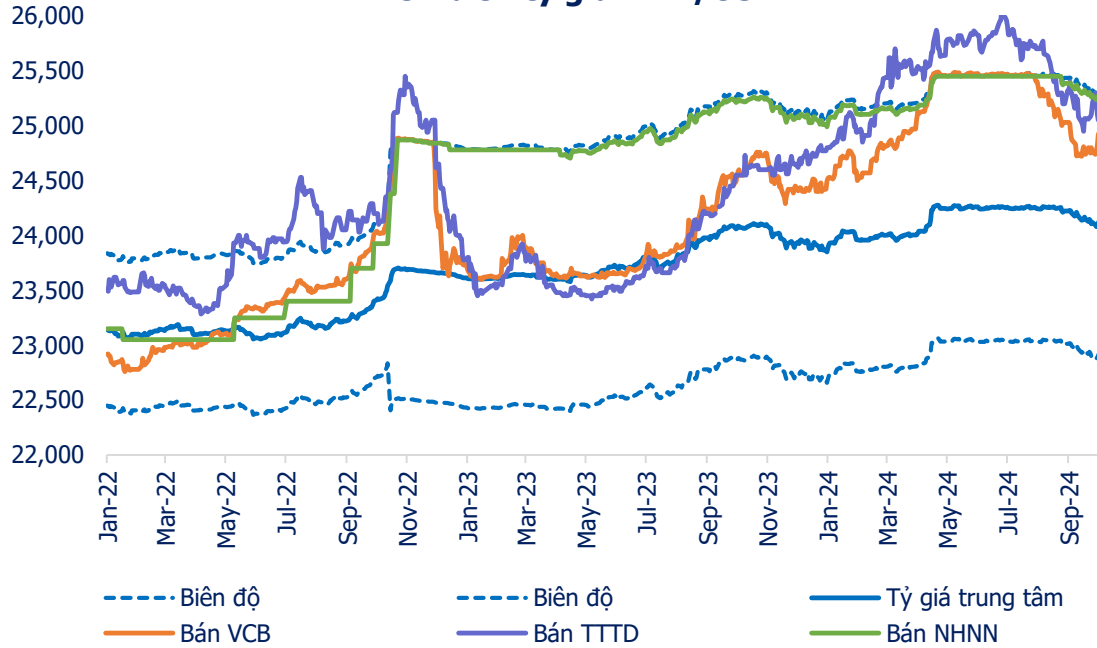
Lãi suất huy động toàn hệ thống Ngân hàng vẫn tương đối ổn định trong tháng 9, trừ diễn biến tăng lãi suất kỳ hạn ngắn của một vài NHTMCP tư nhân. Hệ thống Ngân hàng dự báo sẽ hoàn thành mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024. Lãi suất huy động có thể tăng trước nhu cầu vốn bơm ra cuối năm tuy nhiên dự báo không nhiều, phụ thuộc nhu cầu thanh khoản của từng ngân hàng, trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng vẫn khá phân hóa.



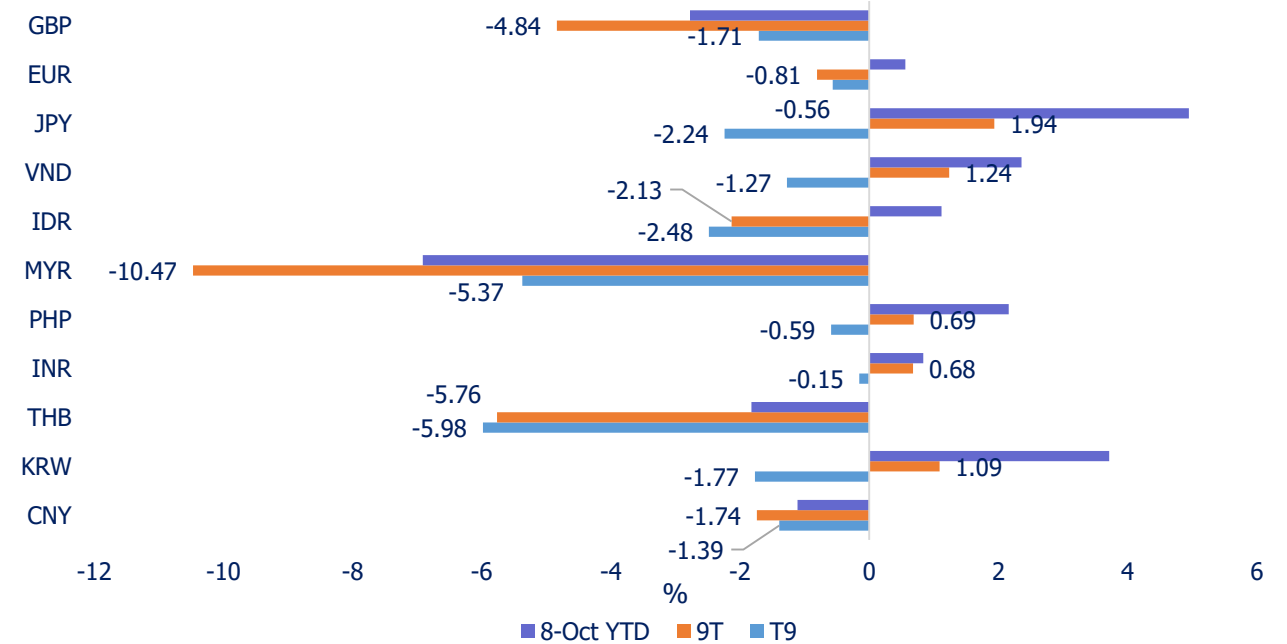
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 09

Biến cơ hội thành giá trị

### Diễn biến tỷ giá VND/USD



### Biến động tỷ giá các đồng tiền so với USD trong năm 2024



Nguồn: Bloomberg, FiinGroup, SHS tổng hợp

Đồng VND tiếp tục tăng giá so với đồng USD trong tháng 9, đưa mức mất giá kể từ đầu năm xuống còn 1,24%. Tỷ giá VNDUSD thị trường tự do và tại NHTM đều xuống thấp hơn khá nhiều so với mức trần của NHNN, với mức mất giá kể từ đầu năm còn lần lượt là 2,14% và 1,31%. Tỷ giá VNDUSD có xu hướng tăng trở lại vào đầu tháng 10 khi chỉ số DXY mạnh lên do nhà đầu tư đánh giá lộ trình hạ lãi suất của FED sẽ chậm lại trước số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ tích cực. Theo CME FedWatchTool, thị trường đang kỳ vọng FED sẽ còn 2 lần giảm lãi suất vào tháng 11 và tháng 12, tổng mức giảm 0,5%.

Chúng tôi cho rằng áp lực tỷ giá đối với đồng VND hiện không quá lớn, được hỗ trợ nhờ cán cân thương mại thặng dư, dòng vốn FDI tích cực và lượng kiều hối thường có xu hướng chuyển về dịp cuối năm. Tỷ giá hạ nhiệt tạo điều kiện giúp NHNN có thêm dư địa trong điều hành chính sách tiền tệ qua việc giảm lãi suất liên ngân hàng cũng như thúc đẩy tăng trưởng tín dụng. Mức độ mất giá của đồng VND khoảng 2% trong năm 2024 là phù hợp trong bối cảnh Việt Nam có xu hướng điều hành chính sách tiền tệ theo chiều hướng ưu tiên tăng trưởng.

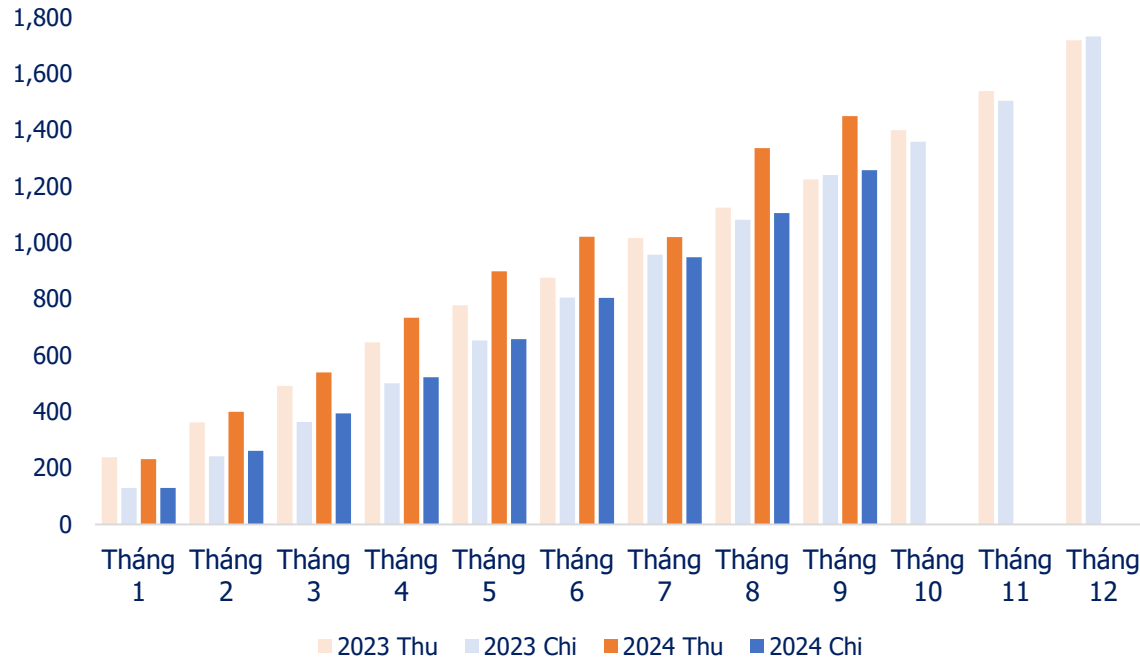


# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 09

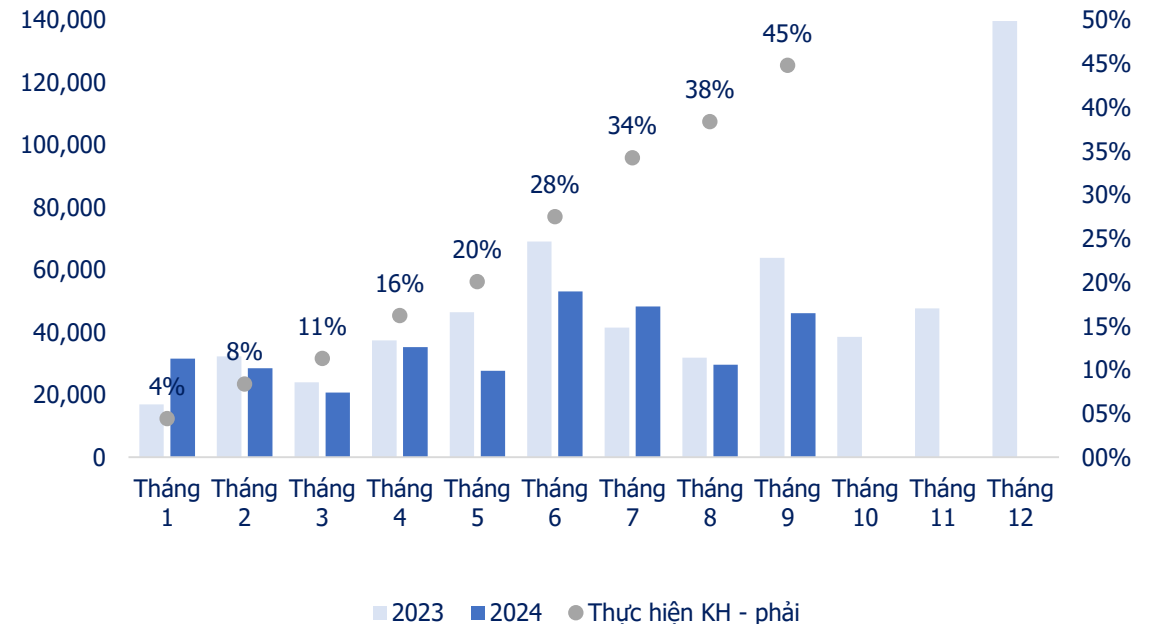
Trong 9 tháng đầu năm 2024 tổng thu ngân sách Nhà nước đạt hơn 1.448 nghìn tỷ đồng, bằng 85,1% dự toán, tăng 17,9% YoY trong đó thu nội địa đạt 1.203 nghìn tỷ đồng, tăng 18,9% YoY. Tổng chi ngân sách Nhà nước ước 1.256,3 nghìn tỷ đồng, bằng 68% dự toán năm và tăng 1,4% YoY.

Theo Bộ Tài chính, tính đến ngày 30/9/2024, đã có 664.900 tỷ đồng vốn đầu tư công (98,1% kế hoạch Thủ tướng) đã được phân bổ. Vốn đầu tư công thanh toán từ đầu năm đến ngày hết tháng 9/2024 là trên 320.566 tỷ đồng, đạt 47,29% kế hoạch Thủ tướng, thấp hơn tỷ lệ 51,38% của cùng kỳ năm trước. Như vậy để hoàn thành mục tiêu giải ngân cả năm đạt trên 95% kế hoạch, các bộ, ngành, cơ quan và địa phương sẽ cần phải giải ngân gần 360.000 tỷ đồng trong các tháng còn lại của năm 2024.

### Tình hình thu chi NSNN năm 2022-2023 (YTD)

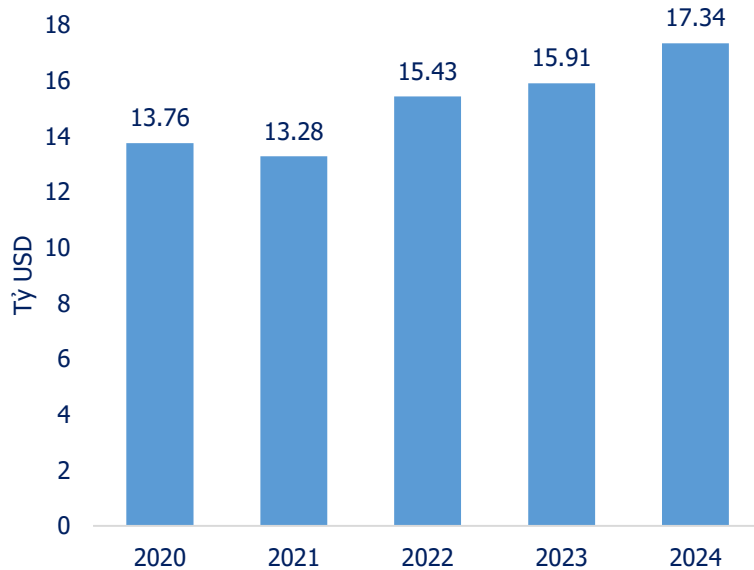


### Tình hình giải ngân vốn đầu tư công (2023-2024)

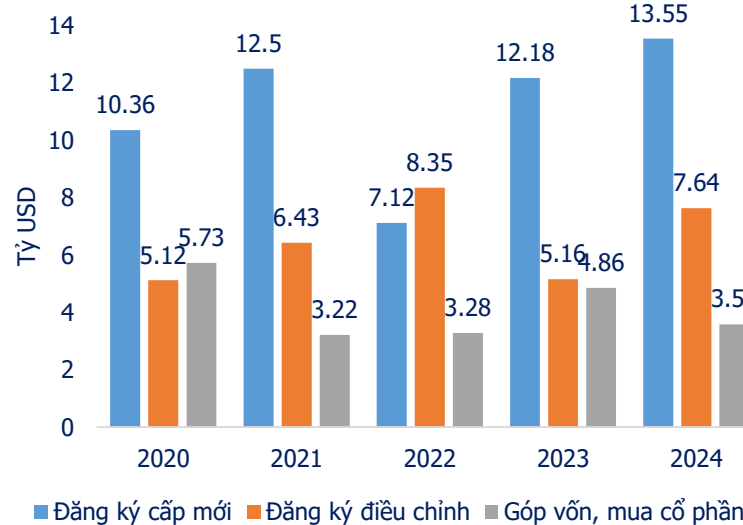


# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 09

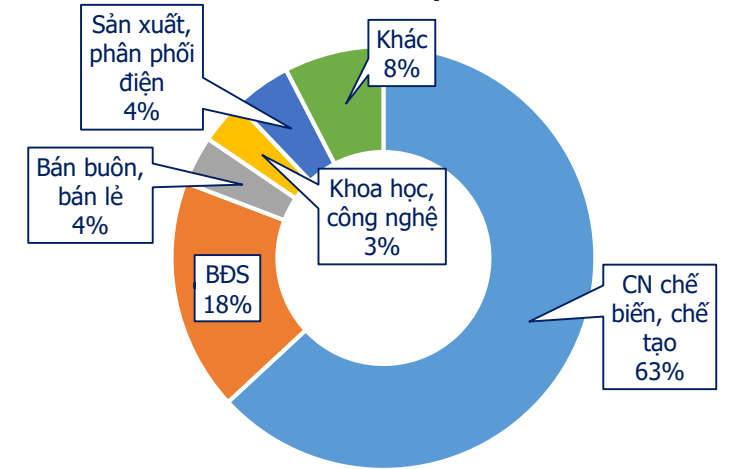
### Vốn thực hiện FDI 9 tháng các năm



### Vốn FDI đăng ký vào Việt Nam 9 tháng (2020-2024)



### Top 5 lĩnh vực được đầu tư FDI nhiều nhất 9T/2024



Nguồn: FiinProX, SHS Research

Tính đến ngày 31/9, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam đạt hơn 24,78 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó vốn đăng ký mới đạt 13,55 tỷ USD, tăng 11,3% YoY. Vốn FDI thực hiện 9 tháng năm 2024 ước đạt 17,34 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 9, tổng vốn FDI đạt 4,26 tỷ USD, cao nhất kể từ đầu năm trong đó có nhiều dự án lớn được cấp giấy chứng nhận như Amkor Technology Việt Nam (1,1 tỉ USD), Foxconn Bắc Ninh (383 triệu USD), nhà máy sản xuất linh kiện điện tử của Công ty TNHH KHKT Goertek Vina (280 triệu USD)...

Tính lũy kế đến tháng 9/2024, cả nước có 41.314 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký gần 491,71 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt khoảng 314,5 tỷ USD, bằng gần 64% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

Về cơ cấu, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với hơn 298,7 tỷ USD (chiếm 60,7% tổng vốn đầu tư). Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ 2 với hơn 71,5 tỷ USD (chiếm 14,5% tổng vốn đầu tư). Tiếp theo là ngành sản xuất, phân phối điện với gần 41,7 tỷ USD (chiếm 8,5% tổng vốn đầu tư).



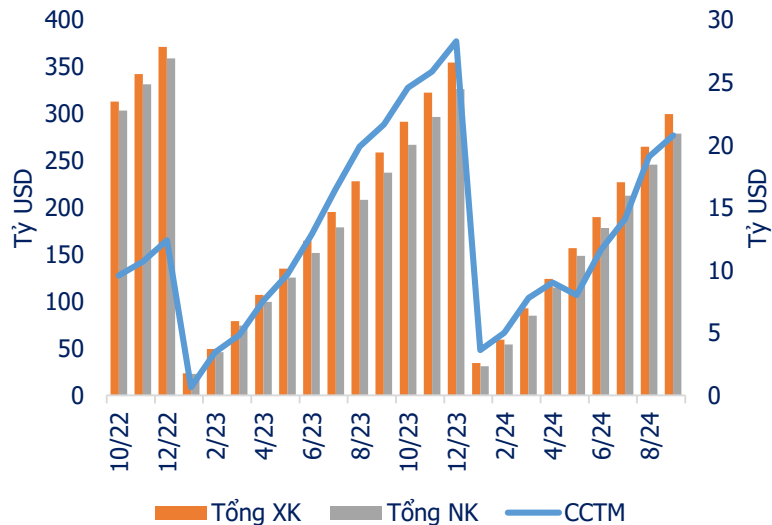
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 09

Trong tháng 9/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 65,81 tỷ USD (-8% MoM và +10,9% YoY). Tính chung 9 tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 578,47 tỷ USD, tăng 16,3% YoY, trong đó xuất khẩu tăng 15,4% YoY; nhập khẩu tăng 17,3% YoY. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,79 tỷ USD.

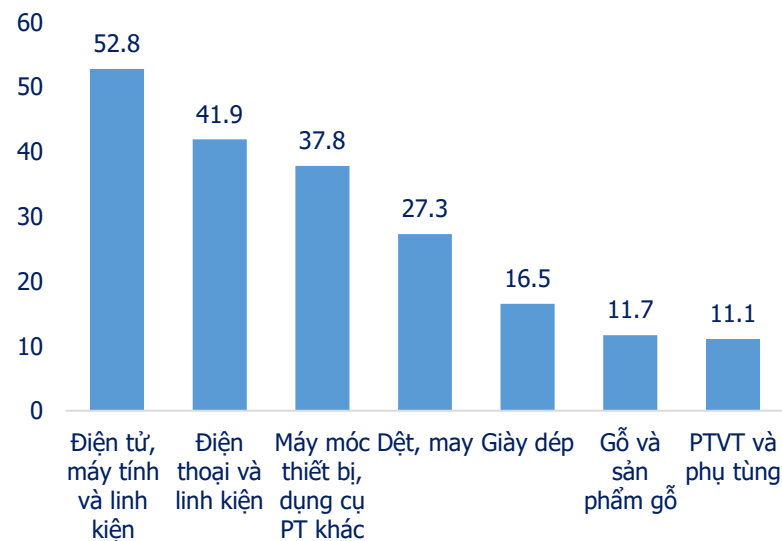
Về số liệu quý, trong quý III/2024, kim ngạch xuất khẩu sơ bộ đạt 108,6 tỷ USD (+15,8% YoY và +10,6% QoQ), kim ngạch nhập khẩu ước tính đạt 99,74 tỷ USD (+17,2% YoY và +6,1% QoQ).

Trong 09 tháng năm 2024 có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,3% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66,4%) và 40 mặt hàng nhập khẩu đạt giá trị trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 91,5% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 3 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 45%).

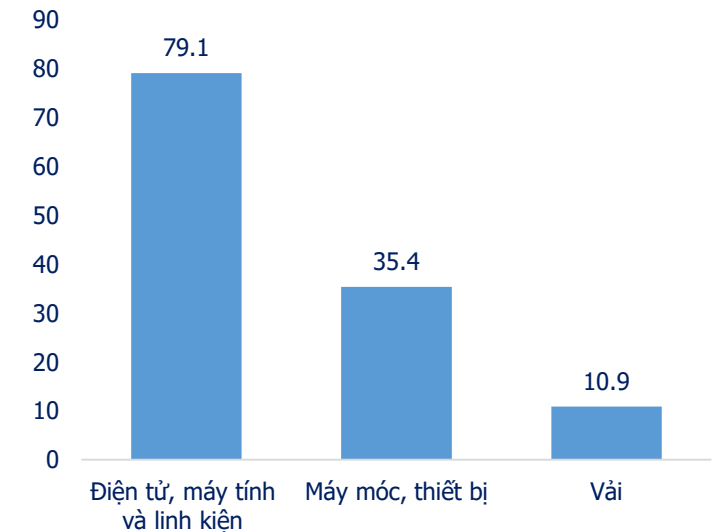
### Tổng xuất nhập khẩu và cán cân thương mại (Tỷ USD)



### Các mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD



### Các mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD





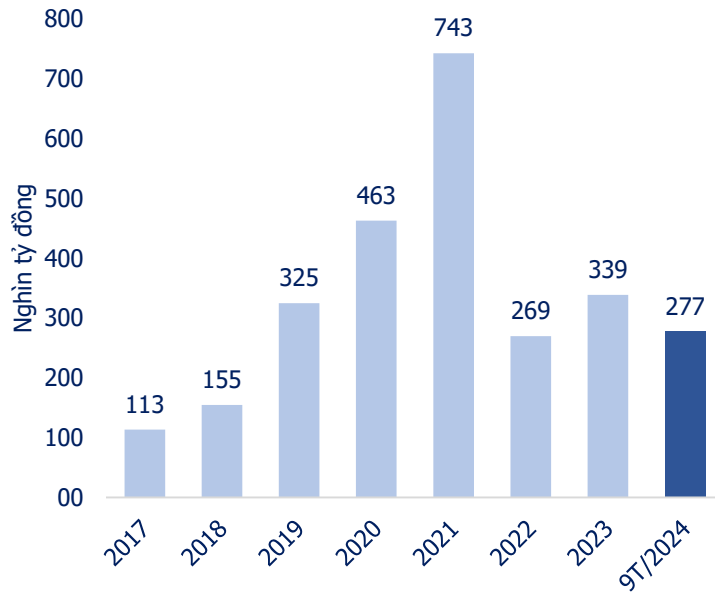
Biến cơ hội thành giá trị

# TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 09

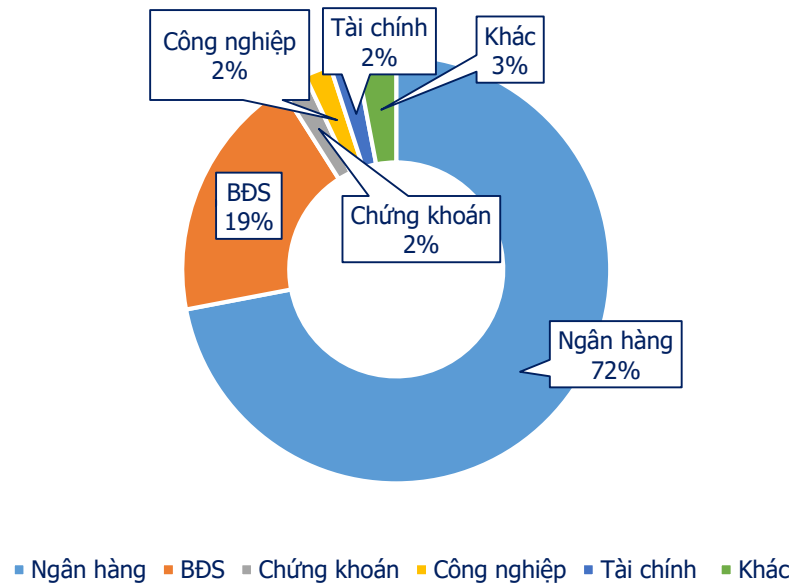
Trong tháng 9/2024, tổng giá trị TPDN phát hành là 23.800 tỷ đồng (-61% MoM) bao gồm 24 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trị giá 22.333 tỷ đồng và 1 đợt phát hành ra công chúng trị giá 1.467 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, có 268 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 250.396 tỷ đồng (+56% YoY và 15 đợt phát hành ra công chúng trị giá 27.054 tỷ đồng (+32% YoY)

Trong tháng 9, các doanh nghiệp đã mua lại 11.749 tỷ đồng trái phiếu trước hạn (+6,6% MoM, +2% YoY). Trong phần còn lại của năm 2024, ước tính sẽ có khoảng 79.858 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn, trong đó phần lớn là trái phiếu bất động sản với 35.137 tỷ đồng, tương đương 44%. Về tình hình công bố thông tin bất thường, có 26 mã trái phiếu chậm trả lãi mới tổng giá trị 239,4 tỷ đồng và 2 mã trái phiếu chậm trả gốc trị giá 550,4 tỷ đồng.

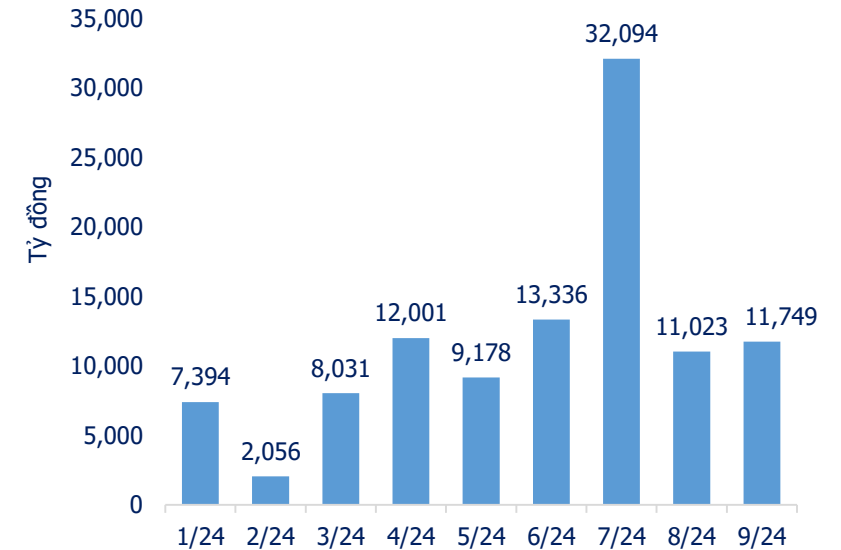
### Giá trị phát hành TPDN



### GTPH theo nhóm ngành 9T/2024



### Giá trị mua lại TPDN các tháng tính từ đầu năm



Nguồn: VBMA




Biến cơ hội thành giá trị

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 09

Chỉ tiêu	Oct-23	Nov-23	Dec-23	Jan-24	Feb-24	Mar-24	Apr-24	May-24	Jun-24	Jul-24	Aug-24	Sep-24
<b>Chỉ số kinh tế</b>												
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	4.10%	5.00%	5.80%	18.30%	-6.80%	4.10%	6.30%	8.90%	10.90%	11.20%	9.50%	10.80%
PMI (điểm)	49.6	47.3	48.9	50.3	50.4	49.9	50.3	50.3	54.7	54.7	52.4	47.3
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	9.40%	9.60%	9.60%	8.10%	8.10%	8.20%	8.50%	8.70%	8.60%	8.70%	8.50%	8.80%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	2.40%	2.90%	3.50%	40.20%	38.60%	7.10%	7.40%	7.80%	8.20%	8.40%	8%	8.90%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	14.70%	14.80%	32.10%	9.60%	9.80%	13.40%	4.50%	2%	13.10%	10.90%	7%	11.60%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	-7.10%	-5.90%	-4.40%	42%	19.20%	17%	15%	15.20%	14.50%	15.70%	15.80%	15.40%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	-12.30%	-10.70%	-8.90%	33.30%	18%	13.90%	15.40%	18.20%	17%	18.50%	17.70%	17.30%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	3.00	1.28	2.28	3.62	1.10	2.93	0.68	-1.00	2.94	2.12	4.53	2.29
<b>Ổn định vĩ mô</b>												
Lạm phát (% YoY)	3.59%	3.45%	3.25%	3.37%	3.98%	3.97%	4.40%	4.44%	4.34%	4.36%	3.45%	2.63%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	4.38%	4.27%	4.16%	2.72%	3.67%	2.81%	2.81%	2.78%	2.75%	2.73%	2.71%	2.69%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	7.39%	8.38%	13.70%	-0.68%	-0.75%	1.34%	1.60%	2.41%	6%	5.23%	6.63%	8.53%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	5.96%	7.92%	10.03%	0%	-0.53%	0.09%	0.13%	0.82%	3.21%	2.52%		5.10%
Lãi suất tái cấp vốn (%)	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	0.75%	0.10%	2.96%	1.37%	1.48%	2.43%	4.40%	2.55%	4.50%	4.25%	4.23%	4.28%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	3.10%	2.58%	2.40%	2.55%	2.45%	2.69%	2.93%	2.97%	2.95%	2.90%	2.85%	2.76%
CDS 5 năm	145.76	126.77	125.74	129.15	124.18	126.99	122.63	117.87	120.8	116.17	104.4	102.42
USD/VND (% MoM)	1.10%	-1.20%	0.03%	0.64%	0.91%	0.58%	2.19%	0.47%	0.02%	-0.75%	-1.54%	-1.27%



The background features a blue-toned financial chart with several white arrows pointing upwards, indicating growth. A silver fountain pen is positioned diagonally across the chart. The overall aesthetic is professional and data-oriented.

**TỔNG QUAN  
TTCK  
THÁNG 09**

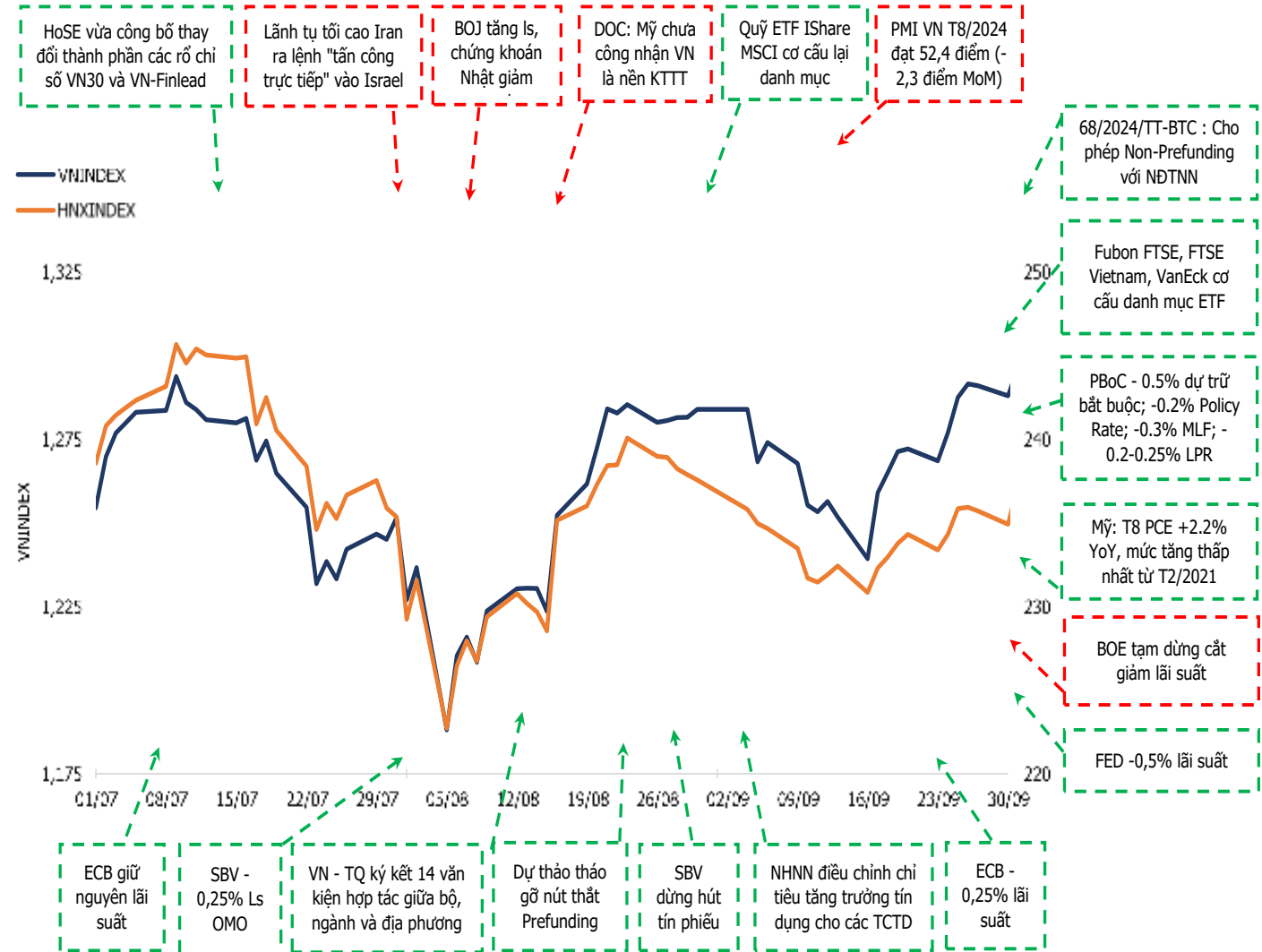
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

## VN-INDEX kết thúc quý III/2024 tại 1.287,94 điểm, tăng 3,42% so với quý II/2024.

VN-Index phục hồi trong nửa cuối tháng 9 và quay lại vùng đỉnh cao nhất năm 2024. Như vậy trong quý III, VN-INDEX duy trì 03 tháng liên tục tăng điểm nhẹ và đóng cửa phiên cuối quý ở 1.287,94 điểm, tăng 3,42% QoQ, sau khi đã kiểm định vùng hỗ trợ mạnh 1.200 điểm. Chỉ số cũng vượt lên trên vùng giá cao nhất năm 2023 (1.250 điểm), mở ra triển vọng tích cực hơn với xu hướng tăng trưởng trung hạn.

Trong tháng 9/2024 điểm nhấn hỗ trợ thị trường là NHTW Trung Quốc (PBoC) triển khai gói kích thích tiền tệ lớn kể từ khi xảy ra đại dịch Covid; Bên cạnh đó FED bắt đầu lộ trình giảm lãi suất lần đầu tiên kể từ 2020 với mức cắt giảm 0,5%. Trong nước NHNN định hướng hỗ trợ thanh khoản hệ thống ngân hàng và việc UBCKNN ban hành quy định Non-Prefunding cũng giúp tâm lý nhà đầu tư tích cực hơn. Thanh khoản thị trường qua đó quay trở lại ở mức cao, trung bình gần 01 tỷ USD trong tuần cuối tháng 9.

Kết thúc quý III, VNINDEX tăng 13,98% so với cuối năm 2023, mức tăng giá tốt trong bối cảnh bên ngoài có nhiều yếu tố bất định, căng thẳng địa chính trị vẫn leo thang mở rộng. Vốn hóa toàn thị trường cuối quý III/2024 khoảng 295 tỷ USD, tương đương 64% GDP ước tính năm 2024. VN-INDEX duy trì xu hướng tăng trưởng trung dài hạn kéo dài từ tháng 4/2020 đến nay.



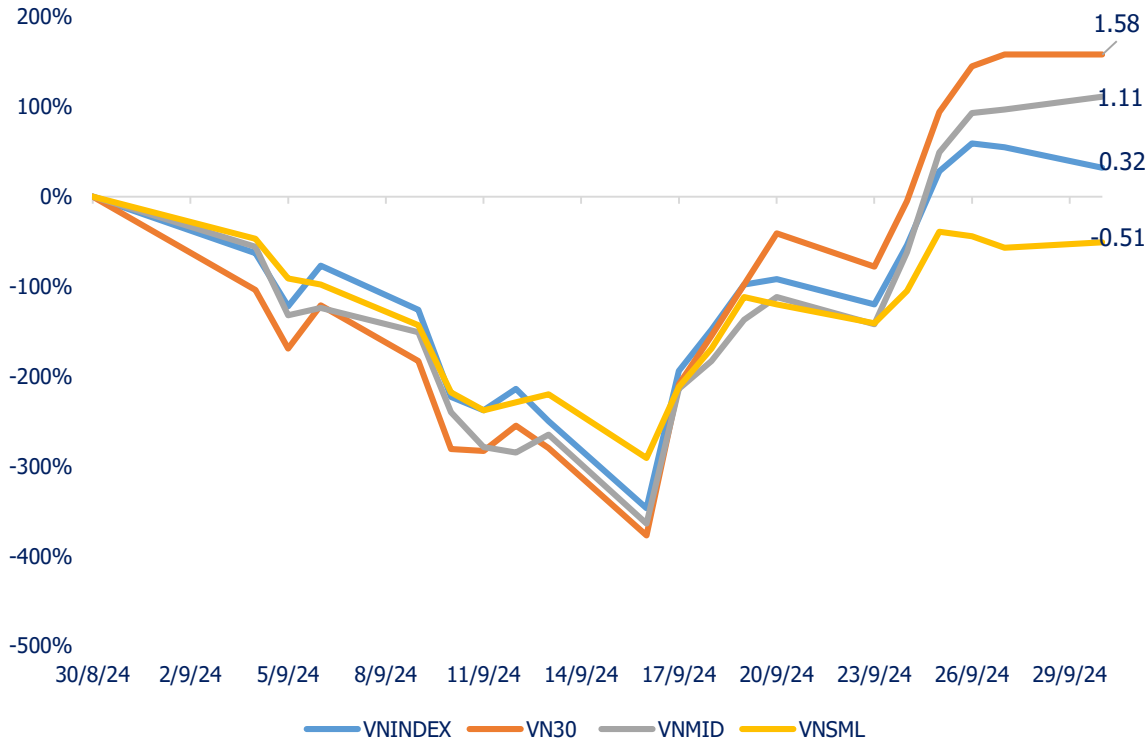


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

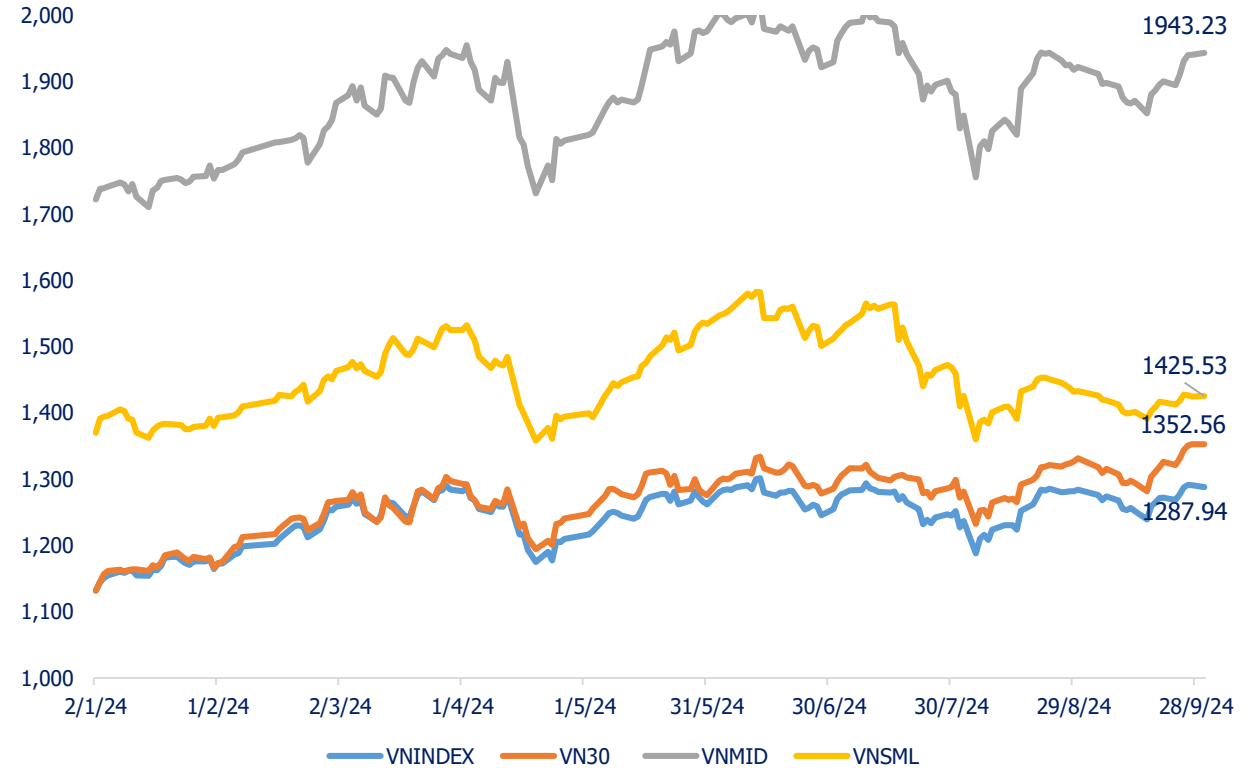
Trong tháng 9/2024, VN-INDEX tăng điểm nhẹ +0,32% MoM nhờ động lực chính đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đại diện là VN30 (+1,58% MoM) sau khi đã tăng tốt 2,50% trong tháng 8. Nhóm vốn hóa trung bình, đại diện là VNMID (+1,11 MoM) duy trì xu hướng tăng sau khi tăng tương đối tốt 2,21% trong tháng 8. Trong khi đó nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ VNMSL (-0,51% MoM) tiếp tục giảm trong tháng 9 và là nhóm cổ phiếu có hiệu suất kém nhất thị trường.

Tính chung 09 tháng đầu năm 2024, VN30 vẫn là nhóm có diễn biến tích cực nhất với mức tăng 19,54%, dẫn dắt VN-INDEX tăng 13,98%. VNMID (+12,36%) cũng có hiệu suất khá tốt, trong khi nhóm VNSML (+3,94%) hiệu quả thấp hơn nhiều so chỉ số chung VN-INDEX.

### Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 09/2024



### Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2024



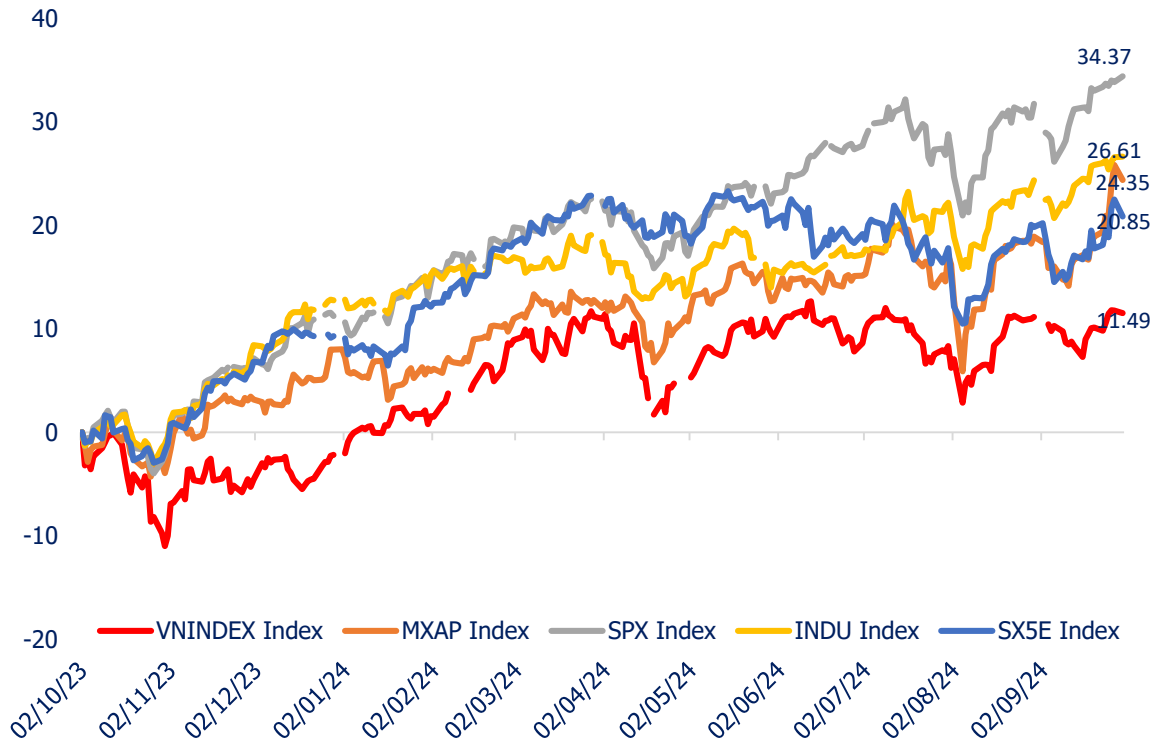


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

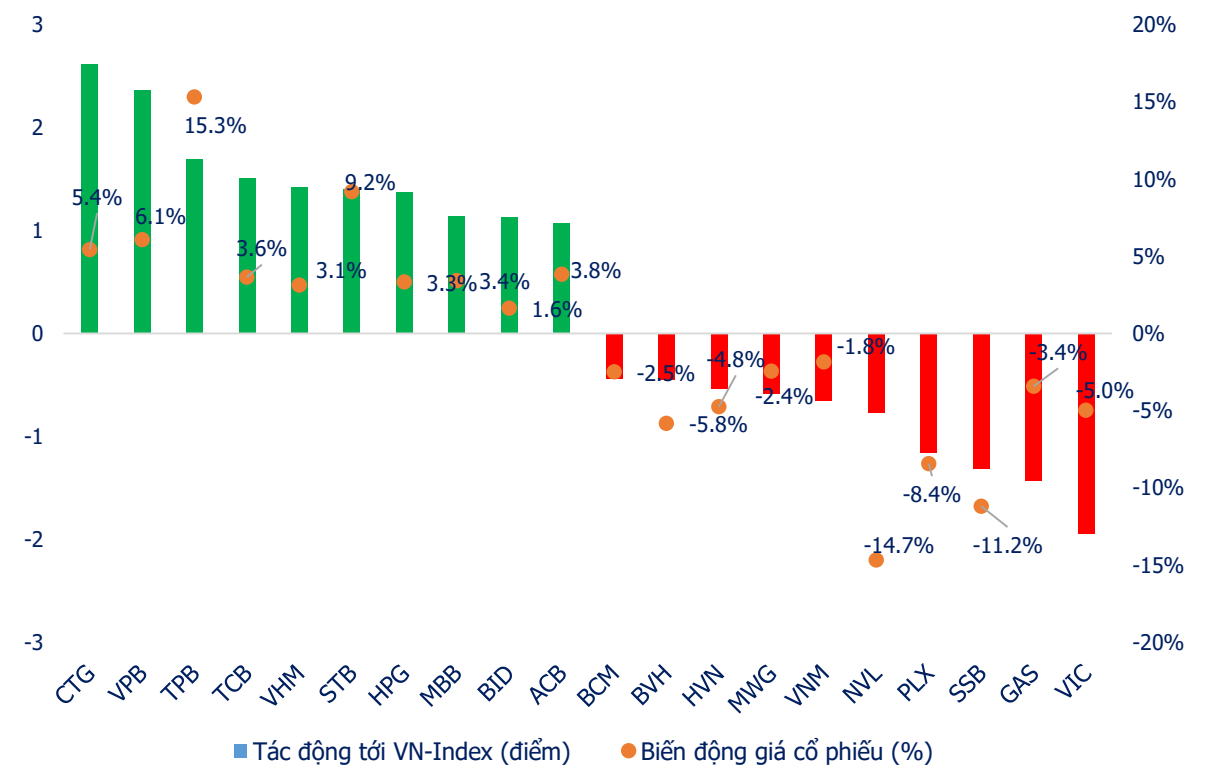
Trong tháng 9/2024, nhóm cổ phiếu ngân hàng duy trì ảnh hưởng tích cực nhất lên thị trường với CTG (+9,5% MoM), VPB (+6,1% MoM), TPB (+15,3% MoM), STB (+9,2% MoM) ... trước những thông tin tích cực như NHNN định hướng hỗ trợ thanh khoản hệ thống ngân hàng, cũng như khối ngoại giải ngân tốt trở lại. Bên cạnh đó là VHM (+3,1% MoM), HPG (+3,3% MoM). Ở chiều ngược lại ảnh hưởng tiêu cực lên chỉ số là VIC (-5,0% MoM), GAS (-3,4% MoM), SSB (-11,2% MoM), PLX (-8,4% MoM)...

So với các thị trường chứng khoán trong khu vực, chỉ số VN-INDEX vẫn có diễn biến kém tích cực hơn khi các thị trường khác đều có mức tăng giá vượt trội.

### Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực



### Top cổ phiếu ảnh hưởng đến VN-Index tháng 09/2024

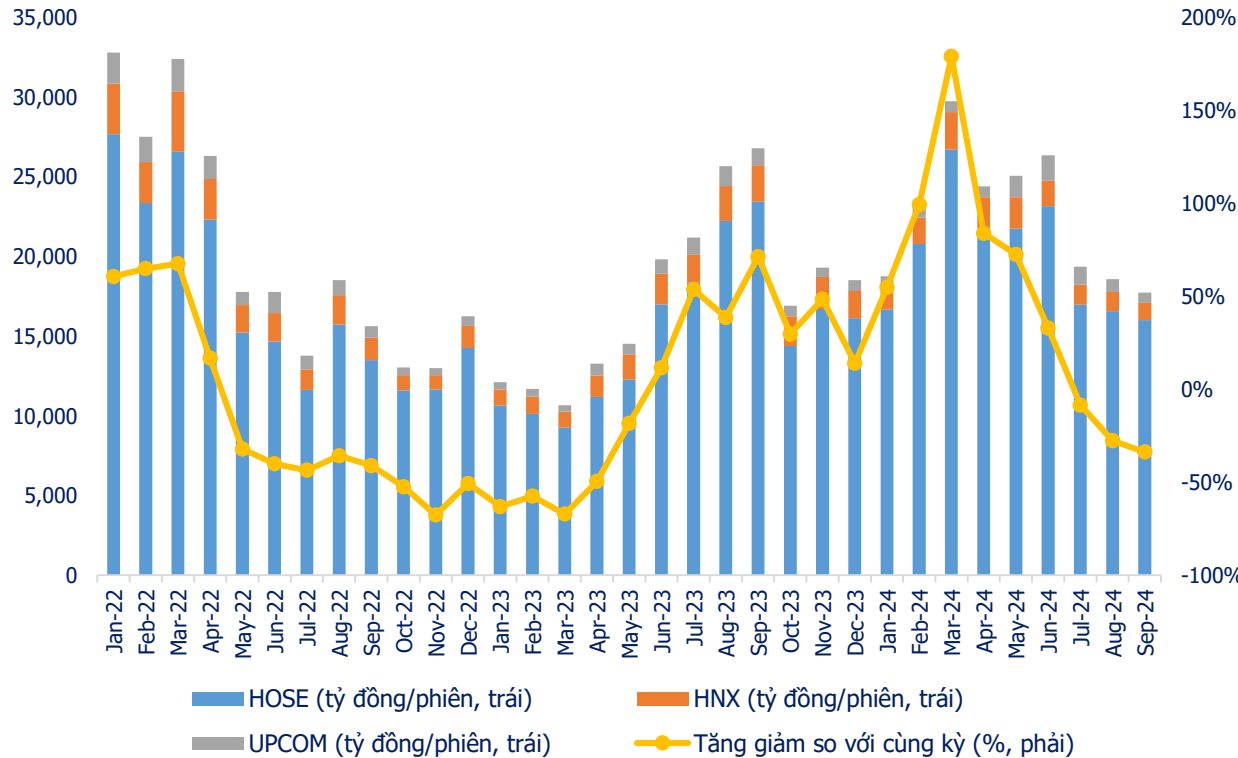




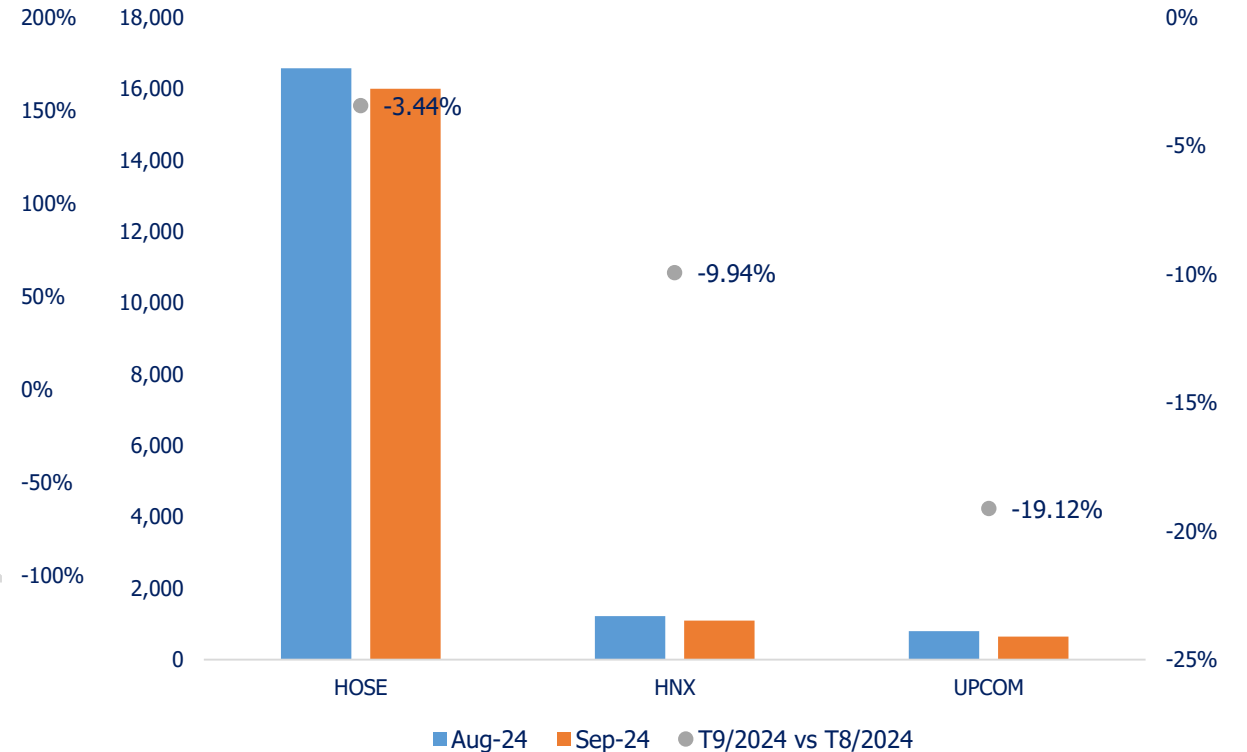
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

**Thanh khoản tiếp tục giảm dưới mức trung bình trong tháng 9/2024.** Mặc dù giao dịch trên thị trường đã cải thiện trong tuần cuối tháng 9 với giá trị trung bình gần 24.000 tỷ đồng/phiên, tuy nhiên trong tháng 9, giá trị giao dịch trung bình 01 phiên trên cả 03 sàn vẫn giảm -4,54% so với tháng 8 và cũng là tháng thứ 3 liên tiếp suy giảm, chỉ đạt 17.737,35 tỷ đồng/phiên, thấp nhất kể từ tháng 10/2023 cho thấy dòng tiền vẫn chưa cải thiện tốt trở lại. Trong đó mức giảm mạnh nhất là tại sàn UPCOM (643,94 tỷ đồng/phiên, -19,12% MoM), tiếp theo là HNX (1.092,010 tỷ đồng/phiên, -9,94%MoM), HOSE (16.001,50 tỷ đồng/phiên, -3,44% MoM).

### GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



### GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)

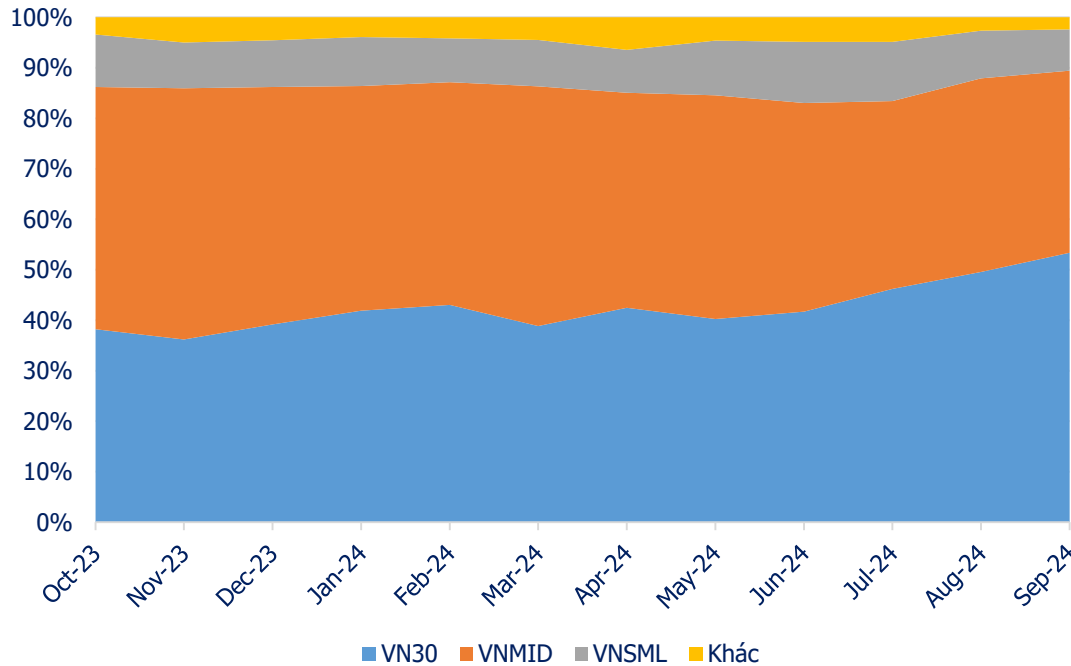




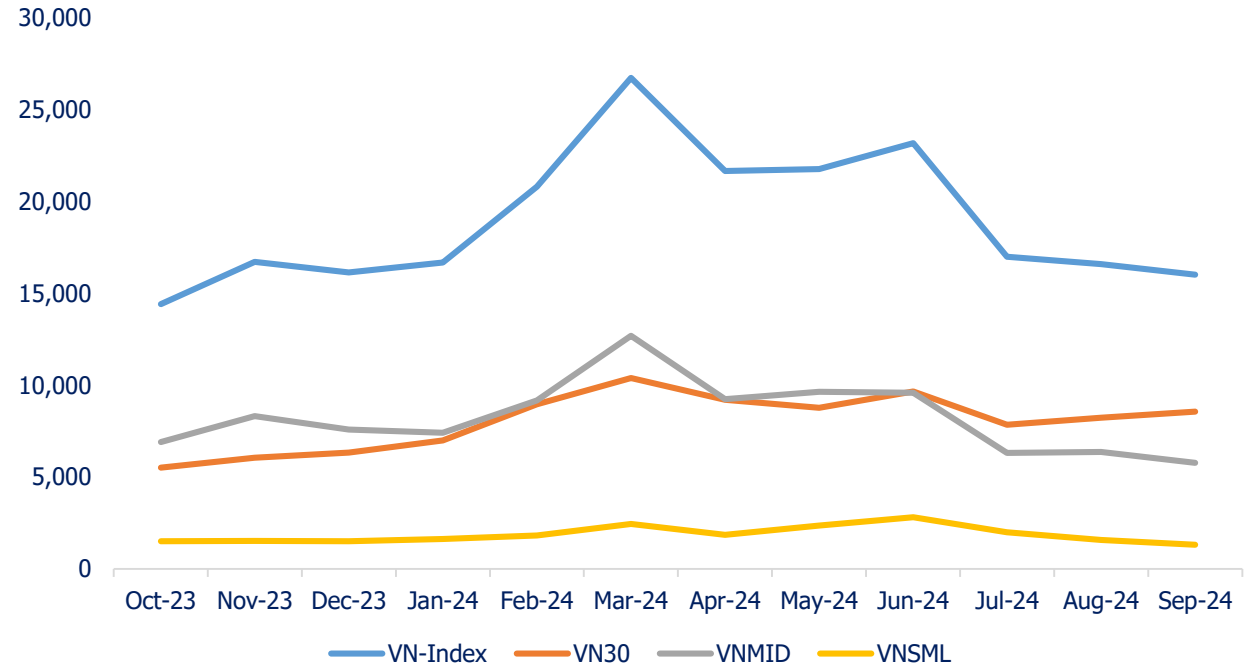
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

Mức độ phân hóa của dòng tiền vẫn diễn ra mạnh trong tháng 9 khi tiếp tục gia tăng tại nhóm vốn hóa lớn VN30 (+4,04% MoM) đặc biệt với các cổ phiếu ngân hàng trong khi suy giảm với các nhóm vốn hóa trung bình VNMID (-9,31% MoM), vốn hóa nhỏ VNSML (-16,57% MoM). Tỷ trọng giao dịch của VN30 qua đó tăng lên 53,40%, mức rất cao trong nhiều năm qua với giá trị giao dịch trung bình 8.545,09 tỷ đồng/phiên, cho thấy dấu hiệu của dòng tiền từ các nhà đầu tư tổ chức đang cải thiện tốt. Trong khi đó tỷ trọng VNMID giảm xuống 36,06%, mức thấp nhất trong 01 năm qua với 5.766,50 tỉ đồng/phiên và VNSML chỉ còn 8,15%, đạt 1.304,63 tỷ đồng/phiên.

### Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



### Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)



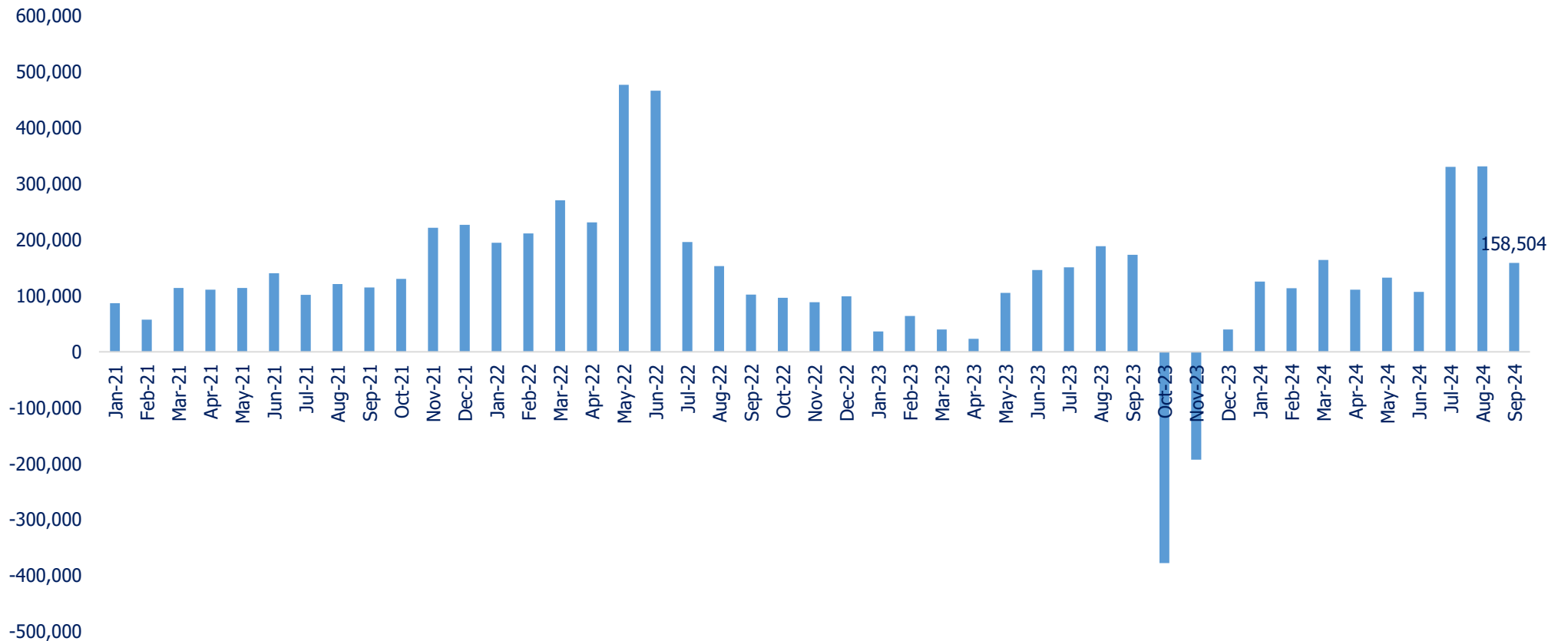
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

Sau 2 tháng tăng đột biến, số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm trong tháng 9 giảm xuống còn 158.504 tài khoản (-52,1% MoM), tuy nhiên vẫn cao hơn mức trung bình giai đoạn 6 tháng đầu năm (125.410 tài khoản). Như vậy số lượng tài khoản chứng khoán trong Quý III tăng thêm 819.908 tài khoản (+134% QoQ) qua đó đưa tổng số lượng tài khoản tăng thêm trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 1,57 triệu tài khoản (+69,8% YoY) đưa tổng số tài khoản giao dịch của nhà đầu tư lên trên 8,86 triệu tài khoản, tăng 21,5% so với cuối năm 2023.

### Số lượng tài khoản chứng khoán tăng/giảm theo tháng



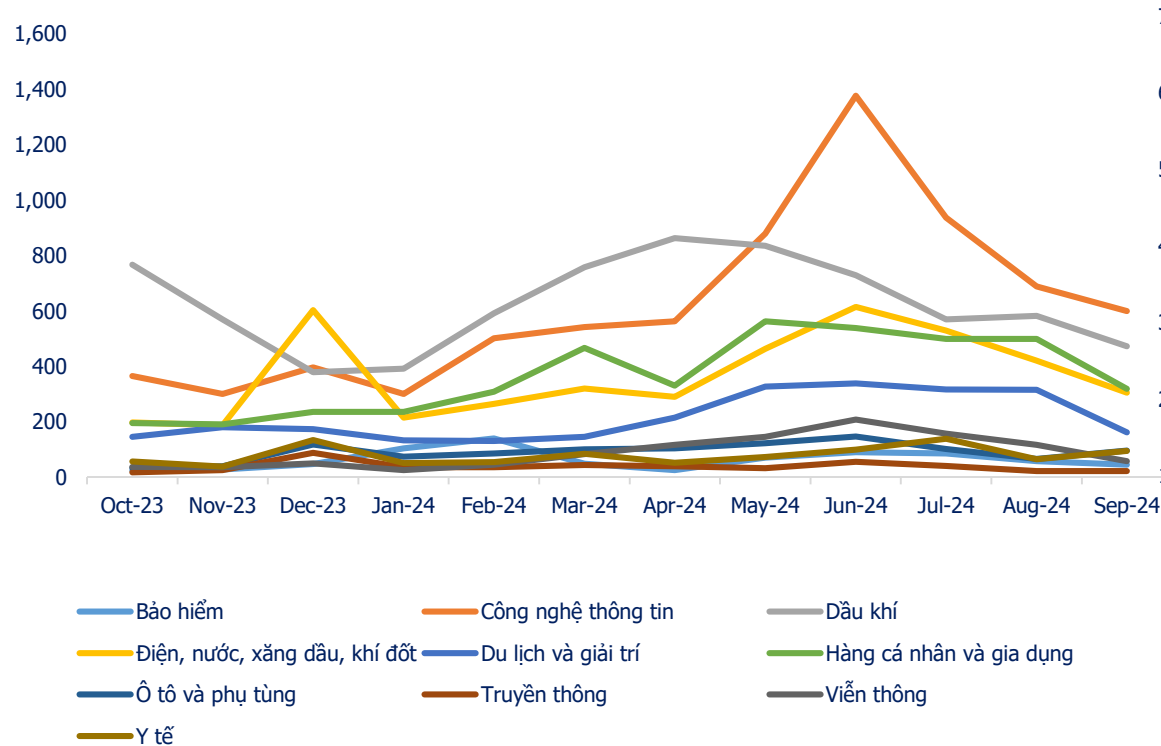
Nguồn: VSD



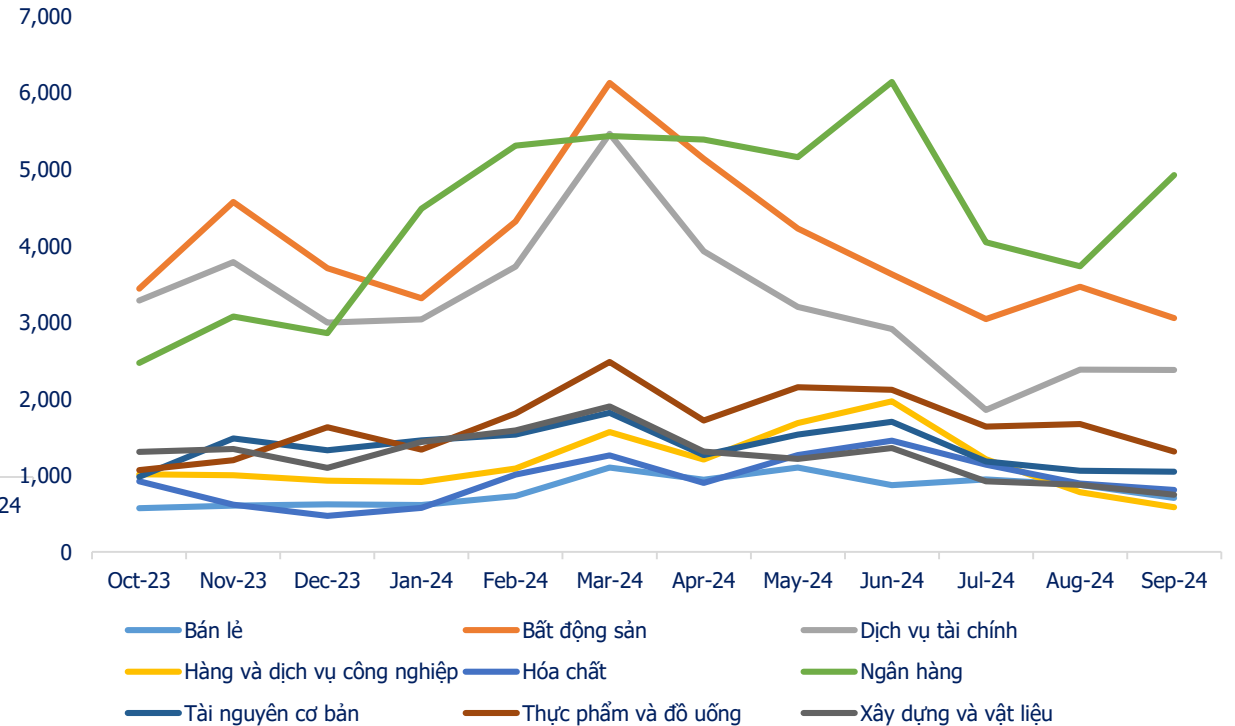
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

**Trong tháng 9, thanh khoản tăng mạnh ở nhóm ngân hàng.** Giá trị giao dịch trung bình tại các cổ phiếu Ngân hàng trong tháng 9 đạt 4,925,12 tỷ đồng/phiên (+32,0% MoM) một phần nhờ lực cầu từ khối ngoại gia tăng. Ngoài ra Y tế (+47,2% MoM), Ô tô và phụ tùng (+45,8% MoM) là những nhóm có giao dịch tăng... Trong khi đó hầu hết các nhóm ngành đều tiếp tục suy giảm trong tháng 9, mạnh nhất là nhóm Viễn thông (-50,75% MoM), tiếp đến là Du lịch và giải trí (-48,9% MoM), Hàng cá nhân và gia dụng (-36,3% MoM), Điện, nước, xăng dầu và khí đốt (-27,4% MoM), Hàng và dịch vụ công nghiệp (-25,2% MoM)...

### GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)



### GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)



Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

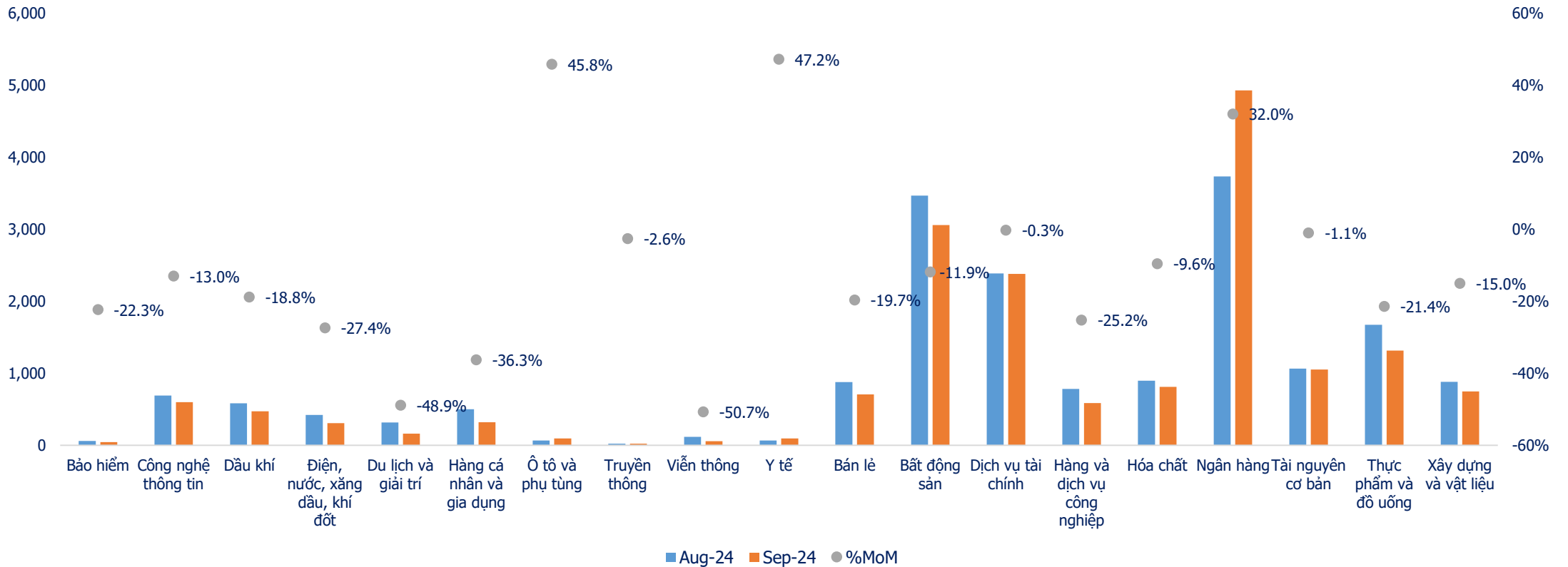




# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

Trong số 3 ngành chiếm tỉ trọng giao dịch lớn nhất của thị trường, nhóm Bất động sản (-11,9%) có thanh khoản giảm trong tháng 9 sau khi tăng khá đột biến trong tháng 8, thể hiện áp lực điều chỉnh tích lũy. Nhóm Dịch vụ tài chính có thanh khoản giảm nhẹ so với tháng trước và vẫn thu hút được dòng tiền nhờ thông tin ban hành quy định Non-Prefunding.

### Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành



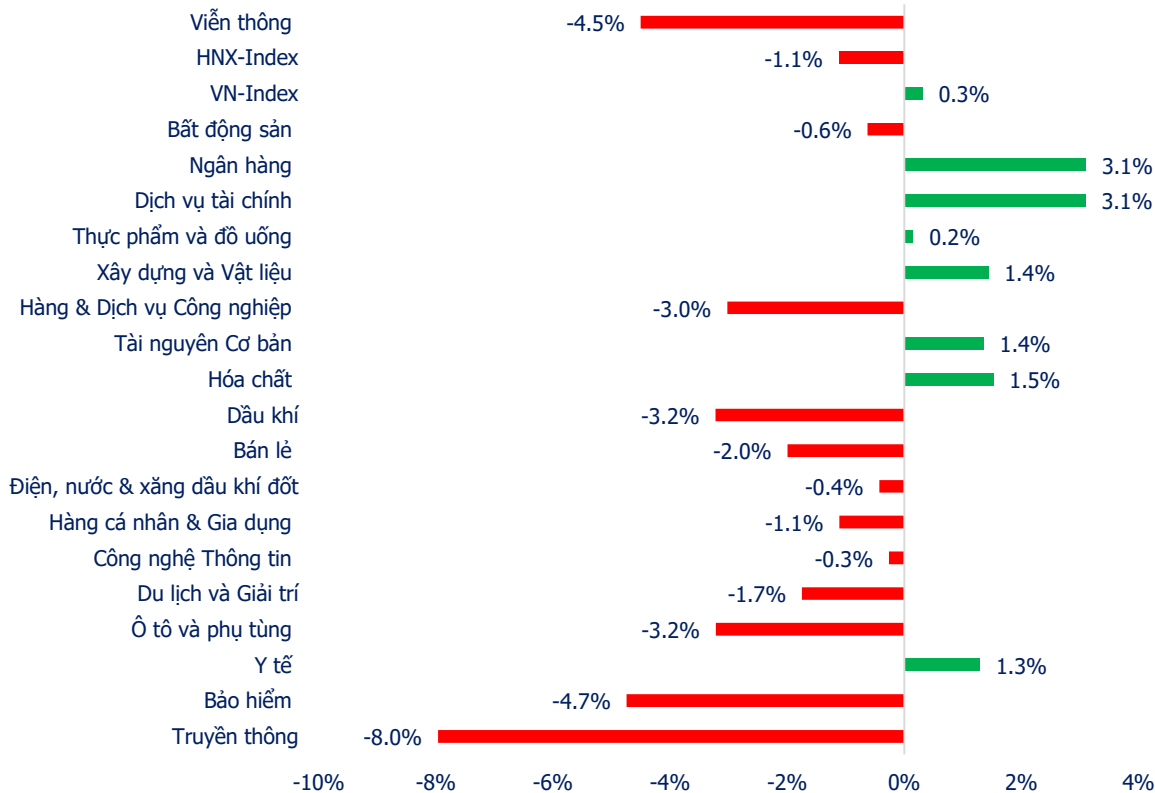
Nguồn: Fiingroup, SHS Research



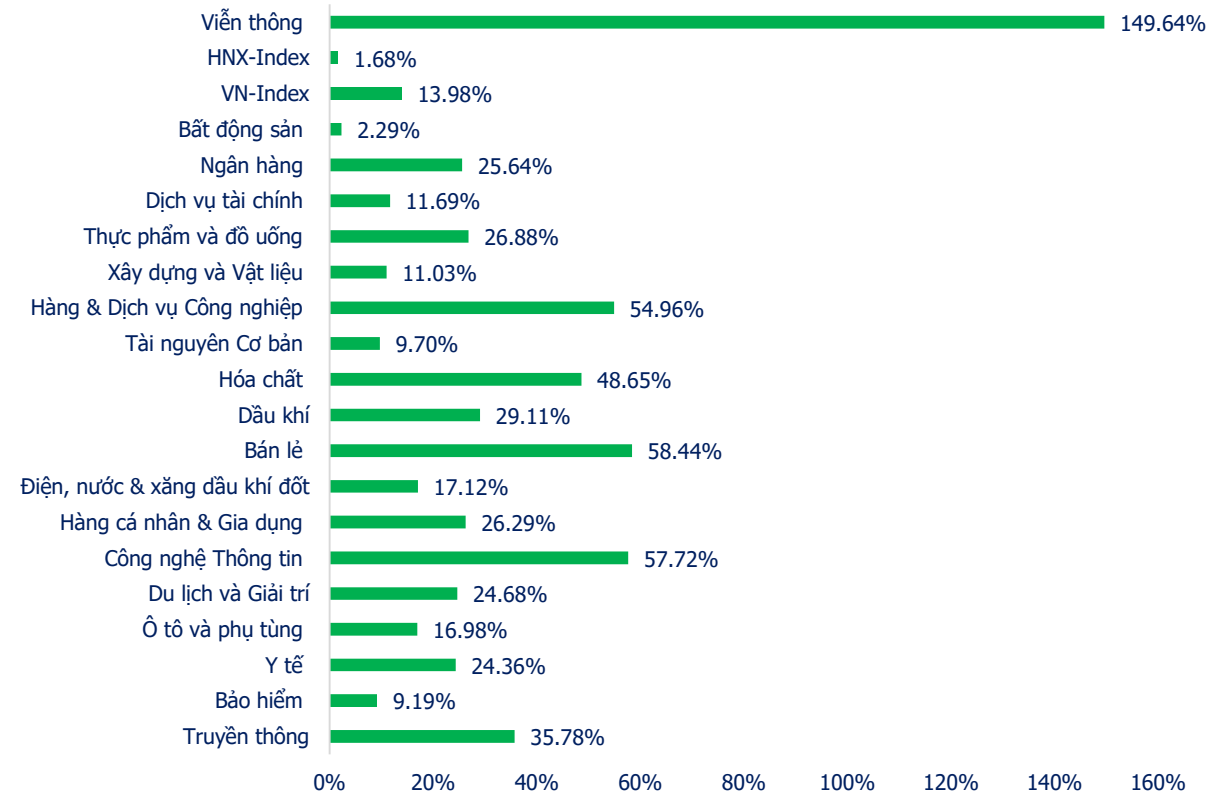
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

Trong tháng 09/2024, với thanh khoản cải thiện tốt nhóm ngân hàng (+3,1% MoM) cũng là nhóm có mức tăng giá tích cực nhất, trước những diễn biến tích cực như FED bắt đầu lộ trình hạ lãi suất, khối ngoại giải ngân mua ròng trở lại trong cuối tháng 9. Tiếp đến là Dịch vụ tài chính (+3,1% MoM) với kỳ vọng thị trường nâng hạng, Hóa chất (+1,5% MoM), Vật liệu xây dựng (+1,4% MoM), trước kỳ vọng đầu tư công.... Ở chiều ngược lại, có hiệu suất kém tích cực, giảm điểm mạnh là Truyền thông (-8,0% MoM), Viễn thông (-4,5% MoM) thể hiện áp lực bán trong nhóm Upcom, Dầu khí (-3,2% MoM) khi giá dầu suy giảm, Ô tô và phụ tùng (-3,2% MoM) và Hàng và dịch vụ công nghiệp (-3,0% MoM)....

### Tăng/giảm các nhóm ngành trong tháng 9/2024



### Tăng/giảm các nhóm ngành trong 9 tháng/2024

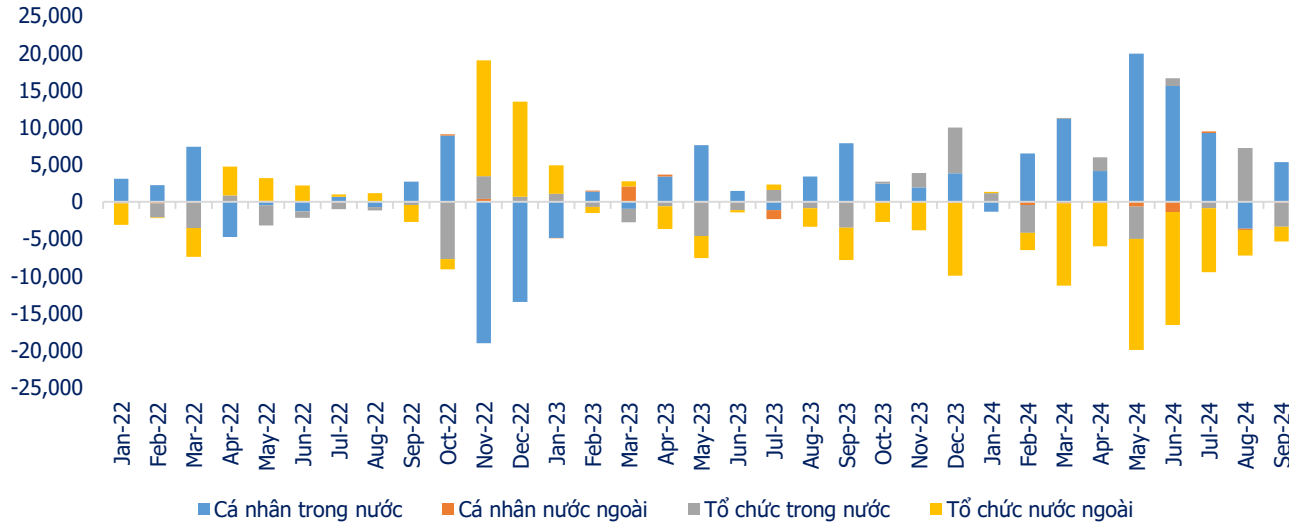




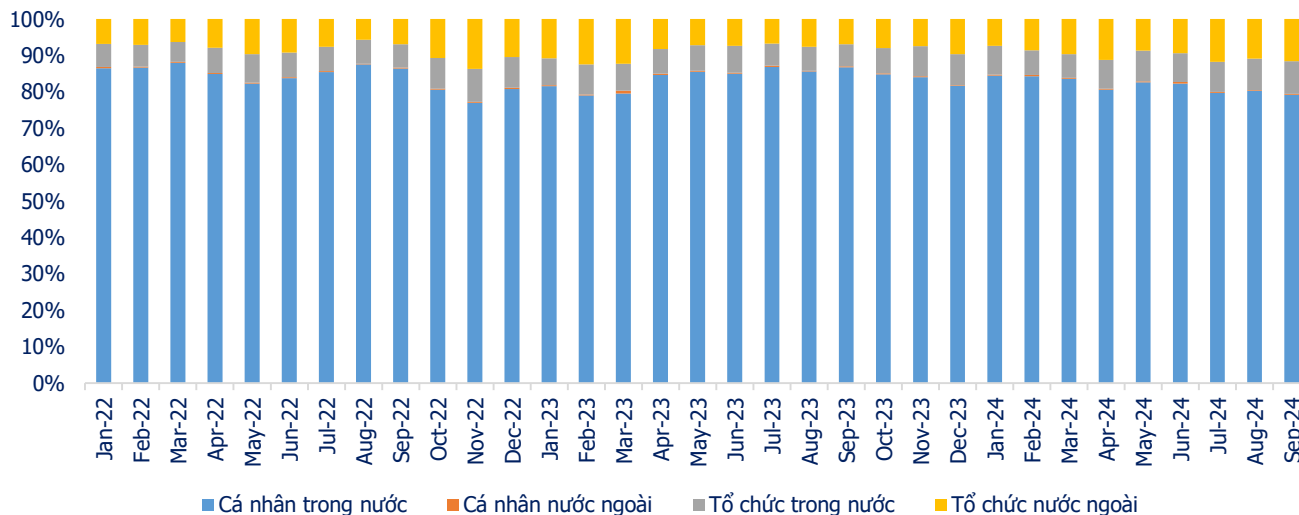
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

Biến cơ hội thành giá trị

## Giá trị giao dịch ròng trên HOSE theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)



## Tỷ trọng giao dịch trên HOSE theo loại nhà đầu tư hàng tháng



Trong tháng 09, nhà đầu tư tổ chức nước ngoài duy trì xu hướng bán ròng trên HOSE nhưng quy mô giảm khá mạnh còn -1.971,52 tỷ đồng (-43% MoM). Diễn biến này mở ra kỳ vọng nhà đầu tư tổ chức nước ngoài có thể dừng bán ròng trong tháng 10/2024 sau chuỗi bán ròng liên tiếp. Lũy kế 09 tháng 2024, nhóm này vẫn đang bán ròng kỷ lục lên tới 63.212,55 tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch của nhóm này cũng tăng lên 11,63% so với mức 10,93% trong tháng 8, trên mức trung bình 03 năm (8,7%). Nhà đầu tư cá nhân nước ngoài cũng bán ròng trong tháng 9 với giá trị 140,51 tỷ đồng, lũy kế 2.919,19 tỷ đồng trong 09 tháng 2024.

Nhà đầu tư cá nhân trong nước, sau khi bất ngờ bán ròng trong tháng 8, đã mua ròng mạnh trở lại với giá trị 5.344,62 tỷ đồng. Lũy kế 09 tháng 2024 nhà đầu tư cá nhân vẫn mua ròng mức kỷ lục 66.895,52 tỷ đồng, tương đương giá trị bán ròng của khối ngoại và nhà đầu tư tổ chức trong nước. Tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân trong tháng 09 giảm về mức 79,19%, dưới mức trung bình 03 năm (84%)

Nhà đầu tư tổ chức trong nước sau khi mua ròng mạnh 7.237,72 tỷ đồng trong tháng 8, đã bán ròng trở lại -3.233,04 tỷ đồng. Lũy kế 09 tháng 2024, nhóm này vẫn bán ròng với giá trị -763,78 tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch của tổ chức trong nước tăng tháng 03 liên tiếp lên mức 8,95%, mức cao nhất kể từ tháng 11/2022 đến nay.

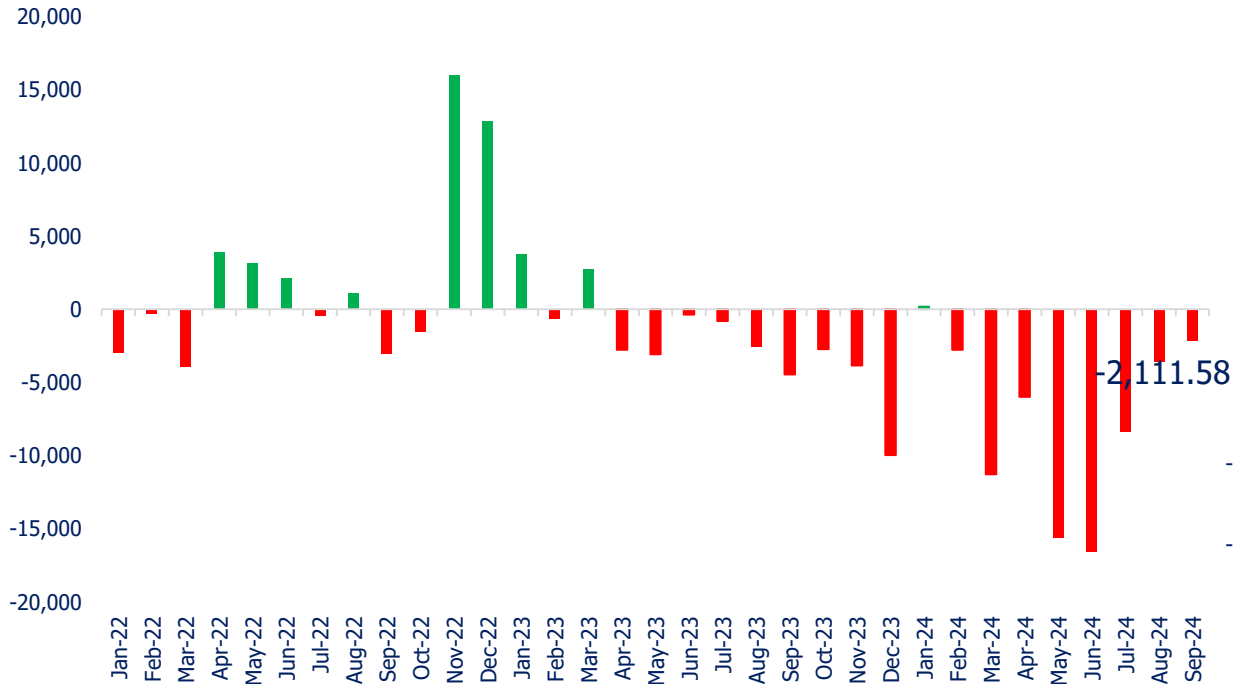
Nguồn: Fiingroup, SHS Research



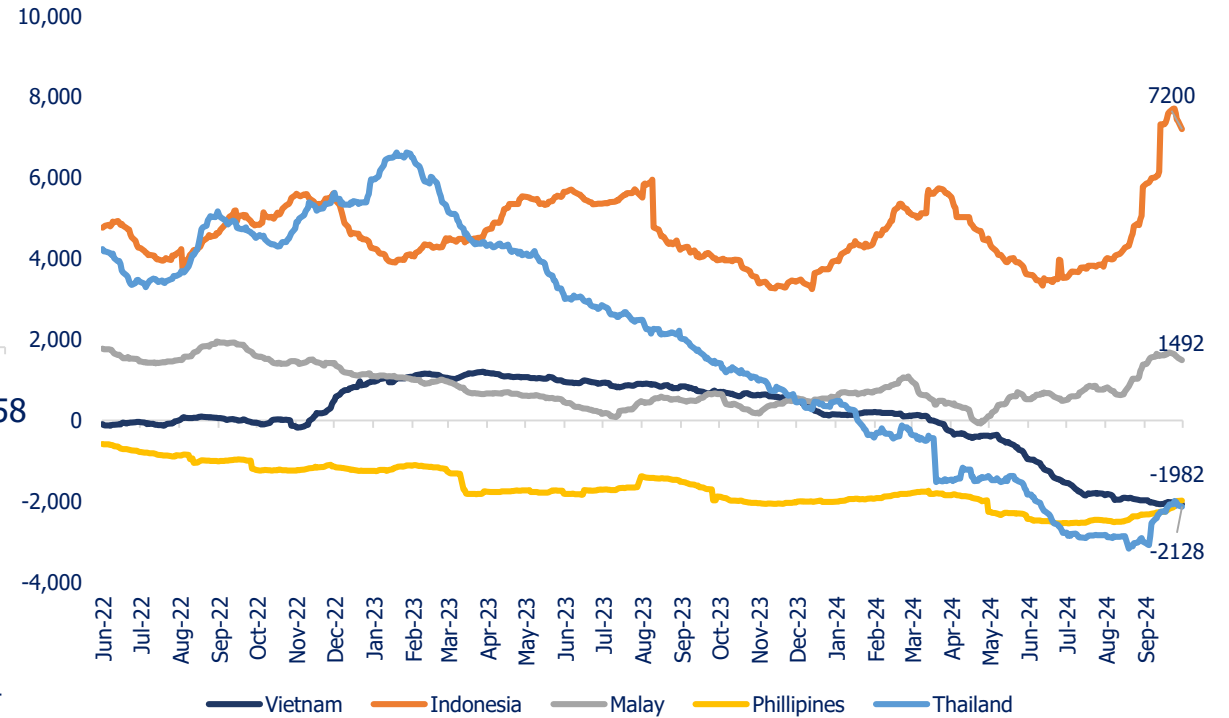
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

**Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục giảm quy mô bán ròng.** Khối ngoại vẫn duy trì bán ròng với giá trị -2.186,16 tỷ đồng (-42,40% MoM) trong tháng 9, trong đó bán ròng tại HOSE, UPCOM và mua ròng trên HNX. So với một số thị trường khác trong khu vực, diễn biến giao dịch của khối ngoại tại Việt Nam đang khá tiêu cực khi tiếp tục mua ròng tại Indonesia (+1,4 tỷ USD), Malaysia (+110 triệu USD), Philippines (+463 triệu USD), Thái Lan (+867 triệu USD). Lũy kế 09 tháng đầu năm 2024 nhà đầu tư nước ngoài vẫn bán ròng mức kỷ lục với giá trị 66.131 tỷ đồng, gấp 2,8 lần năm 2023. Sau khi FED bắt đầu lộ trình hạ lãi suất, dòng tiền từ khối ngoại được kỳ vọng sẽ diễn biến tích cực hơn.

### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HOSE theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



### Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2022-2024)

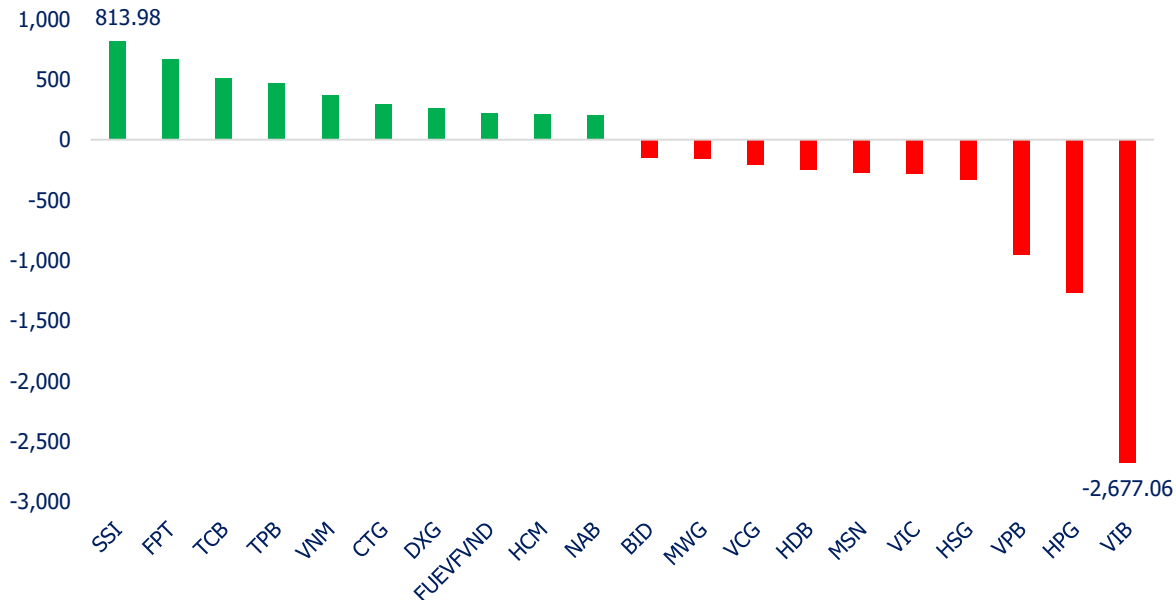


Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

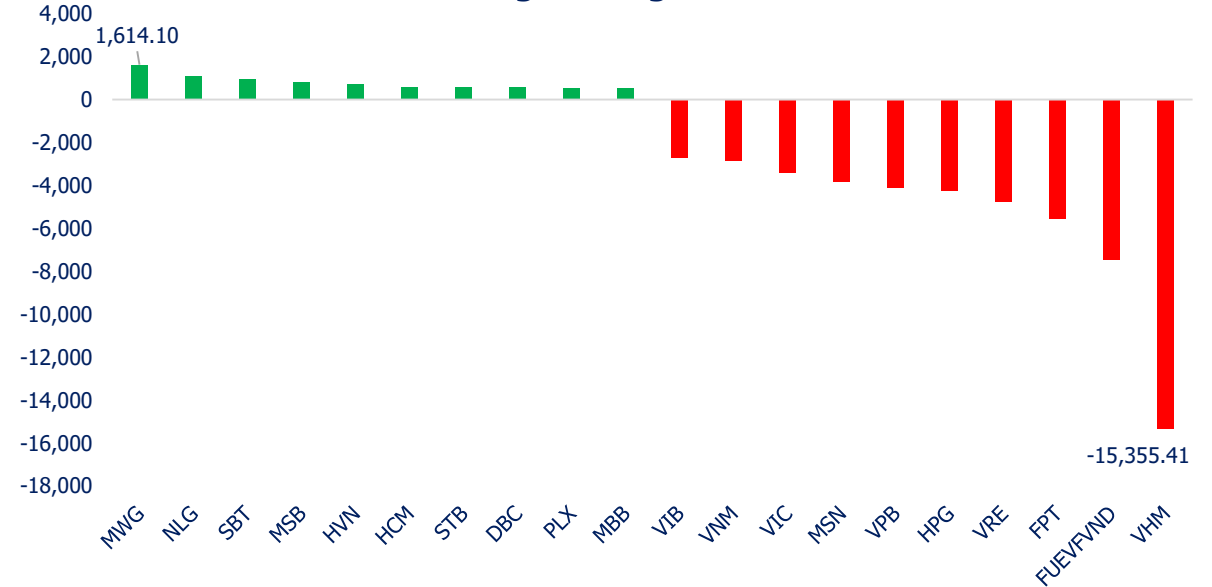


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong tháng 09/2024 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong 9 tháng 2024



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

Trên HOSE, trong tháng 9/2024 khối ngoại bán ròng -2.111,6 tỷ đồng trong đó khá đột biến tại VIB (-2.677,1 tỷ đồng), tiếp tục bán ròng HPG (-1.271,1 tỷ đồng). Tiếp đến là VPB (-957,8 tỷ đồng), HSG (-331,2 tỷ đồng), VIC (-283,1 tỷ đồng)... Ở chiều ngược lại, khối ngoại mua ròng khá tốt SSI (+814 tỷ đồng), tiếp tục mua ròng tốt FPT (+662,2 tỷ đồng), TCB (+512,2 tỷ đồng), TPB (+463,1 tỷ đồng)....

Lũy kế 09 tháng 2024, khối ngoại bán ròng mạnh nhất VHM với tổng cộng -15.555,4 tỷ đồng, tiếp theo là FUEVFNVD (-7.479,2 tỷ đồng), FPT (-5.575,6 tỷ đồng), VRE (-4.797,6 tỷ đồng), HPG (-4.239,9 tỷ đồng), VPB (-4.120,8 tỷ đồng)... Ở chiều ngược lại, MWG (+1.614,1 tỷ đồng) là mã được khối ngoại mua ròng tốt nhất, bên cạnh NLG (+1.103,7 tỷ đồng), SBT (+935,9 tỷ đồng) và MSB (+799,5 tỷ đồng)...



Biến cơ hội thành giá trị

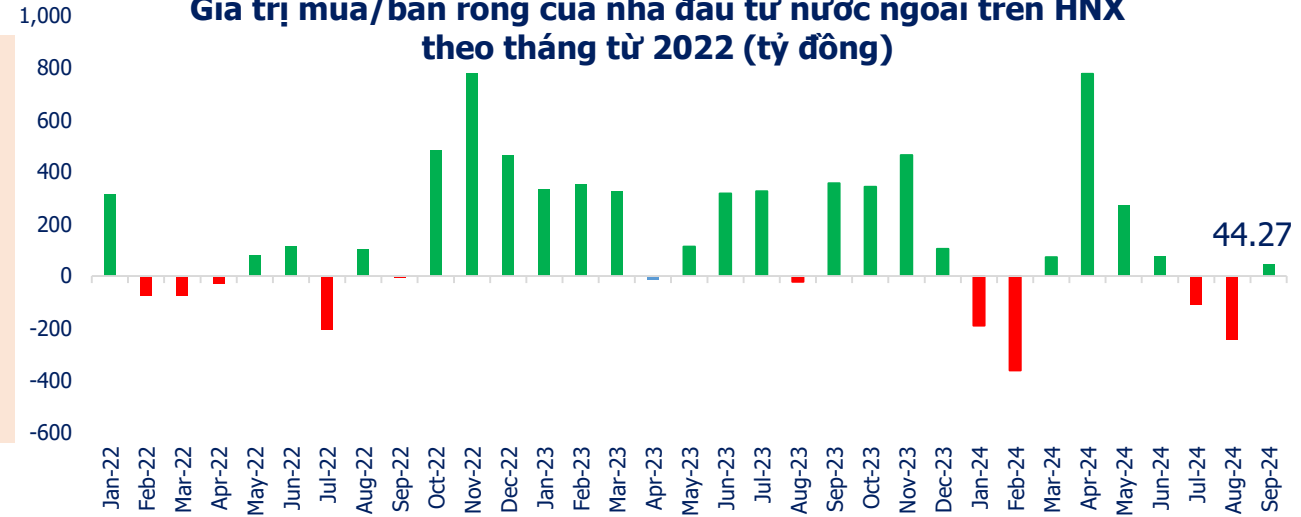
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

Tại HNX, khối ngoại đã mua ròng nhẹ trở lại với giá trị 44,3 tỷ đồng. Trong đó tiếp tục mua ròng khá tốt PVS (+83,3 tỷ đồng), PVI (+31,2 tỷ đồng), HUT (+16,8 tỷ đồng)... Trong khi tiếp tục bán ròng SHS (-33,3 tỷ đồng), LAS (-28,7 tỷ đồng), MBS (-25,8 tỷ đồng)...

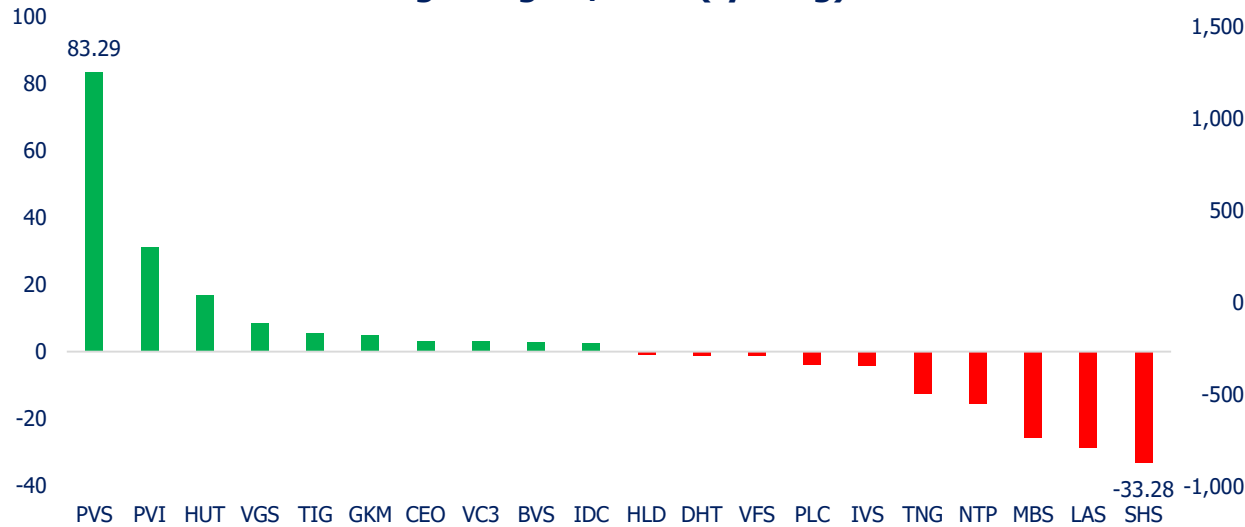
Lũy kế 09 tháng năm 2024 khối ngoại mua ròng 329,0 tỷ đồng trên HNX, nổi bật mua ròng ở IDC (+1.363,7 tỷ đồng), MBS (+320,9 tỷ đồng), PVS (+289,3 tỷ đồng)... Ở chiều ngược lại khối ngoại bán ròng khá mạnh SHS (-694,1 tỷ đồng), PVI (-245,8 tỷ đồng), LHC (-141,1 tỷ đồng)...

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

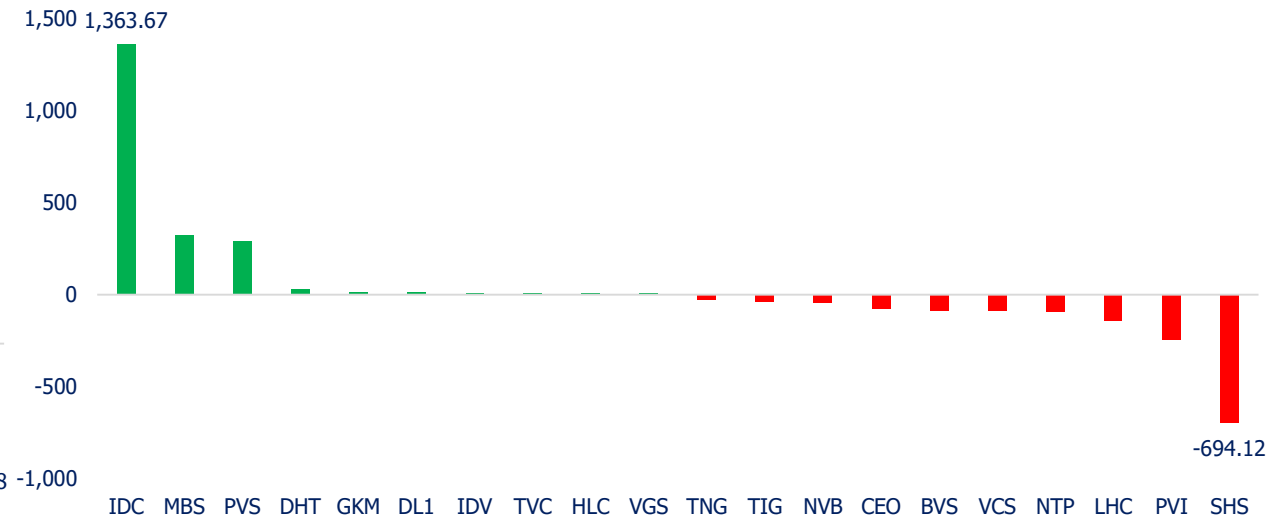
### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HNX theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 09/2024 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong 9 tháng 2024





Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

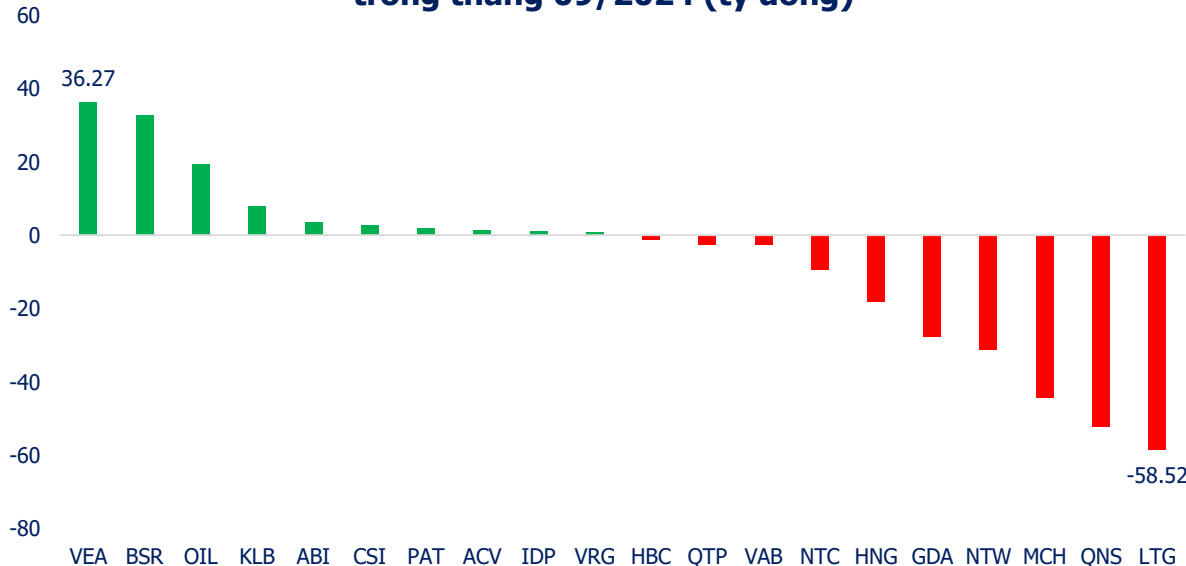
Trên sàn UPCOM, trong tháng 9 khối ngoại bán ròng với giá trị -118,9 tỷ đồng. Trong đó bán ròng LTG (-58,5 tỷ đồng), QNS (-52,2 tỷ đồng), MCH (-44,3 tỷ đồng)..., trong khi mua ròng VEA (+36,3 tỷ đồng), BSR (+32,6 tỷ đồng), OIL (+19,3 tỷ đồng).....

Lũy kế 09 tháng đầu năm 2024, khối ngoại vẫn bán ròng -1.038,9 tỷ đồng sau khi mua ròng nổi bật ở 02 thương vụ BHI (+1.628,2 tỷ đồng), AIC (+1.263,0 tỷ đồng). Bán ròng đột biến MSR (-1.626,8 tỷ đồng), ABB (-882,5 tỷ đồng), VEA (-869,9 tỷ đồng) ...

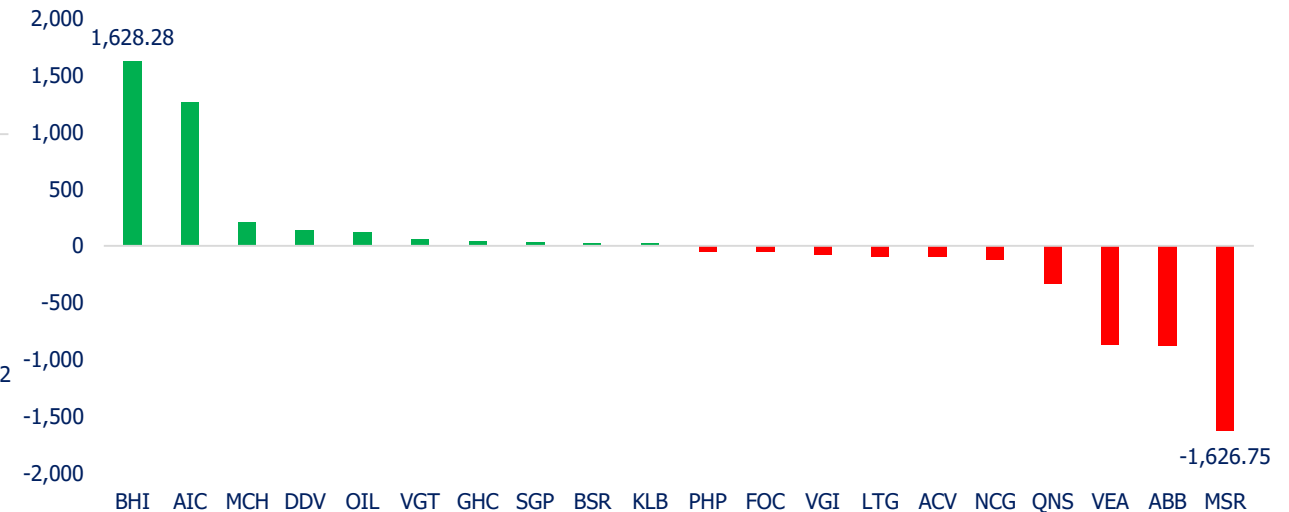
### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong tháng 09/2024 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong 9 tháng 2024



Nguồn: Fiigroup, SHS Research



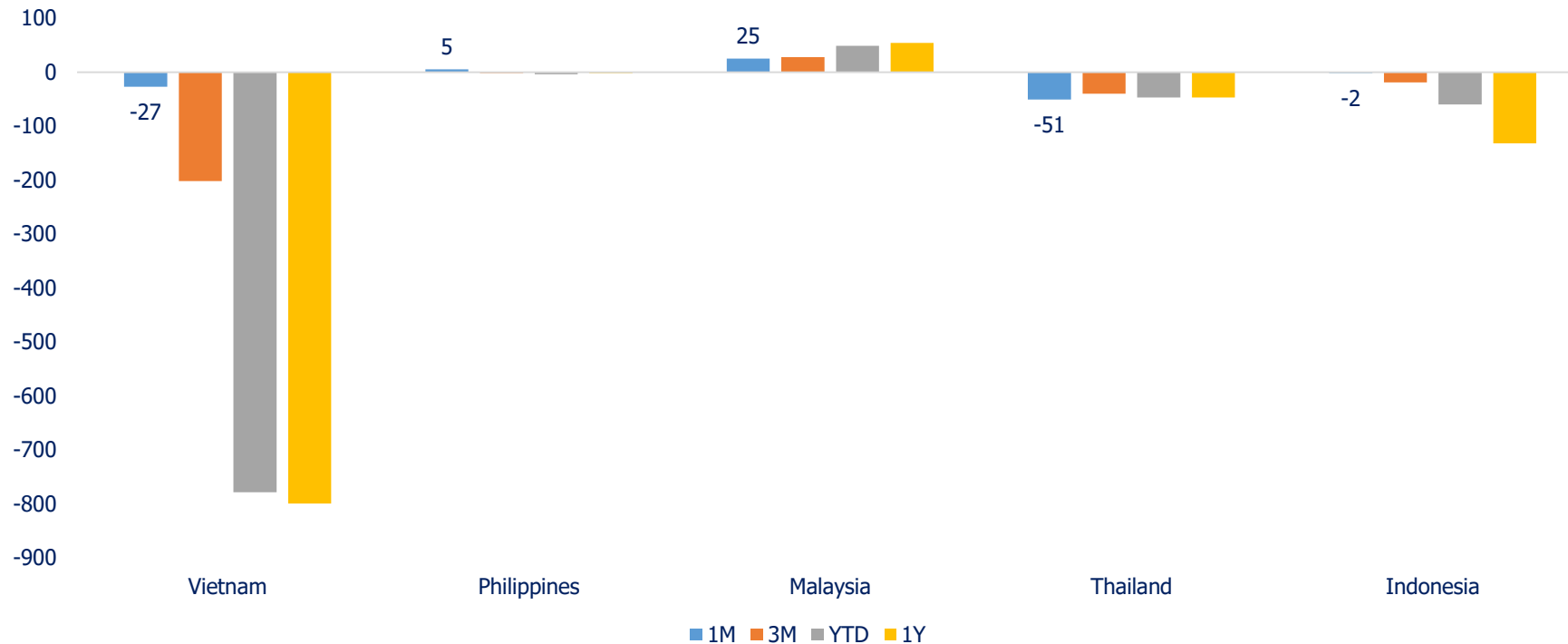
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

Biến cơ hội thành giá trị

Trong tháng 9/2024, quy mô rút ròng của các quỹ ETF tại Việt Nam tiếp tục giảm còn 27 triệu USD (-64,5% MoM) và là tháng giảm thứ 3 liên tiếp, trong khi mua ròng ở thị trường Philippines (+5 triệu USD), Malaysia (+25 triệu USD)... Lũy kế 09 tháng 2024, Việt Nam bị các quỹ ETF bán ròng nhiều nhất Đông Nam Á với giá trị 779 triệu USD trong khi chỉ có Malaysia hút ròng với giá trị 49 triệu USD.

Quỹ FUBON tiếp tục bị rút ròng trong tháng 9 với giá trị -27,3 triệu USD, tiếp theo là quỹ DCVFM VN30 ETF (-6,7 triệu USD)... Tuy nhiên quy mô đã giảm khá mạnh so với tháng 8.

**Dòng vốn ETF theo quốc gia  
(Triệu USD)**







Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 09

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM (triệu USD)	NAV (USD)	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
					1M	3M	YTD	1Y
<b>DCVFMVN Diamond ETF (VND)</b>	ETF	489,93	1,33	364.500.000	8,1	-59,7	-367	-439
<b>Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)</b>	ETF	656,70	0,38	1.758.238.000	-27,3	-109,3	-221,0	-132,2
<b>DCVFMVN30 ETF Fund (VND)</b>	ETF	289,30	0,93	314.000.000	-6,7	-9,5	-72,7	-68,6
<b>VanEck Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	503,97	12,68	39.750.000	-4,4	-11,2	-17,0	-35,5
<b>Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)</b>	ETF	299,26	24,18	11.130.620	-3,0	-11,0	-50,4	-42,7
<b>SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)</b>	ETF	20,83	0,84	29.000.000	-1,1	-59,6	-81,6	-146,7
<b>KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)</b>	ETF	200,03	15,03	13.300.000		-19,7	-27,9	5,8
<b>Premia MSCI Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	4,96	7,75	640.000	-0,3	-1,1	-10,7	-11,0
<b>SSIAM VNX50 ETF (VND)</b>	ETF	5,08	0,79	6.400.000		0,0	-1,2	-0,7
<b>Global x MSCI Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	12,51	16,68	750.000		0,0	1,9	1,9
<b>SSIAM VN30 ETF (VND)</b>	ETF	6,50	0,66	9.800.000		0,3	0,4	1,3
<b>KIM GROWTH VN30 ETF (VND)</b>	ETF	61,90	0,35	175.300.000	3,6	12,3	37,7	37,0

Nguồn: Bloomberg, SHS Research



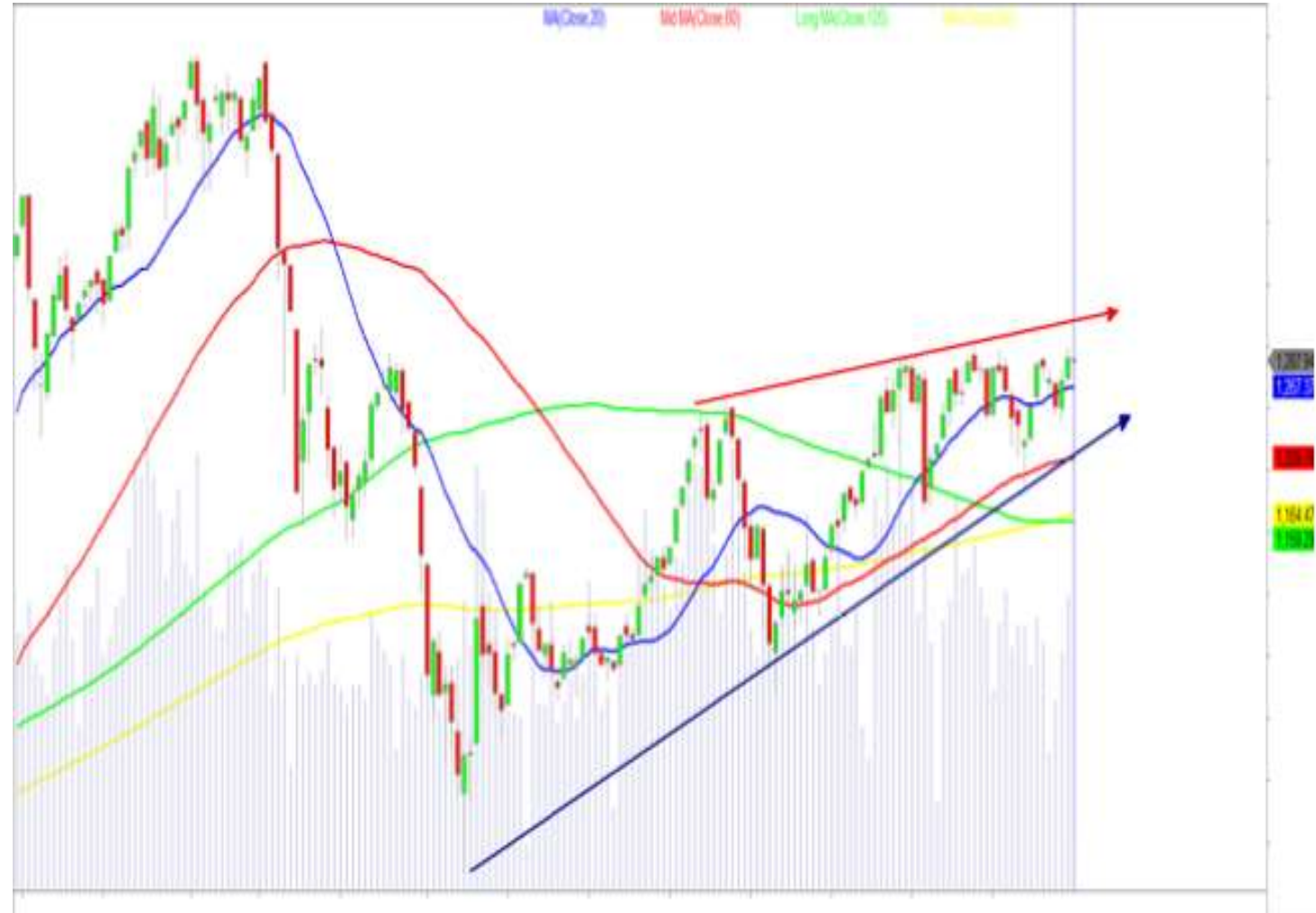
**TRIỂN VỌNG  
TTCK  
QUÝ IV**

# TRIỂN VỌNG TTCK QUÝ IV

Trong Quý III/2024, VN-INDEX phục hồi tốt sau khi kiểm định lại vùng giá 1.180 điểm - 1.200 điểm. Tuy nhiên chỉ số tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh ở vùng kháng cự mạnh 1.300 điểm, là vùng giá cao nhất từ đầu năm 2024 đến nay, cũng như vùng đỉnh tháng 06, 08/2022. VN-INDEX ở vùng 1.300 điểm là kháng cự có tính chất cơ bản, cần động lực lớn từ các yếu tố vĩ mô, kết quả kinh doanh.

Hiện tại thị trường vẫn đang nhận được hỗ trợ từ việc (1) Kinh tế tăng trưởng tốt; (2) Lãi suất ổn định trên nền thấp; (3) FED bắt đầu chu kỳ hạ lãi suất; (4) Thị trường Trái phiếu và Bất động sản có dấu hiệu cải thiện. Tuy nhiên một số yếu tố bất định vẫn duy trì như (1) Căng thẳng địa chính trị trên thế giới gia tăng mạnh; (2) Diễn biến bầu cử tại Mỹ trong tháng 11.

VN-INDEX hiện duy trì tích lũy trong kênh giá với biên độ hẹp dần. Chúng tôi kỳ vọng trong Quý IV khi căng thẳng địa chính trị trên thế giới hạ nhiệt, kết quả kinh doanh Quý III của các doanh nghiệp tiếp tục đà tăng trưởng, VN-INDEX sẽ vượt lên vùng giá 1.300 điểm để hướng đến các vùng giá cao hơn 1.320 điểm - 1.350 điểm.

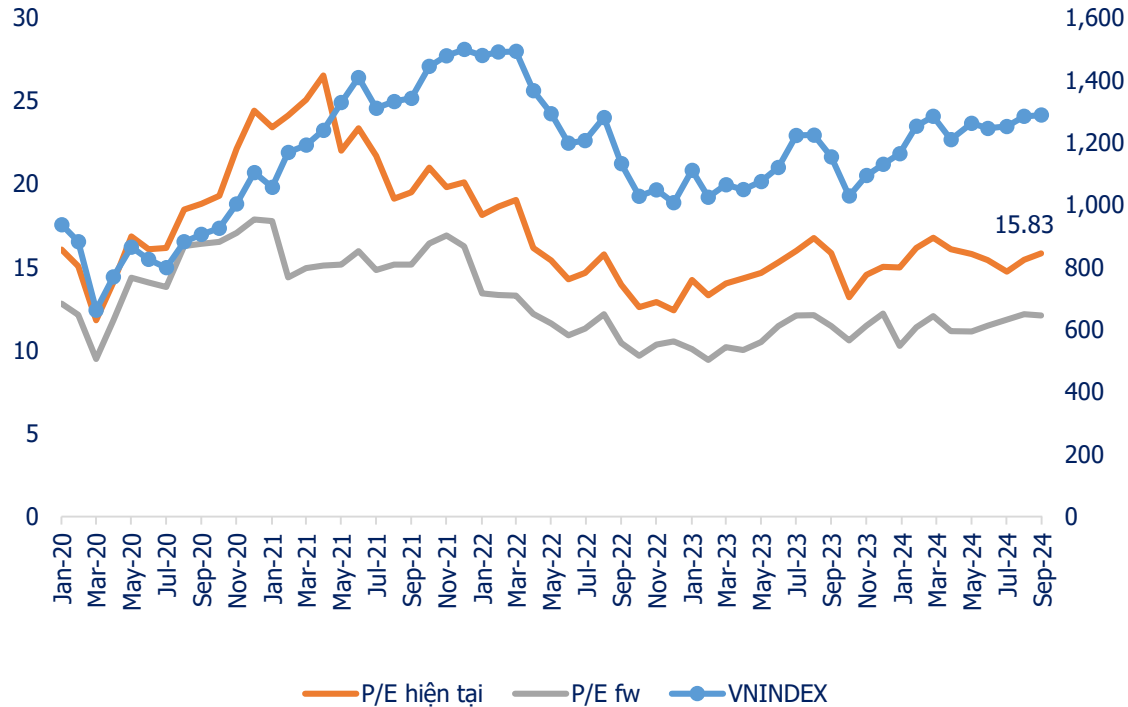




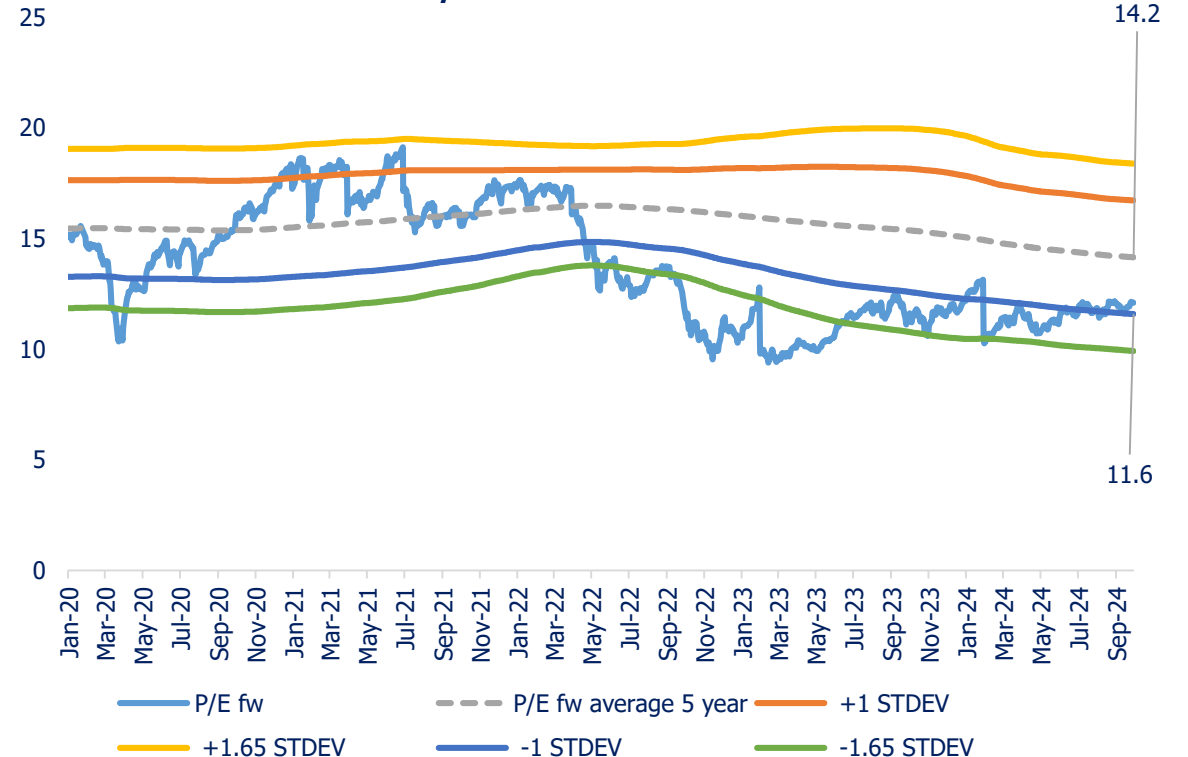
# TRIỂN VỌNG TTCK QUÝ IV

Vào thời điểm kết thúc tháng 9/2024, định giá P/E của VNINDEX tăng lên 15,83, thấp hơn P/E trung bình 10 năm (16,6x) và trung bình 5 năm (17,3x). Với mức P/E Forward 12,1 được xem là khá hấp dẫn so với triển vọng tăng trưởng hiện nay.

### Định giá TTCK VN



### P/E forward VNindex



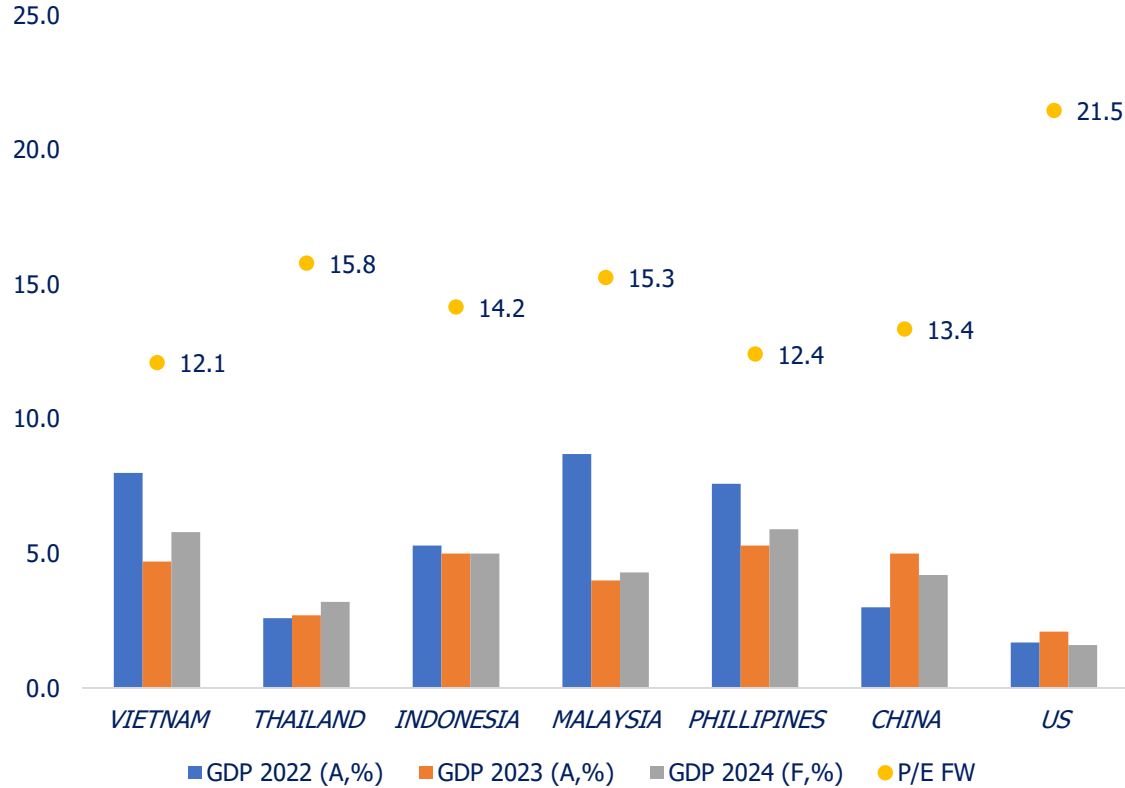
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



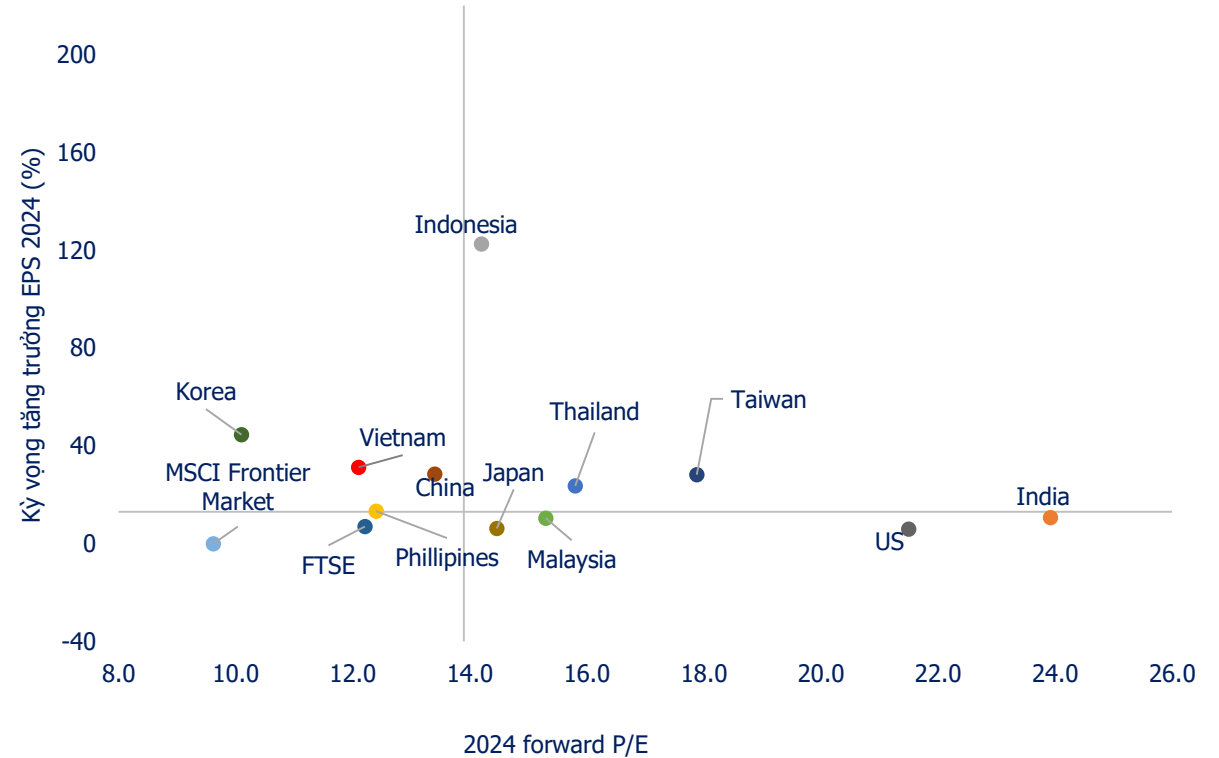
Biến cơ hội thành giá trị

# TRIỂN VỌNG TTCK QUÝ IV

### TTCK VN so với các nước trên thế giới



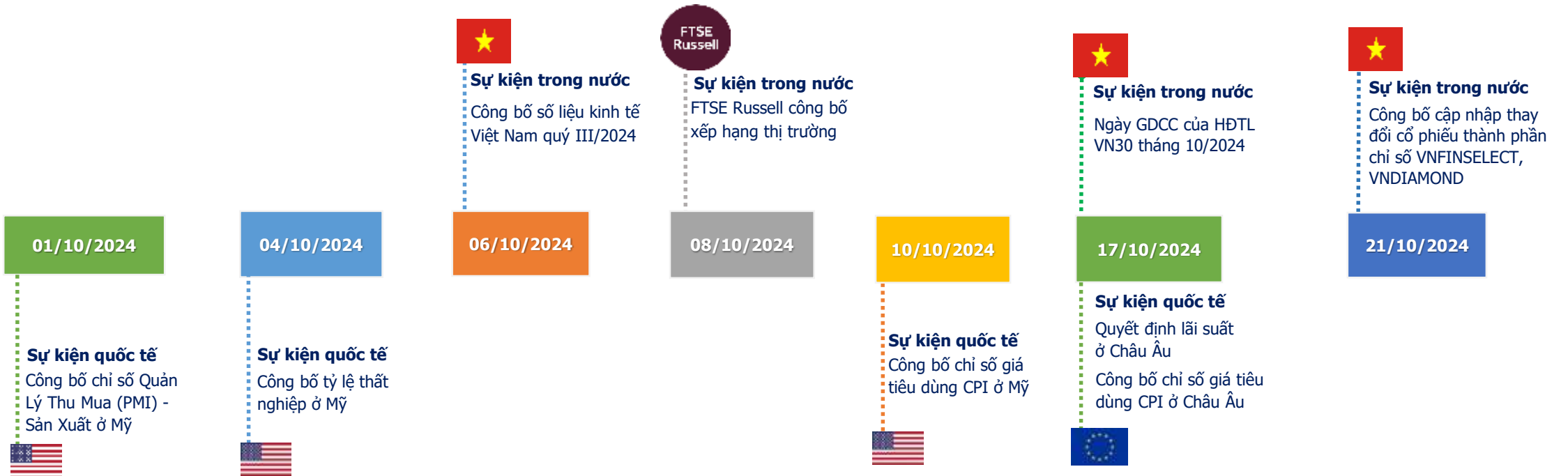
### Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Foward 2024



Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



# LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 10





# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Feb

Mar

Apr

May

Jun

Jul

Aug

Sep

Oct

Nov

Dec



Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã	Giá đóng cửa	+/- tháng	+/- từ đầu năm	+/- từ ngày khuyến nghị
1	<b>BWE</b>	45.400	+2,60%	+25,66%	+17,62%
2	<b>CTD</b>	63.800	+0,47%	-7,27%	-7,67%
3	<b>DCM</b>	38.500	+2,94%	+25,20%	+26,40%
4	<b>FPT</b>	134.500	-0,22%	+62,09%	+62,93%
5	<b>GMD</b>	78.000	-3,11%	+13,62%	+15,25%
6	<b>GVR</b>	35.750	+1,13%	+68,63%	+55,77%
7	<b>IDC</b>	57.600	-4,95%	+18,45%	+11,63%
8	<b>PHR</b>	60.000	+0,84%	+20,72%	+16,50%
9	<b>PNJ</b>	97.400	-3,37%	+15,57%	+8,74%
10	<b>PVD</b>	27.700	+0,91%	-2,12%	-0,89%
11	<b>PVS</b>	40.600	-0,49%	+6,84%	+7,12%
12	<b>PVT</b>	27.950	-1,76%	+17,73%	+17,29%
13	<b>SZC</b>	37.650	+1,48%	+5,55%	-2,69%
14	<b>TCB</b>	24.200	+3,64%	+56,94%	+41,77%
15	<b>MBB</b>	25.700	+3,42%	+40,82%	+9,13%
16	<b>VLB</b>	39.655	+9,67%	+15,72%	+2,67%
	<b>VN-Index</b>	<b>1.287,94</b>	<b>+0,32%</b>	<b>+13,98%</b>	

(Click vào từng mã để xem nội dung chi tiết)





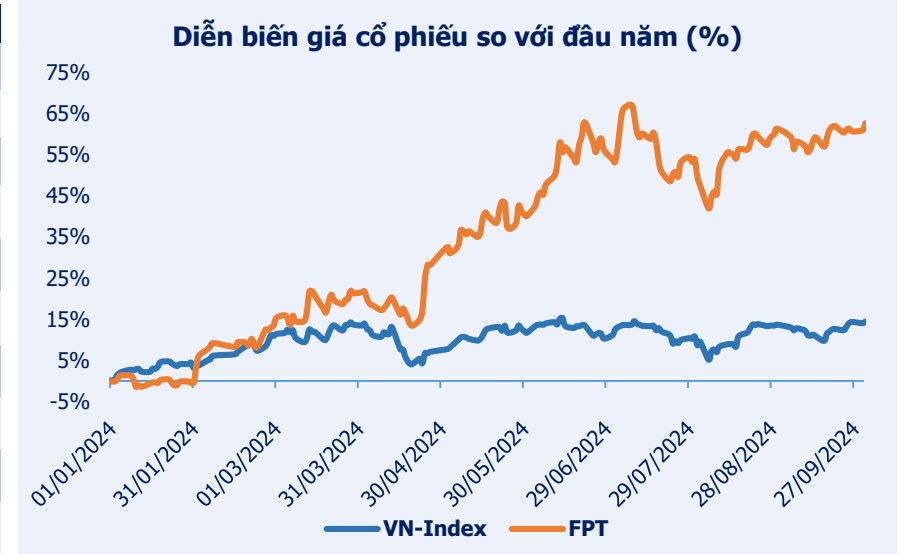
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP FPT (HOSE – FPT)

(Quay về danh mục tổng hợp)

		(tỷ đồng)	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	KH2024
<b>Giá hiện tại</b>	<b>134.500</b>	<b>Doanh thu</b>	13.761,74	14.690,41	14.092,93	15.245,23	61.850,00
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>140.000-143.000</b>	<b>% yoy</b>	23,44%	12,64%	20,64%	22,11%	+17,55%
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>134.800</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	2.075,87	2.051,24	2.160,27	2.283,04	8.700,00
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>198.475</b>	<b>% yoy</b>	18,22%	26,63%	19,36%	23,04%	+11,71%
<b>EPS ttm</b>	<b>4.886,02</b>	<b>Tổng tài sản</b>	62.112,68	60.325,28	62.024,71	65.321,97	
<b>BV</b>	<b>18.820,48</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	28.405,66	29.948,35	31.727,10	32.784,24	
<b>PE trailing</b>	<b>27,81</b>	<b>ROA (%)</b>	10,83	11,55	11,06	11,43	
<b>PB trailing</b>	<b>7,22</b>	<b>ROE (%)</b>	26,67	33,85	27,21	27,74	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	39,94	38,34	39,10	37,07	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	15,08	13,96	15,33	15,33	



- Nằm trong số những công ty công nghệ, nhà cung cấp Internet hàng đầu Việt Nam. Các mảng hoạt động chủ đạo (xuất khẩu phần mềm, hệ thống thông tin, đường truyền Internet..) hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam. Tình hình tài chính vững mạnh, lượng tiền 26.750 tỷ đồng (41% tổng tài sản và 83% tổng nợ phải trả), nợ vay thấp (25% tổng vốn).
- Đẩy mạnh M&A tại Mỹ với kỳ vọng tăng gấp đôi doanh thu dịch vụ kỹ thuật sản phẩm (tư vấn, thiết kế, phát triển, thử nghiệm các công nghệ mới) trong vòng hai năm tới. Năm 2023 FPT đã mua lại 3 công ty công nghệ tại Mỹ. Ngày 1/3/24 mua lại 100% vốn của NAC-công ty dịch vụ CNTT tại Nhật. Ngày 13/3/24 mở chi nhánh tại Đại Liên, Trung Quốc. Ngày 23/4/24 ký MOU với NVIDIA xây dựng AI Factory vốn đầu tư 200 triệu USD và hợp tác đào tạo nguồn nhân lực và trở thành đối tác phát triển dịch vụ của NVIDIA. Ký MOU với JIT thuộc JAL để phát triển hệ thống CNTT cho lĩnh vực hàng không tại Nhật Bản. Ngày 24/9 ký hợp tác với Metrodata (Indonesia) thành lập liên doanh AI, Cloud và Security.
- Lũy kế 6 tháng đạt 29.338 tỷ đồng doanh thu (+21,4% YoY) và 4.443 tỷ đồng lãi sau thuế (+21,2% YoY). Doanh thu 8 tháng đạt 39.664 tỷ đồng (+20,8% YoY), lợi nhuận 6.029 tỷ đồng (+20,7% YoY), tương ứng lần lượt 64,1% và 69,3% kế hoạch năm, EPS đạt 3.428đ. Mảng dịch vụ thị trường nước ngoài đạt 19.934 tỷ đồng doanh thu (+30,4% YoY) và 3.182 tỷ đồng lợi nhuận (+26,6% YoY) trong đó doanh thu chuyển đổi số 8.921 tỷ đồng (+32% YoY), giá trị hợp đồng ký mới đạt 22.774 tỷ đồng (+19,2%). Tổ hợp giáo dục tại Thanh Hóa đã cất nóc và tại Huế đã được cấp phép, đề xuất lập tổ hợp giáo dục tại Hải Dương.
- SCIC lên kế hoạch thoái toàn bộ 5,8% vốn điều lệ của FPT trong thoái vốn đợt 2 năm 2024. Ngày 12/6/24 chốt danh sách trả cổ tức 10% bằng tiền và thưởng cổ phiếu tỷ lệ 20:3. Thông qua tạm ứng cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10% trong quý IV. Ngày 15/11 LPB tổ chức ĐHCĐ trong đó trình kế hoạch mua tối đa 5% vốn điều lệ của FPT.



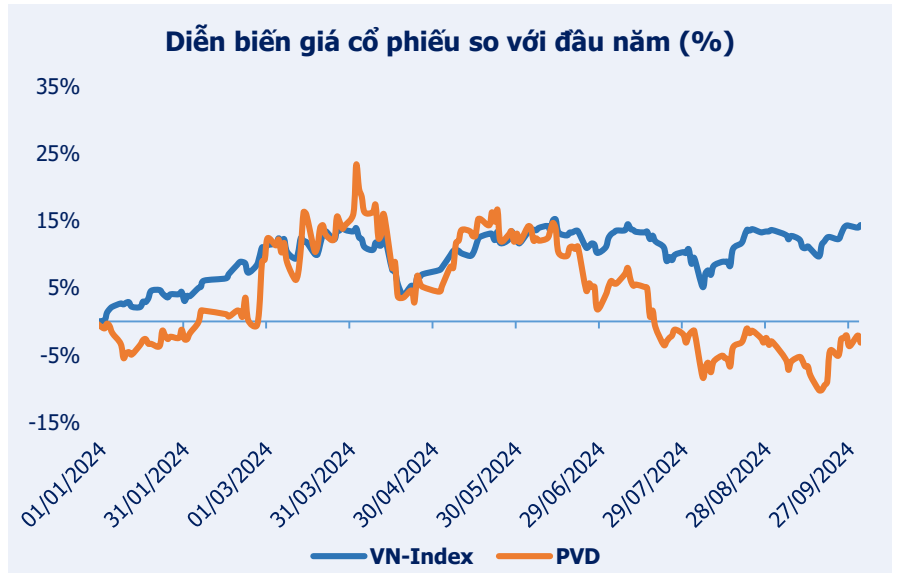
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (HOSE – PVD)

(Quay về danh mục tổng hợp)

		(tỷ đồng)	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	KH2024
<b>Giá hiện tại</b>	<b>27.700</b>	<b>Doanh thu</b>	1.381,11	1.747,44	1.755,53	2.253,92	6.200,00
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>32.000-34.000</b>	<b>% yoy</b>	11,22%	19,82%	43,12%	59,80%	+6,82%
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>28.000</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	132,89	194,04	148,50	129,95	380,00
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>15.231</b>	<b>% yoy</b>	356,51%	264,09%	184,21%	-17,54%	-30,40%
<b>EPS ttm</b>	<b>0,04</b>	<b>Tổng tài sản</b>	21.499,36	21.650,09	22.515,43	23.344,44	
<b>BV</b>	<b>1,10</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	14.809,87	14.894,25	15.306,78	15.741,82	
<b>PE trailing</b>	<b>29</b>	<b>ROA (%)</b>	2,08	2,74	3,09	2,87	
<b>PB trailing</b>	<b>1,01</b>	<b>ROE (%)</b>	3,08	3,79	4,57	4,28	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	21,42	22,79	25,66	20,83	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	9,62	11,10	8,46	8,46	



- Công ty cung cấp dịch vụ khoan hàng đầu Việt Nam với 4 giàn khoan biển tự nâng, 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm, 1 giàn khoan đất liền. Tình hình tài chính lành mạnh với 3.534 tỷ đồng tiền và tương đương tiền, tương ứng 105% nợ vay. Vốn chủ sở hữu đạt 14.894 tỷ đồng, gấp 2,2 lần tổng nợ phải trả.
- Toàn bộ các giàn khoan hoạt động xuyên suốt trong năm 2023 với hiệu suất hoạt động đạt 97,7%, hiệu suất sử dụng đạt 99,8%, Zero LTI. Năm 2023 tổng doanh thu đạt gần 6.200 tỷ đồng (+10,7% YoY = 115% kế hoạch), lãi sau thuế 540 tỷ đồng (+449% YoY = 540,6% kế hoạch). PVD không trả cổ tức năm 2023.
- Ban lãnh đạo PV Drilling ước tính giá thuê 4 giàn tự nâng năm 2024 tăng 10%-15% so với 2023. Giàn khoan PV DRILLING III vừa có hợp đồng đến năm 2028 và có thể gia hạn thêm 2 năm. Năm 2024, Kế hoạch doanh thu đạt 6.200,00 tỷ đồng (+6,82% YoY), lãi sau thuế 380,00 tỷ đồng (-30,40% YoY). Quý I năm 2024 đạt 1.755 tỷ doanh thu (+43,1% YoY), 148,5 tỷ lãi sau thuế (+184% YoY). Quý II ghi nhận 2.254 tỷ đồng doanh thu (+59,5% YoY) và 130 tỷ lãi sau thuế (-16,1% YoY). Lũy kế 6 tháng đạt 4.036 tỷ đồng doanh thu (+53% YoY), 280,7 tỷ lãi sau thuế (+33,8% YoY), tương ứng 65% KH doanh thu và 73,8% KH lợi nhuận năm.
- Ngày 23/6, PVD ký hợp đồng cung cấp giàn khoan tự nâng Thor (thuê của Borr Drilling) để phục vụ các chương trình khoan 70 ngày cho Hoàng Long JOC và 51 ngày cho Thăng Long JOC.
- Triển vọng: Giá dầu duy trì ở mức cao hỗ trợ giá thuê các giàn khoan của PVD tiếp tục tích cực, toàn bộ các giàn khoan đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ dài hạn tại nước ngoài. Dự án Lô B - Ô Môn theo kế hoạch vận hành từ 2026 sẽ tạo nguồn việc dài hạn cho các giàn khoan của PVD từ 2025 (PVD dự kiến đầu tư 2.115 tỷ đồng giàn khoan tự nâng 3 chân năm 2024).



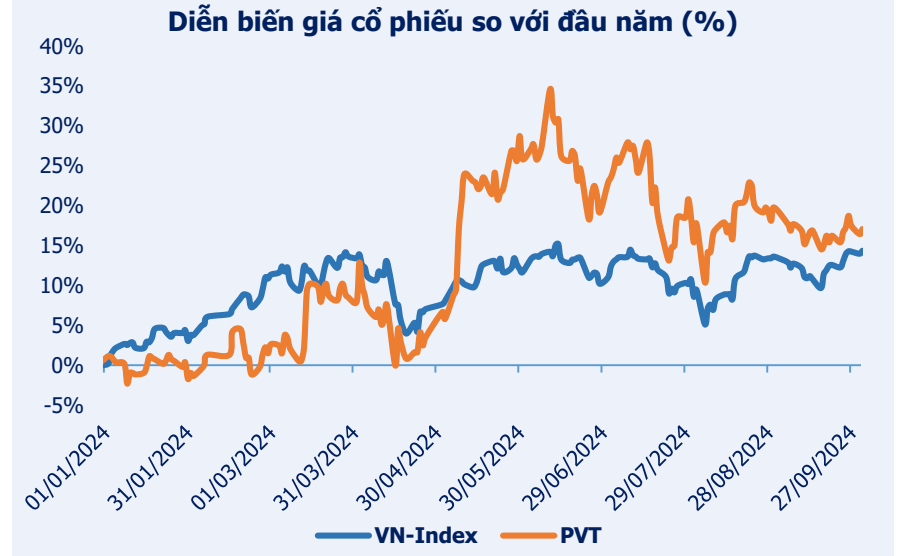
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (HOSE – PVT)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>27.950</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>31.500-33.000</b>	<b>Doanh thu</b>	2.550,62	2.752,79	2.536,11	2.994,05	8.800,00
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>29.500</b>	<b>% yoy</b>	9,45%	12,88%	24,13%	41,56%	-7,91%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>10.004</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	321,04	267,73	306,17	369,56	760,00
<b>EPS ttm</b>	<b>2.710,35</b>	<b>% yoy</b>	-16,83%	-3,14%	27,49%	-5,31%	-37,78%
<b>BV</b>	<b>20.080,58</b>	<b>Tổng tài sản</b>	16.965,20	17.466,21	17.601,98	17.566,53	
<b>PE trailing</b>	<b>10,37</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	8.675,19	9.026,38	9.351,19	9.373,33	
<b>PB trailing</b>	<b>1,4</b>	<b>ROA (%)</b>	6,26	6,13	6,07	5,73	
		<b>ROE (%)</b>	14,74	19,07	14,58	13,93	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	20,22	18,21	20,74	23,31	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	12,59	9,73	12,07	12,07	



- PVTrans là công ty vận tải dầu khí hàng đầu chuyên chở dầu thô, khí, hóa chất, than cho các đơn vị trong và ngoài tập đoàn PVN, sở hữu đội tàu hàng lỏng lớn nhất Việt Nam. Trong năm 2023, PVT đã đầu tư và thuê thêm 1 tàu chở hàng Supramax, 7 tàu chở dầu/hóa chất, 01 tàu chở LPG loại VLGC (Very Large Gas Carrier) sức chở 84.597 m<sup>3</sup>, 01 tàu LPG Coaster qua đó nâng đội tàu lên 51 chiếc (1,4 triệu DWT). Trong 9 tháng đầu năm bổ sung thêm 4 tàu, nâng đội tàu lên 55 chiếc (> 1,5 triệu tấn DWT).
- Năm 2023 đạt 9.487 tỷ đồng doanh thu (+4,8% YoY = 139,5% KH), 1.238,5 tỷ đồng lãi sau thuế (+7,1% YoY = 230,2% KH). Năm 2024, kế hoạch doanh thu 8.800 tỷ đồng (-7,24% YoY), lãi sau thuế 760 tỷ đồng (-38,6% YoY), cổ tức 8%. Tổng nhu cầu vốn đầu tư năm 2024 là 3.364 tỷ đồng, trong đó 80tr USD dự án mua tàu chuyển tiếp và 52tr USD đầu tư mới 2 tàu MR/1 tàu Aframax, 262 tỷ đồng góp vốn vào các công ty thành viên như PVTrans Logistics, HH Thăng Long, Vận tải Đông Dương.
- Quý I/2024 PVT đạt doanh thu 2.536,10 tỷ đồng (+24,14% QoQ), LNST 306,17 tỷ đồng (+27,49% QoQ). Quý II đạt 2.994 tỷ đồng doanh thu (+41,2% YoY), lãi sau thuế 369,5 tỷ đồng (-8,9% YoY). Lũy kế 6 tháng đạt 5.530 tỷ đồng doanh thu (+33% YoY) và 663,7 tỷ đồng lãi sau thuế (+5,3% YoY), đạt 62,8% KH doanh thu và 87,3% kế hoạch lợi nhuận.
- Ngày 11/4/24, GDKHQ nhận cổ tức 2021 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%. Ngày 19/9 chốt quyền chia cổ tức 2023 bằng tiền 3%, dự kiến thanh toán 10/10.
- Catalyst: việc mở rộng đội tàu giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận, có thể ghi nhận lợi nhuận bất thường trong năm từ việc thanh lý tàu chở dầu thô Athena, nhu cầu vận tải dầu khí hồi phục. Tiềm năng từ chính sách phát triển nhiệt điện chạy khí LNG theo quy hoạch VIII kéo theo nhu cầu chuyên chở LNG tăng cao. Giá cho thuê tiếp tục duy trì trên mức nền cao của năm 2023.



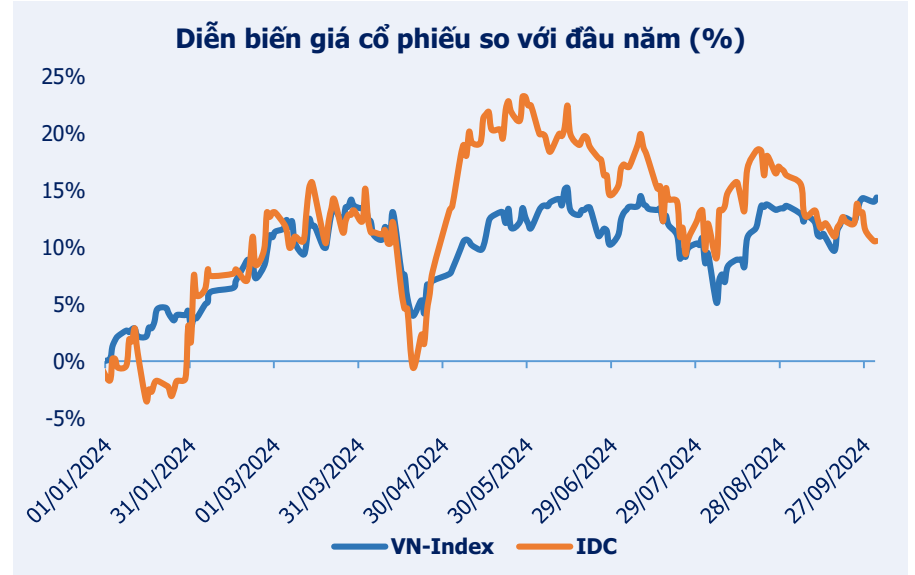
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tổng Công ty IDICO – CTCP (HNX – IDC)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>57.600</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>65.000-66.000</b>	<b>Doanh thu</b>	1.443,47	2.239,31	2.467,06	2.148,49	8.466
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>61.800</b>	<b>% yoy</b>	-29,68%	85,38%	115,15%	-10,76%	+13,2%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>19.008</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	194,52	623,06	797,17	583,87	2.502*
<b>EPS ttm</b>	<b>5.575,15</b>	<b>% yoy</b>	-68,32%	169,41%	354,99%	-11,88%	+21,6%
<b>BV</b>	<b>14.417,01</b>	<b>Tổng tài sản</b>	16.898,22	17.731,90	17.386,39	17.544,50	
<b>PE trailing</b>	<b>10,33</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	5.610,85	6.204,23	6.492,10	6.138,05	
<b>PB trailing</b>	<b>4</b>	<b>ROA (%)</b>	6,17	8,02	11,26	10,58	
		<b>ROE (%)</b>	21,22	33,38	39,83	38,07	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	28,07	36,67	44,52	37,69	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	13,48	27,82	32,31	32,31	



- IDC sở hữu 12 KCN nằm ở các vị trí thuận lợi với tổng diện tích 4.010ha ở miền Bắc và miền Nam (hiện còn 580 ha quỹ đất sẵn sàng cho thuê tại 5 dự án KCN như Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng, Hựu Thạnh, Cầu Nghìn, Quế Võ 2). Backlog diện tích đất chưa ghi nhận tính đến cuối 2023 là 156ha (hơn 30 ha ký năm 2022 và 126 ha ký năm 2023). Giá cho thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, Quế Võ 2 và Cầu Nghìn lần lượt tăng 6%, 3% và 18% so với cùng kỳ năm 2022. Năm 2024 đặt KH cho thuê mới 145ha đất và 50.000m2 nhà xưởng. Giá trị đầu tư mới 3.134 tỷ đồng (+140% YoY) trong đó 1.579 tỷ cho dự án KCN, 865 tỷ cho dự án nhà ở, 406 tỷ cho dự án năng lượng.
- Năm 2024, IDC đặt kế hoạch doanh thu +13,2%, lãi sau thuế +21,6%, cổ tức 2023 là 40% bằng tiền (đã tạm ứng 35%), cổ tức năm 2024 là 40%. Quý I/2024 IDC đạt doanh thu 2.467,06 tỷ đồng (+115,15% QoQ), LNST 797,17 tỷ đồng (+350% QoQ). Quý II đạt 2.148 tỷ đồng doanh thu (-10,7% YoY) và 584 tỷ đồng lãi sau thuế (-11,8% YoY). Lũy kế 6 tháng đạt 4.615 tỷ đồng doanh thu (+29,8% YoY) và 1.381 tỷ đồng lãi sau thuế (+64,8% YoY), tương ứng 54,5% và 69% kế hoạch năm. Lợi nhuận chuyển nhượng BĐS 272 tỷ đồng do ghi nhận diện tích đất tại dự án KĐT phường 6, Tân An (IDC sở hữu 51%) chuyển nhượng cho Aeon.
- IDC có kế hoạch mở rộng tổng quỹ đất thêm từ 2.430ha - 2.820ha trong 5 năm tới. IDC đã được duyệt dự án KCN Mỹ Xuân B1 mở rộng (110ha – 2.000 tỷ đồng) và KCN Tân Phước 1 (470 ha- 5.900 tỷ đồng) tại Tiền Giang. IDC quyết định góp 550 tỷ đồng thành lập công ty con IDICO Vinh Quang tại Hải Phòng để đầu tư xây dựng, kinh doanh đô thị, khu công nghiệp. KCN Vinh Quang (1.000 ha) đã hoàn thành quy hoạch 1/2.000 và dự kiến được phê duyệt đầu tư trong năm 2025.
- Ngày 04/6/2024 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền 5% đợt 3 năm 2023 và tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1/2024 với tỷ lệ 20%.

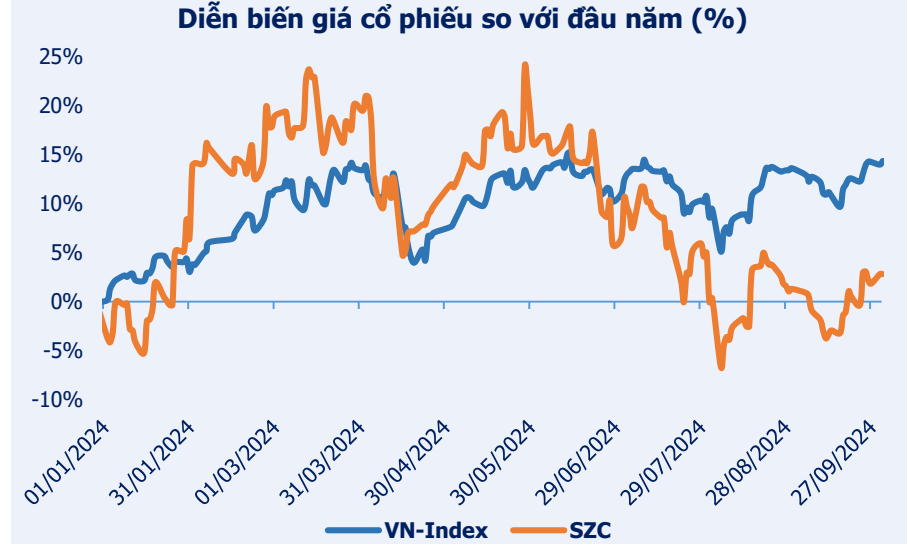


# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Sonadezi Châu Đức (HOSE – SZC)

*(Quay về danh mục tổng hợp)*

		(tỷ đồng)	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	KH2024
<b>Giá hiện tại</b>	<b>37.650</b>	<b>Doanh thu</b>	208,10	258,51	213,72	262,43	881,09
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>40.000-41.000</b>	<b>% yoy</b>	68,79%	32,12%	238,36%	-8,93%	+7,72%
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>38.450</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	55,09	56,06	65,08	102,23	228,15
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>6.776</b>	<b>% yoy</b>	136,25%	49,23%	453,70%	6,52%	+4,24%
<b>EPS ttm</b>	<b>1.608,35</b>	<b>Tổng tài sản</b>	6.404,28	6.961,13	8.057,49	8.250,99	
<b>BV</b>	<b>16.505,35</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	1.681,25	1.737,32	2.971,31	2.970,73	
<b>PE trailing</b>	<b>23,41</b>	<b>ROA (%)</b>	3,16	3,29	3,92	3,75	
<b>PB trailing</b>	<b>2,28</b>	<b>ROE (%)</b>	12,55	13,38	13,58	11,90	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	41,17	35,84	46,09	56,98	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	26,47	21,69	30,45	30,45	



- SZC sở hữu quỹ đất cho thuê lớn với tổng diện tích khoảng 2.135 ha (trong đó khoảng 600ha để phát triển KĐT).
- Năm 2023 đạt 818 tỷ đồng doanh thu (-4,7% YoY = 89,4% KH), 218,8 tỷ lãi sau thuế (+10,9% YoY = 104% KH). Năm 2024, SZC đặt kế hoạch doanh thu 881 tỷ đồng (+5,5% YoY) và LNST 228 tỷ đồng (+4,6% YoY), cổ tức 10%. Đồng thời, SZC có kế hoạch chi gần 450 tỷ cho đầu tư xây dựng cơ bản và 1.089 tỷ đồng cho chi phí giải phóng mặt bằng cho KCN diện tích 92,99ha trong năm. Quý I đạt 213,7 tỷ đồng doanh thu (+238% YoY), 65,1 tỷ đồng lãi sau thuế (+453% YoY). Quý II đạt 262,4 tỷ đồng doanh thu (-9% YoY), 102,2 tỷ lãi sau thuế (+6,4% YoY). Lũy kế 6 tháng đạt 476 tỷ đồng doanh thu (+35,6% YoY) và 167 tỷ đồng lãi sau thuế (+55% YoY), tương ứng 54% KH doanh thu và 73% KH lợi nhuận.
- Phát hành thành công 99,97% lượng cổ phiếu chào bán tỷ lệ 2:1 giá 20.000 đồng/cp để bổ sung nguồn vốn đầu tư dự án KCN Châu Đức (1.556ha), tái cơ cấu các khoản nợ vay và thanh toán lãi gốc trái phiếu đến hạn. Ngày 14/5/2024 ký hợp đồng cho thuê lại 18ha đất tại KCN Châu Đức với Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam để đầu tư nhà máy 250 triệu USD.
- Cổ đông Tổng Công ty Sonadezi (SZN) phê duyệt Đề án tái cơ cấu tổng công ty giai đoạn 2021-2025, theo đó SZN sẽ thoái vốn tại SZC từ 46,84% hiện tại xuống còn 36%. HĐQT thông qua phương án tăng giới hạn cho vay dài hạn là 3.000 tỷ đồng gồm giới hạn cho vay dài hạn đã cấp là 1.600 tỷ đồng và giới hạn cho vay dài hạn cấp mới là 2.000 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện triển khai đầu tư dự án Khu công nghiệp Châu Đức.
- Ngày 24/4/2024 chốt danh sách chia cổ tức năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 10%.



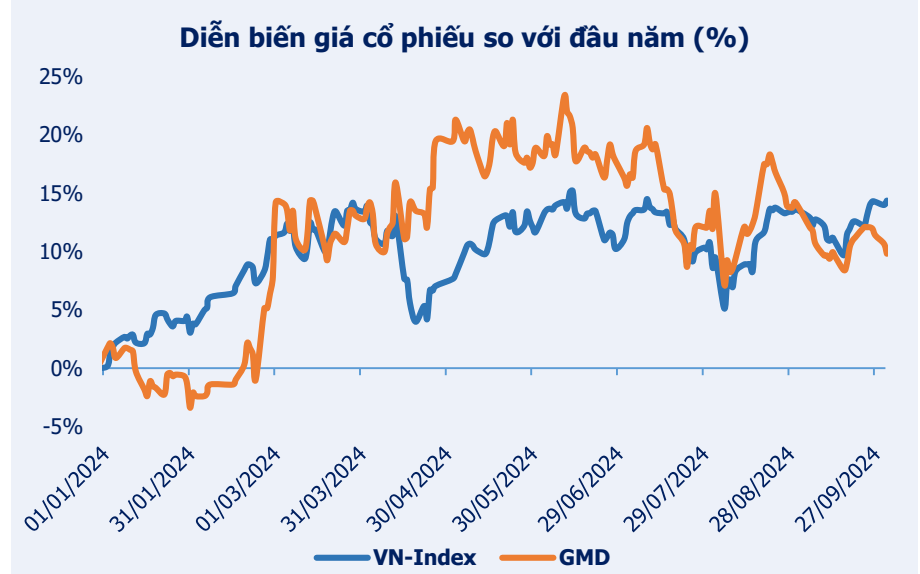
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Gemadept (HOSE – GMD)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	78.000	(tỷ đồng)	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	84.000-85.000	<b>Doanh thu</b>	997,92	1.033,81	1.005,54	1.181,10	4.000
Giá cao nhất tháng 9	83.400	<b>% yoy</b>	0,60%	-3,01%	11,48%	29,48%	+4,03%
Vốn hóa (tỷ VND)	24.032	<b>Lãi sau thuế</b>	338,45	191,54	655,99	418,03	1.348,8
EPS ttm	3.915,87	<b>% yoy</b>	17,73%	-11,14%	157,41%	-75,66%	-46,7%
BV	30.558,47	<b>Tổng tài sản</b>	13.245,08	13.542,10	14.338,01	14.831,16	
PE trailing	19,77	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	9.552,71	9.706,54	10.390,81	10.794,51	
PB trailing	2,53	<b>ROA (%)</b>	17,09	16,72	18,71	8,80	
		<b>ROE (%)</b>	29,45	32,32	29,62	13,84	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	46,57	41,17	43,85	45,90	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	33,92	18,53	65,24	65,24	



- Một trong các nhà khai thác cảng biển và logistics hàng đầu tại Việt Nam với 8 cảng biển (năng lực 3,45 triệu TEU, 2 triệu tấn hàng rời) trong đó Gemalink nằm trong Top 19 cảng trên thế giới có khả năng tiếp nhận tàu Megaship (250.000 Dwt). Sản lượng container qua các cảng của GMD năm 2023 đạt trên 3tr TEU = 12,2% thị phần cả nước. Ngày 24/5/2023 khai thác GD2 cảng Nam Đình Vũ có công suất 1,4tr TEU/năm. Ngày 16/4/24, hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ 99,98% cổ phần tại CTCP Cảng Nam Hải (NHP).
- Năm 2023 đạt 3.846 tỷ đồng doanh thu (-1% YoY), 3.144 tỷ đồng lãi trước thuế (+140% YoY). KH 2024 doanh thu tăng 4,03%, lợi nhuận giảm 46,7% do không còn lãi bất thường, chia cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 22%. Quý I đạt 1.005 tỷ đồng doanh thu (+11,5% YoY), lãi sau thuế đạt 656 tỷ đồng (+157% YoY) nhờ ghi nhận khoản thoái vốn tại NHP. Quý II đạt 1.181 tỷ đồng doanh thu (+29% YoY), lãi sau thuế 418 tỷ đồng (-75,5% YoY) do cùng kỳ ghi nhận lãi thoái vốn Nam Hải Đình Vũ. Lũy kế 6 tháng đạt 2.186,6 tỷ đồng doanh thu (+20,5%) và 1.074 tỷ đồng lãi sau thuế (-45,5% YoY), hoàn thành lần lượt 54,6% và 79,6% kế hoạch năm.
- Dự án Nâng cấp luồng hàng hải trước cảng Nam Đình Vũ hoàn thành, hạ độ sâu luồng từ -7m xuống -8,5m để tiếp nhận tàu lên đến 48.000 DWT. Ngày 15/7/2024 chốt trả cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 22%. Ngày 4/10/24, nhận được GCN đăng ký chào bán cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 33,33% giá 29.000đ/cổ phiếu.
- Câu chuyện đầu tư: Từ 15/2/2024 tăng 10% giá sàn đối với phí bốc dỡ container quốc tế (khu vực Cái Mép-Thị Vải nâng cả giá trần thêm 10% và cảng Gemalink có thể tăng thêm 10% so với khung giá thông thường; Dự án GD3 cảng Nam Đình Vũ (600.000TEU/năm) dự kiến vận hành từ 2025. Dự án Gemalink - Giai đoạn 2 (39ha, 1,5 triệu TEU/năm) dự kiến hoàn thành 2025; Thoái vốn tại dự án trồng cao su tại Campuchia (30.000ha); Thoái vốn mảng bất động sản; Kim ngạch XNK phục hồi tốt, 8 tháng đầu năm 2024 tăng 13,5% so cùng kỳ.



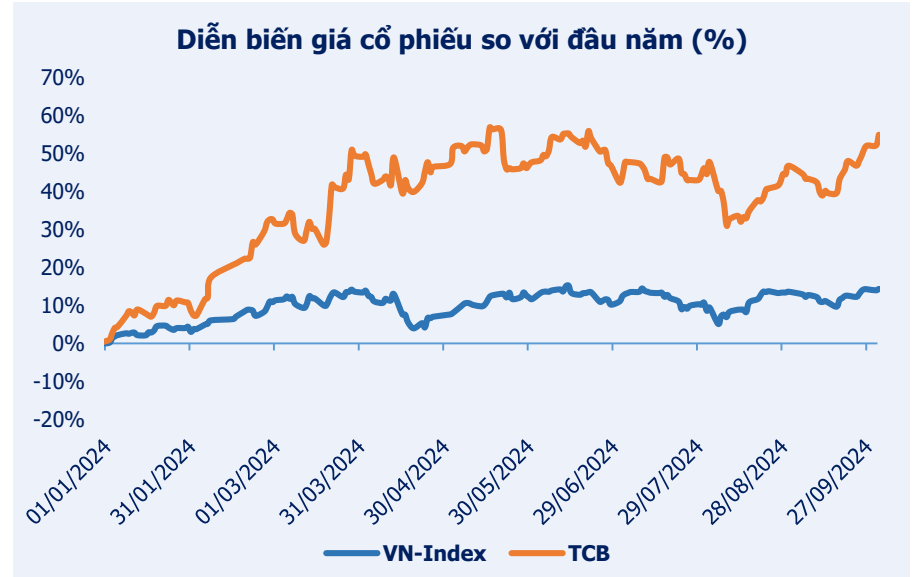
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (HOSE – TCB)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>24.200</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>25.500-26.500</b>	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	10.418,49	11.017,45	12.261,77	13.419,70	-
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>23.500</b>	<b>% yoy</b>	0,78%	16,87%	31,85%	43,91%	-
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>173.660</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	4.668,71	4.481,62	6.277,00	6.269,97	21.680,00
<b>EPS ttm</b>	<b>3.048,55</b>	<b>% yoy</b>	-13,02%	25,46%	38,35%	39,23%	+19,18%
<b>BV</b>	<b>19.470,45</b>	<b>Tiền gửi khách hàng</b>	409.044,57	454.660,78	458.040,69	481.860,24	
<b>PE trailing</b>	<b>8,09</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	475.605,59	518.641,57	559.276,89	592.083,27	616.031
<b>PB trailing</b>	<b>1,27</b>	<b>Nợ xấu(%)</b>	1,36	1,16	1,13	1,23	<1,5
		<b>ROE (%)</b>	14,37	14,84	15,36	16,21	
		<b>NIM(%)</b>	4,11	4,02	4,07	4,26	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	44,81	40,68	51,19	51,19	



- KQKD Quý 1/2024 tổng thu nhập hoạt động đạt 12.262 tỷ đồng (+31,8% YoY), LNTT 7.802 tỷ đồng (+38,7% YoY). Kết thúc 6T/2024, tổng thu nhập hoạt động tăng 43,7% YoY nhờ các động lực chính (thu từ lãi +40% YoY; thu từ dịch vụ +34% YoY và thu nhập khác +65% YoY), NIM theo quý cải thiện lên mức 4,6%. Thu nhập phí từ hoạt động IB lũy kế 6 tháng đầu năm tăng gấp 3 lần nhờ diễn biến tích cực của thị trường trái phiếu và thị trường chứng khoán (với thị phần cao hơn). Banca đã phục hồi từ mức nền rất thấp của quý 2 năm 2023. LNTT tăng trưởng 38,6% so với 6T/2023 đạt 15.628 tỷ đồng, hoàn thành 57,7% KH năm.
- Tỷ lệ nợ xấu tại cuối quý II là 1,23% tăng 0,07% (+1.288 tỷ đồng) so với đầu năm, tỷ lệ bao phủ nợ xấu là 101%. Tín dụng 6T/2024 tăng 11,6% YTD. Dư nợ cho vay mua nhà phục hồi lên mức 181,7 nghìn tỷ đồng, tăng 6,3% YTD. Tiền gửi của khách hàng đạt 481,9 nghìn tỷ đồng, tăng 6,0% YTD. Tỷ lệ CASA giảm xuống 37,4%, từ mức 40,5% tại quý đầu năm, do tiền gửi có kỳ hạn tăng trở lại.
- Triển vọng kinh doanh năm 2024 của TCB dự báo khả quan với lợi nhuận tăng khoảng 15%. Luật đất đai, Luật kinh doanh BĐS và Luật các TCTD được thông qua kỳ vọng giải quyết vấn đề pháp lý, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng dự án BĐS và xử lý tài sản đảm bảo là BĐS của Ngân hàng. TCB hướng tới định vị giá trị khác biệt cho khách hàng thông qua các nền tảng số, nền tảng bán hàng và sử dụng AI, Machine learning phân tích dữ liệu. Lượng tiền gửi dân cư vào ngân hàng tăng liên tiếp trong gần 2 năm qua và đang đạt đỉnh tại tháng 7/2024 với số dư gần 6,8 triệu tỷ đồng là điều kiện giúp TCB tiếp tục mở rộng CASA, giảm chi phí vốn và tăng biên lợi nhuận.
- Ngày 21/6/2024, TCB đã chốt danh sách cổ đông chia cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1, ngày 6/8 giao dịch niêm yết số cổ phiếu bổ sung.



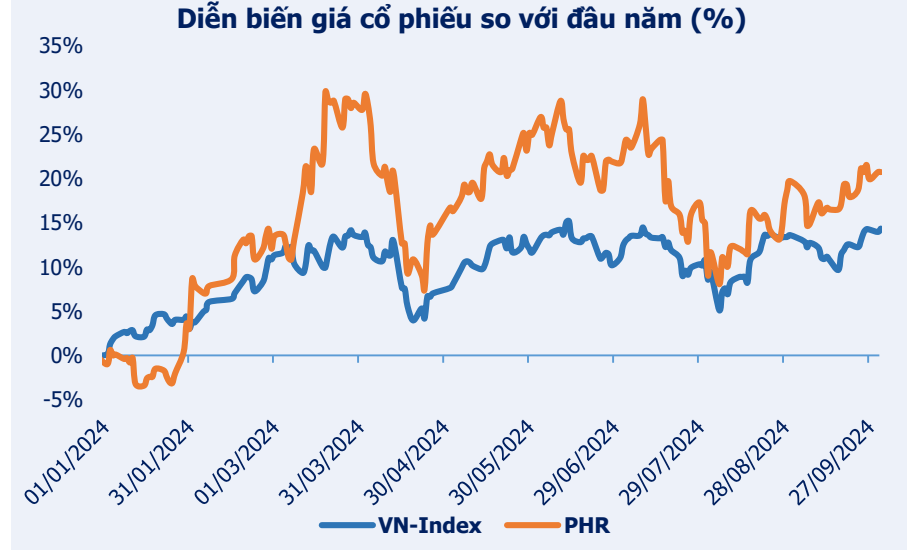
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Cao su Phước Hòa (HOSE – PHR)

(*Quay về danh mục tổng hợp*)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>60.000</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>66.000-68.000</b>	<b>Doanh thu</b>	452,92	461,07	323,36	271,95	1.455
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>59.500</b>	<b>% yoy</b>	-13,35%	-20,05%	-0,89%	145,52%	-10%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>8.130</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	144,36	158,48	78,44	70,33	245
<b>EPS ttm</b>	<b>3.009,49</b>	<b>% yoy</b>	2,78%	-63,51%	-66,41%	-44,78%	-47%
<b>BV</b>	<b>28.117,31</b>	<b>Tổng tài sản</b>	6.049,49	6.160,97	5.989,73	5.994,55	
<b>PE trailing</b>	<b>19,94</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	3.709,48	3.816,04	3.899,86	3.988,73	
<b>PB trailing</b>	<b>2,13</b>	<b>ROA (%)</b>	14,48	9,92	7,73	6,78	
		<b>ROE (%)</b>	26,04	19,07	13,12	11,16	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	32,85	19,11	22,41	21,16	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	31,87	34,37	24,26	24,26	



- PHR đang quản lý 15.084 ha cây cao su tại Bình Dương, Campuchia, Daklak, 4 nhà máy chế biến mủ tổng công suất 53.000 tấn/năm. PHR hiện đang đầu tư vào 3 dự án BĐS KCN là Tân Bình (240ha, đã lấp đầy 100%), VSIP 3 (20% lãi gộp của 646ha ghi nhận từ 2024) và Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2 (345ha, có thể bắt đầu ghi nhận doanh thu cho thuê từ năm 2024).
- Năm 2023, PHR ghi nhận 1.351,02 tỷ đồng doanh thu, 663,74 tỷ đồng lãi sau thuế. Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền mặt 2.143 tỷ đồng, nợ phải trả chiếm 38% tổng nguồn vốn và 61% vốn chủ sở hữu trong đó 57% (1.338 tỷ đồng) là doanh thu chưa thực hiện, PHR có lịch sử duy trì tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền ổn định.
- Quý 1, PHR đã khai thác 1.364 tấn mủ quy khô (11% KH 2024), tiêu thụ 4.423 tấn (13.36% KH2024), giá bán TB đạt 37 triệu đồng/tấn (101,6% KH). Doanh thu đạt 323,4 tỷ đồng (-0,89% YoY), lãi sau thuế 78,4 tỷ đồng (-66,4% YoY). Quý 2 doanh thu đạt 271,9 tỷ đồng (+145,6% YoY), lãi sau thuế đạt 70,3 tỷ đồng (-44,8% YoY). Lũy kế 6 tháng đạt 595 tỷ đồng doanh thu (+36,2% YoY) và 148,7 tỷ đồng lãi sau thuế (-58,8% YoY). Lợi nhuận giảm mạnh so cùng kỳ do doanh thu tài chính giảm 36% và năm 2023 PHR ghi nhận tiền đền bù khi bàn giao đất thực hiện dự án VSIP 3.
- Triển vọng: Giá cao su thế giới trung bình 9 tháng năm 2024 tăng 57% YoY và +34% YTD do tình trạng thiếu hụt nguồn cung cao su tự nhiên, đặc biệt là từ Thái Lan và Indonesia. Giá XK cao su VN 8 tháng +16,8% YoY; Giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến 2030, PHR dự kiến sử dụng 4.992 ha để quy hoạch KCN, 1.018 ha quy hoạch cụm công nghiệp (8 cụm công nghiệp ở huyện Phú Giáo, 4 cụm công nghiệp ở huyện Bắc Tân Uyên và 2 cụm công nghiệp ở huyện Bàu Bàng), 1.300 ha quy hoạch khu dân cư. PHR sẽ tập trung hoàn thiện pháp lý triển khai KCN Tân Bình mở rộng (1.055ha), làm chủ đầu tư KCN-Đô thị-Dịch vụ Hội Nghĩa (715ha) Bình Mỹ (1.002ha), KCN Tân lập 1 (201,62ha) dự kiến bắt đầu cho thuê từ 2025.



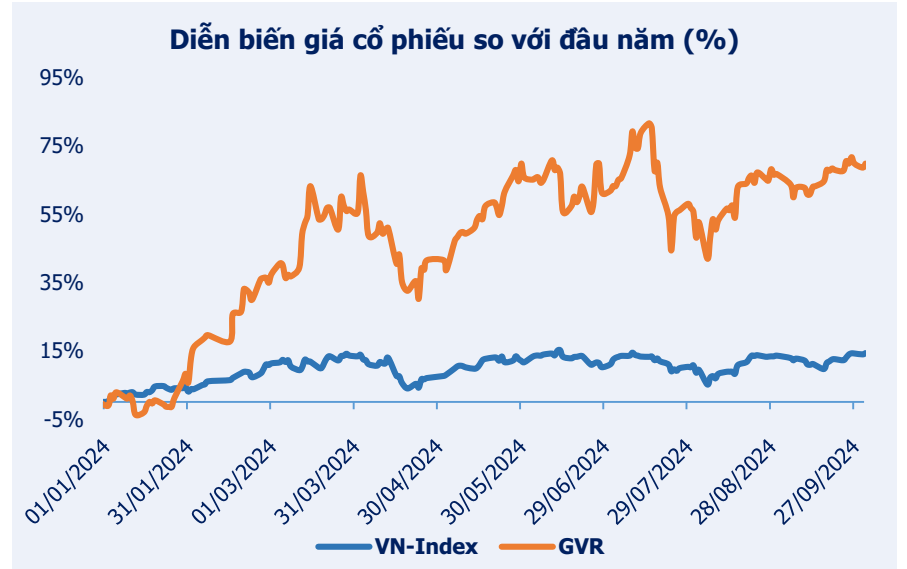


# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HOSE – GVR)

*(Quay về danh mục tổng hợp)*

		(tỷ đồng)	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	KH2024
<b>Giá hiện tại</b>	<b>35.750</b>	<b>Doanh thu</b>	6.195,32	7.591,18	4.585,37	4.622,18	24.999
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>36.000-37.000</b>	<b>% yoy</b>	5,95%	-15,77%	10,89%	11,16%	+1,1%
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>35.650</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	493,61	1.416,19	650,03	994,53	3.437
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>144.000</b>	<b>% yoy</b>	-50,33%	8,03%	-13,98%	41,17%	+2,03%
<b>EPS ttm</b>	<b>702,8</b>	<b>Tổng tài sản</b>	77.796,79	78.385,27	76.913,14	76.116,65	
<b>BV</b>	<b>12.856,83</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	55.290,02	54.853,58	56.018,18	55.599,02	
<b>PE trailing</b>	<b>51,22</b>	<b>ROA (%)</b>	3,01	3,30	3,24	3,64	
<b>PB trailing</b>	<b>2,8</b>	<b>ROE (%)</b>	4,70	6,83	5,01	5,58	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	19,93	21,12	23,47	25,37	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	7,97	18,66	14,18	14,18	



- Dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng GĐ2 (344 ha) đã được TT phê duyệt chủ trương và UBND tỉnh Bình Dương đã có quyết định cho thuê đất để thực hiện dự án; Các dự án đang trình Thủ tướng gồm: Dự án đầu tư KCN 317 ha do CTCP KCN Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư; Dự án KCN Rạch Bắp mở rộng 360 ha (Bình Dương); Dự án KCN Minh Hưng III mở rộng (577,53 ha).
- Năm 2023, doanh thu đạt 22.079,89 tỷ đồng (-13,16% YoY), lãi sau thuế 3.369,95 tỷ đồng (-29,10% YoY). Kế hoạch 2024 với doanh thu tăng 1%, lợi nhuận sau thuế tăng 2%, cổ tức 2024 là 3%, cổ tức 2023 là 3%. Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu hợp nhất 9.238 tỷ đồng (+11,3% YoY), lãi sau thuế đạt 1.584 tỷ đồng (+8,5% YoY). Quý III ước đạt 6.969 tỷ đồng doanh thu (+12,4% YoY), lãi sau thuế 801 tỷ đồng (+62% YoY), 9 tháng đạt 16.207 tỷ đồng doanh thu (+11,8% YoY), lãi 2.386 tỷ đồng (+22% YoY) tương ứng lần lượt 64,8% KH và 69,4% KH.
- Ngày 1/3/2024, GVR được Thủ tướng chấp thuận đầu tư Dự án KCN Hiệp Thạnh giai đoạn 1 tại Tây Ninh (495,17 ha) vốn đầu tư 2.350 tỷ đồng trong đó vốn góp của GVR là 352,5 tỷ đồng. GVR đang hợp tác với Sở Giao dịch Hàng hoá Việt Nam (MXV) để hoàn thiện các quy trình, quy định và dự kiến chính thức niêm yết cao su tự nhiên và giao dịch trên sàn từ quý 4/2024.
- Triển vọng: 1/Nhu cầu cao su tự nhiên từ Trung Quốc phục hồi giúp giá cao su tăng 34% từ đầu năm; 2/Mở rộng diện tích các KCN thông qua chuyển đổi đất trồng cây cao su và phát triển mới. GVR đang khai thác 3.932ha các KCN, công ty tiếp tục triển khai đầu tư KCN Hiệp Thạnh - giai đoạn 1 (gần 500ha), KCN Nam Tân Uyên mở rộng GĐ2, mục tiêu tới năm 2025 sẽ phát triển thêm 19.513ha, nâng tổng diện tích các KCN lên 23.444ha (1.734ha đang triển khai các thủ tục đầu tư); 3/Nghị định 10 bổ sung Luật Đất đai sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án KCN của GVR; 4/GVR được Bộ KH&ĐT trình Chính phủ kế hoạch thoái vốn đến hết năm 2025.



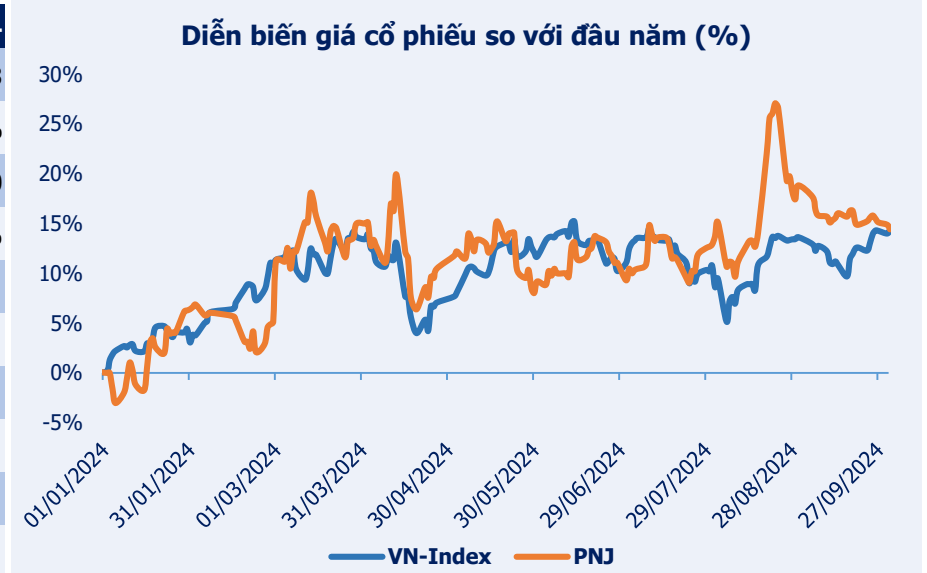
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HOSE – PNJ)

(*Quay về danh mục tổng hợp*)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>98.800</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>110.000-115.000</b>	<b>Doanh thu</b>	6.917,55	9.760,38	12.593,84	9.518,70	37.147,63
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>109.300</b>	<b>% yoy</b>	-6,06%	17,57%	28,57%	42,85%	+12,10%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>33.250</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	253,34	631,97	737,81	428,85	2.089,20
<b>EPS ttm</b>	<b>6.135,35</b>	<b>% yoy</b>	0,42%	35,49%	-1,44%	27,03%	+5,99%
<b>BV</b>	<b>32.026,60</b>	<b>Tổng tài sản</b>	13.055,16	14.429,94	12.968,93	12.963,94	
<b>PE trailing</b>	<b>16,04</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	9.437,00	9.806,57	10.474,38	10.715,26	
<b>PB trailing</b>	<b>3,07</b>	<b>ROA(%)</b>	13,71	14,20	14,54	15,37	
		<b>ROE (%)</b>	19,84	21,60	20,16	20,30	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	17,31	17,94	17,07	15,56	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	3,66	6,47	5,86	5,86	



- Công ty hàng đầu về sản xuất và kinh doanh trang sức tại Việt Nam.
- Năm 2023 đạt 33.137 tỷ đồng doanh thu (-2,2% YoY), lãi sau thuế 1.971 tỷ đồng (+8,9% YoY), hoàn thành 93% kế hoạch doanh thu và 101,7% kế hoạch lợi nhuận. Biên lãi gộp trung bình cả năm 2023 đạt 18,3% so với mức 17,5% của năm 2022. Năm 2024, đặt kế hoạch 37.747 tỷ doanh thu (+12,1% YoY), 2089 tỷ lãi sau thuế (+6% YoY), cổ tức 20% bằng tiền.
- Quý 1/2024 đạt 12.594 tỷ đồng doanh thu (+29% QoQ, +28,6% YoY), 737,8 tỷ lãi sau thuế (+16,8% QoQ, -1,4% YoY). Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt 22.113 tỷ đồng (+34,3% YoY), lãi sau thuế 1.167 tỷ đồng (+7,4% YoY), tương ứng 59,5% và 55,8% kế hoạch năm 2024. Doanh thu 8 tháng ước đạt 26.866 tỷ đồng (+27,2% YoY), lãi sau thuế 1.281 tỷ đồng (+2,8% YoY), tương ứng 72,3% KH và 61,3% KH. Doanh thu vàng miếng 8 tháng tăng mạnh 52,8% YoY trong khi trang sức bán lẻ tăng 15,1% YoY, bán buôn tăng 28,2% YoY. Biên lãi gộp trung bình 8 tháng là 16,6%, giảm so với 18,6% cùng kỳ. Trong 8 tháng đầu năm PNJ mở thêm 24 cửa hàng, đóng 10 cửa hàng, tổng cộng có 414 cửa hàng bao gồm 405 cửa hàng PNJ, 3 cửa hàng CAO Fine Jewellery, 5 cửa hàng Style by PNJ.
- Ngày 20/10/2023, GDKHQ trả cổ tức đợt 3 năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 8%. Ngày 5/1/2024, đã phát hành 6.559.992 cổ phiếu ESOP giá 20.000đ/cp. Năm 2024 dự kiến phát hành 3,3 triệu cổ phiếu ESOP giá 20.000đ/cp. Ngày 15/3/2024 chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền tỷ lệ 6%.



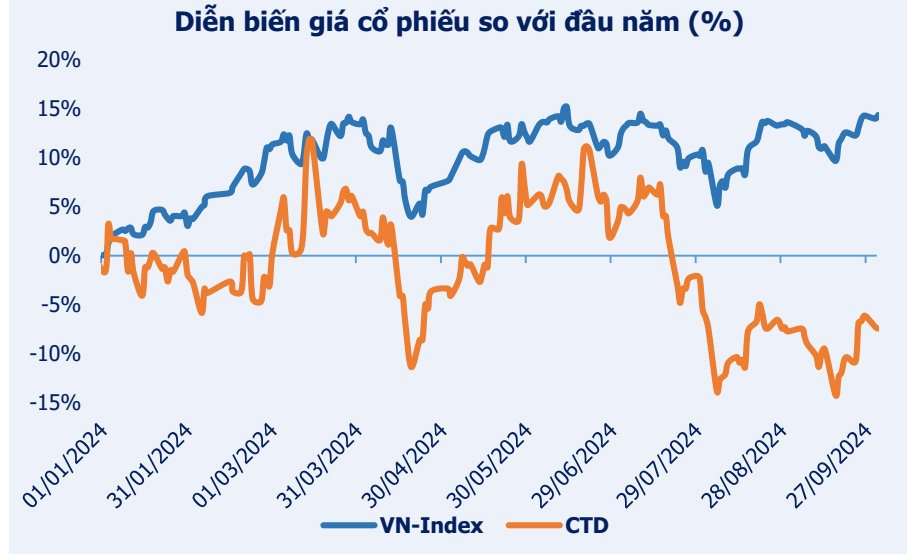
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Xây dựng Coteccons (HOSE – CTD)

(*Quay về danh mục tổng hợp*)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>63.800</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>78.000-81.000</b>	<b>Doanh thu</b>	4.123,96	5.659,93	4.665,85	6.595,42	17.793,00
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>65.400</b>	<b>% yoy</b>	32,45%	-9,15%	49,09%	82,46%	+163,8%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>6.366</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	66,64	69,09	104,90	58,83	274,00
<b>EPS ttm</b>	<b>3.079,36</b>	<b>% yoy</b>	1995,85%	266,16%	375,49%	95,20%	+426,6%
<b>BV</b>	<b>85.967,51</b>	<b>Tổng tài sản</b>	20.550,86	21.651,89	20.932,93	22.829,15	
<b>PE trailing</b>	<b>20,69</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	8.338,35	8.407,43	8.519,71	8.581,12	
<b>PB trailing</b>	<b>0,74</b>	<b>ROA(%)</b>	0,68	0,93	1,28	1,39	
		<b>ROE (%)</b>	1,67	2,26	3,23	3,54	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	2,43	2,99	4,73	3,37	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	1,62	1,22	2,25	2,25	



- CTD là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng nhà ở, thương mại, và gần đây là công nghiệp với việc trúng gói thầu xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi tỷ đô của LEGO và dự án của Foxconn.
- Lũy kế 6 tháng niên độ tài chính 2023-2024, CTD ghi nhận 9.784 tỷ đồng doanh thu (+5,0% YoY) và 136 tỷ đồng LNST, gấp 8,8 lần cùng kỳ. Quý III ghi nhận 4.666 doanh thu (+49% YoY) và 105 tỷ lãi sau thuế (+380% YoY), Quý IV đạt 6.595 tỷ đồng doanh thu (+82,5% YoY) và 58,8 tỷ đồng lãi sau thuế (+82,5% YoY). Cả năm niên độ tài chính đạt 21.045 tỷ doanh thu (+30,8% YoY) và lãi sau thuế 299,5 tỷ đồng (+343% YoY), tương ứng 118% KH doanh thu và 109% KH lợi nhuận. Giá trị backlog trong các năm tới dự kiến 30.000 tỷ đồng trong đó năm 2025 là 20.000 tỷ đồng. Đặt KH 2025 doanh thu 25.000 tỷ đồng (+19%) và 430 tỷ đồng lãi sau thuế (+39%).
- Ngày 9/2/2024, CTD hoàn tất thủ tục mua lại 100% vốn góp 2 công ty là Công ty TNHH Sinh Nam Metal (Việt Nam) – cung cấp Facade (nhôm kính, cung cấp nguyên liệu làm bề mặt công trình) và Công ty TNHH Cơ và Điện UG Việt Nam, đồng thời đã thành lập một công ty con ở Mỹ, đặt văn phòng tại bang Florida.
- Ngày 16/7/24, ký MOU với Daewoo Engineering & Construction (Hàn Quốc) để hợp tác tại các dự án công EPC quy mô lớn tại Việt Nam cũng như các dự án EPC khác trên thị trường toàn cầu do Daewoo tham gia với tư cách là nhà thầu chính.
- Triển vọng: Dòng vốn FDI gia tăng kéo theo nhu cầu về hoạt động xây lắp công nghiệp trong và ngoài nước, CTD đã có uy tín từ hoạt động xây lắp các công trình lớn như Lego, Foxconn và đang gia tăng tỷ trọng mảng này trong backlog từ 14% lên 20%.; Thị trường bất động sản dự báo phục hồi từ năm 2025 sẽ hỗ trợ cho mảng xây lắp dân dụng của CTD.



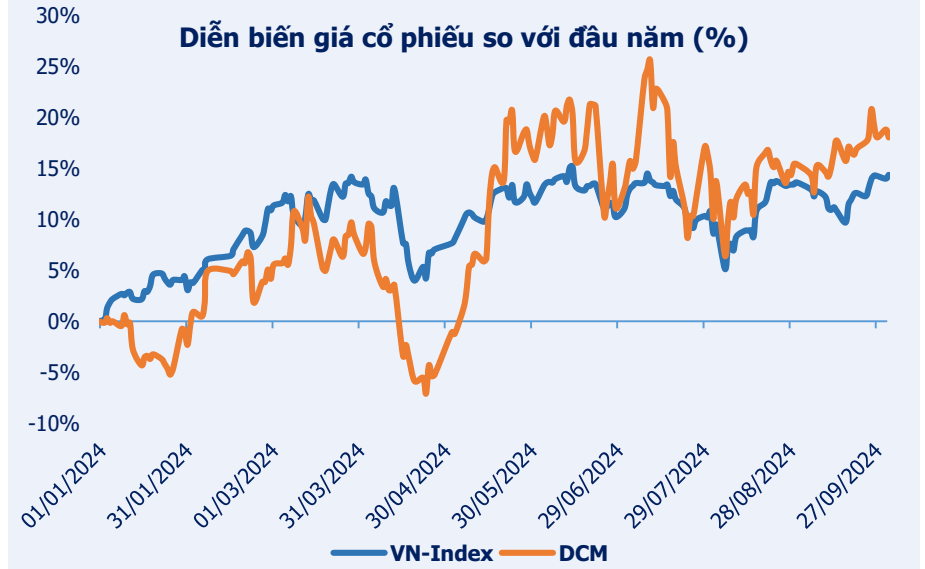
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Đạm Cà Mau (HOSE – DCM)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>38.500</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>41.000-42.000</b>	<b>Doanh thu</b>	3.010,59	3.565,57	2.744,04	3.863,35	11.878
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>37.850</b>	<b>% yoy</b>	-8,97%	-20,03%	0,34%	17,39%	-5,73%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>20.250</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	74,13	491,81	349,60	569,77	795
<b>EPS ttm</b>	<b>2.529,62</b>	<b>% yoy</b>	-89,86%	-51,01%	52,21%	82,20%	-28,24%
<b>BV</b>	<b>18.443,14</b>	<b>Tổng tài sản</b>	14.714,82	15.277,98	15.743,58	16.830,75	
<b>PE trailing</b>	<b>15,12</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	9.568,08	9.993,19	10.290,89	9.779,25	
<b>PB trailing</b>	<b>2,07</b>	<b>ROA(%)</b>	10,93	7,54	7,98	9,47	
		<b>ROE (%)</b>	15,38	10,82	11,99	15,00	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	5,89	24,28	25,86	15,79	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	2,46	13,79	12,74	12,74	



- Một trong những công ty sản xuất phân bón lớn tại Việt Nam với sản phẩm chủ lực là Ure hạt đục và NPK, hiện chiếm thị phần 60% tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và xuất khẩu sang Campuchia, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippines, Nhật Bản, Bangladesh.
- Năm 2023 đạt 12.601 tỷ đồng doanh thu (-20% YoY) và 1.108 tỷ đồng lãi sau thuế (-74% YoY). Tình hình tài chính vững mạnh với lượng tiền và tương đương tiền tại 30/06/2024 đạt 10.627 tỷ đồng, tương ứng 63% tổng tài sản và 1,5 lần nợ phải trả. Quý I năm 2024, ghi nhận 2.744 tỷ đồng doanh thu (+0,34% YoY), 349 tỷ lãi sau thuế (+52,2% YoY). Quý II doanh thu 4.005 tỷ đồng (+15,9% YoY), lãi sau thuế 569,8 tỷ đồng (+96,6% YoY). Lũy kế 6 tháng 2024, DCM đạt 6.607 tỷ đồng doanh thu (+9,6% YoY) và 919,3 tỷ lãi sau thuế, hoàn thành 55,6% và 115,6% kế hoạch năm. Sản lượng tiêu thụ 8 tháng ước đạt 527,6 nghìn tấn Ure và 80,2 nghìn tấn NPK, tương ứng 70% KH và 44% KH.
- Dự án nhà máy tại KCN Long Mỹ, TP Quy Nhơn, xây dựng từ Quý I/2024 và hoạt động Quý I/2025, vốn đầu tư gần 120 tỷ đồng. Nhà máy sản xuất, phối trộn phân bón NPK+TE (khoảng 50.000 tấn/năm); đóng gói các loại phân bón (khoảng 50.000 tấn/năm); lưu trữ, kinh doanh phân bón, NVL sản phẩm phân bón khoảng 150.000 tấn/năm. DCM ký kết hợp tác với Wuhuan Engineering Co.,Ltd - một trong những công ty kỹ thuật hóa đầu lớn nhất Trung Quốc, nhằm nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm; nghiên cứu nâng công suất Nhà máy Đạm Cà Mau; hợp tác để Đạm Cà Mau cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, vận hành cho các dự án mới của Wuhuan. Hoàn thành mua 100% vốn góp công ty Phân bón Hàn - Việt (360.000 tấn NPK/năm). Ngày 13/09/2024, DCM ký kết hợp tác chiến lược với Samsung C&T để NK nguyên liệu và XK sản phẩm của DCM. Ngày 24/09/2024, DCM đã được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án kho cảng Nhơn Trạch với quy mô lớn.
- Triển vọng: Kỳ vọng mặt hàng phân bón được thông qua và phân vào nhóm chịu thuế GTGT 5%; DCM đã hết khấu hao nhà máy từ Q4/2023.



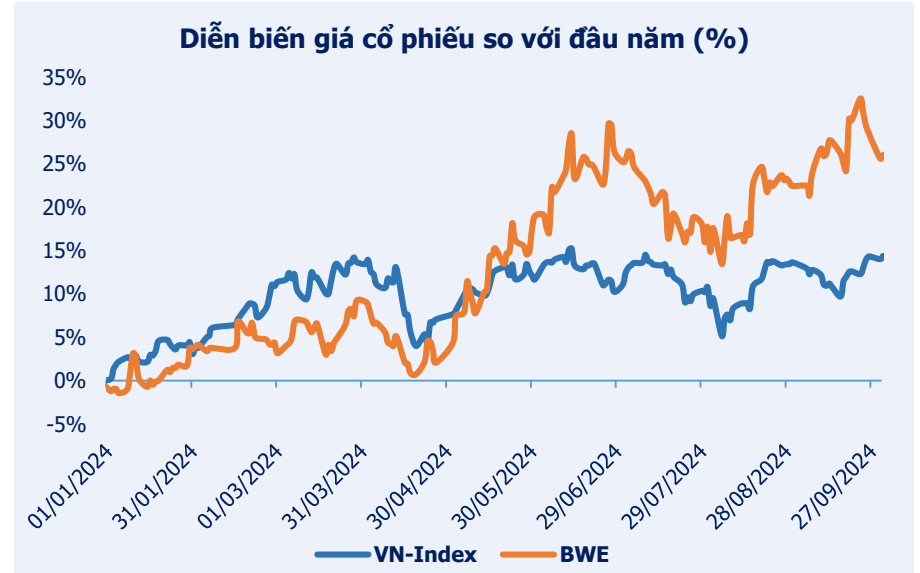
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 3-2024

## CTCP - Tổng công ty nước - môi trường Bình Dương (HOSE – BWE)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>45.400</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>49.000-50.000</b>	<b>Doanh thu</b>	840,49	1.127,89	791,70	1.034,30	4.100,00
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>45.050</b>	<b>% yoy</b>	-2,28%	8,11%	16,32%	17,95%	+16,28%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>10.018</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	178,09	150,66	179,72	137,89	700,00
<b>EPS ttm</b>	<b>2.413,49</b>	<b>% yoy</b>	-9,43%	-11,56%	27,71%	-34,32%	+2,64%
<b>BV</b>	<b>22.789,95</b>	<b>Tổng tài sản</b>	11.335,08	12.108,12	11.980,28	12.138,31	
<b>PE trailing</b>	<b>18,87</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	4.806,94	4.957,38	5.028,11	5.171,33	
<b>PB trailing</b>	<b>2</b>	<b>ROA(%)</b>	6,55	6,10	6,11	5,34	
		<b>ROE (%)</b>	15,53	14,67	15,10	13,12	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	43,64	42,50	49,54	39,76	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	21,19	13,36	22,70	22,70	



- BWE là nhà khai thác, xử lý nước thuộc top 3 tại Việt Nam, lên tới 822.000 m3/ngày, độc quyền cấp nước tại tỉnh Bình Dương Ngoài ra, công ty cũng cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, chất thải tại Bình Dương. BWE đang tích cực mở rộng địa bàn hoạt động thông qua M & A các công ty cùng ngành tại Đồng Nai, Cần Thơ, Long An và Quảng Bình. BWE cũng đang có kế hoạch mở rộng đầu tư sang các tỉnh lân cận như Bình Phước, Bến Tre...
- Năm 2023 đạt 3.526 tỷ đồng doanh thu (+1,2% YoY), lãi 682 tỷ đồng (-8,6% YoY), trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 14%, cổ tức tiền mặt 2024 tối thiểu 13%. Quý I đạt 792 tỷ đồng doanh thu (+16,3% YoY) và 180 tỷ lãi sau thuế (+27,7% YoY). Quý II đạt 1.034 tỷ doanh thu (+18% YoY) và 138 tỷ lãi sau thuế (-34% YoY) do ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá 71 tỷ các khoản vay bằng USD. Lũy kế 6 tháng đạt 1.826 tỷ đồng doanh thu (+17,2% YoY), lãi sau thuế 317,6 tỷ đồng (-9,4% YoY), hoàn thành 44,5% KH doanh thu và 45,4% KH lợi nhuận.
- Triển vọng: Nhu cầu tiêu thụ nước tăng tại các KCN tỉnh Bình Dương nhờ vốn FDI tăng, tỷ lệ đô thị hóa cao, giá nước kì vọng sẽ tiếp tục tăng 3%-5%/năm từ năm 2024 và nâng công suất nhà máy Nhị Thành thêm 60.000 m3/ngày, tăng công suất của Gia Tân năm 2025 đạt 40.000 đến 50.000 m3/ngày. Giá xử lý chất thải tăng (BWE đang đề xuất tăng 10% cho mảng dân cư) và mở rộng công suất (dây chuyền xử lý của nhà máy xử lý chất thải giai đoạn 4 tổng công suất 840 tấn/ngày và lò đốt rác tổng công suất 200 tấn/ngày hoàn thành trong năm 2024. Trong dài hạn, BWE đang đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng/thu mua 400ha đất mới tại huyện Phú Giáo, Bình Dương để xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải Tân Long, mở rộng hoạt động kinh doanh xử lý chất thải.
- Ngày 17/05/2024 BWE trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 14%. HĐQT ngày 19/8 ra nghị quyết tham gia mua trên 50% cổ phần CTCP Nước Sài Gòn – Cần Thơ



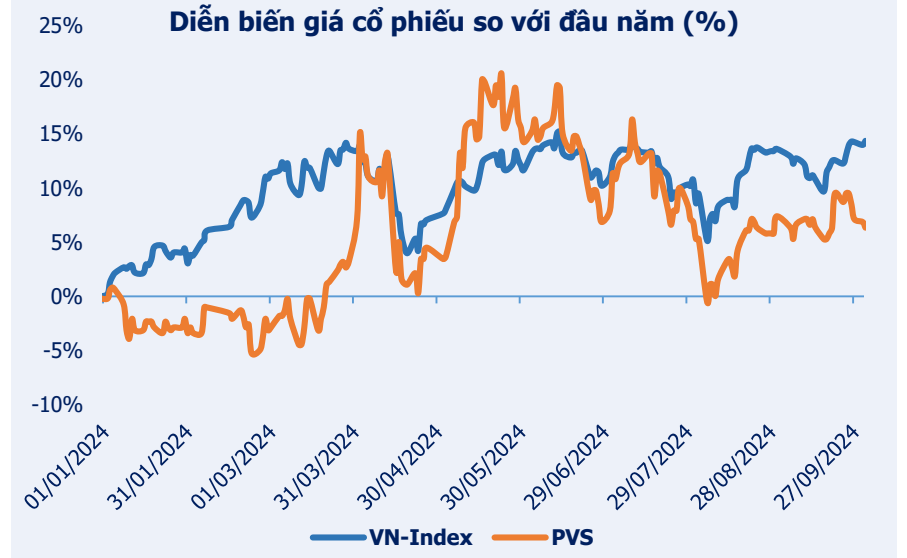
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 3-2024

## Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HNX – PVS)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	40.600	(tỷ đồng)	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	45.000-46.000	<b>Doanh thu</b>	4.175,55	6.758,31	3.709,59	5.577,86	15.500
Giá cao nhất tháng 9	40.800	<b>% yoy</b>	19,22%	27,89%	0,16%	18,38%	-20%
Vốn hóa	19.310	<b>Lãi sau thuế</b>	143,56	293,24	304,74	207,95	660
EPS ttm	2.267,69	<b>% yoy</b>	-25,62%	-45,89%	33,94%	-11,55%	-26,5%
BV	27.744,08	<b>Tổng tài sản</b>	28.564,17	26.401,14	25.468,21	26.918,08	
PE trailing	17,82	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	13.399,46	13.383,63	13.935,60	13.909,35	
PB trailing	1,46	<b>ROA(%)</b>	3,30	3,92	3,54	3,44	
		<b>ROE (%)</b>	7,11	8,43	7,46	7,12	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	4,33	5,57	6,97	4,14	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	3,44	4,34	8,21	8,21	



- Năm 2023 đạt doanh thu 19.349 tỷ đồng (+18,2% YoY=146,5% KH), lãi sau thuế 899,4 tỷ đồng (-14,4% YoY=160,6% KH) do biên lãi gộp giảm (4,9% so với 6,2% năm 2022) và chi phí quản lý, tài chính tăng. Tiền mặt và tiền gửi NH đạt 10.116 tỷ đồng, tương ứng 38,3% tổng tài sản và 78% nợ phải trả. Cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 7%, cổ tức 2024 dự kiến 7% bằng tiền. Quý I đạt 3.709 tỷ đồng doanh thu (+0,16% YoY) và 305 tỷ lãi sau thuế (+33,9% YoY). Quý II đạt 5.578 tỷ đồng doanh thu (+50% QoQ, +18,3% YoY), 208 tỷ đồng lãi sau thuế (-31,8% QoQ, -11,5% YoY). Lũy kế 6 tháng 9.287 tỷ đồng doanh thu (+10,3% YoY), 512,7 tỷ đồng lãi sau thuế (+10,8% YoY) hoàn thành 60% KH doanh thu và 77,7% KH lợi nhuận.
- PVS đang thực hiện chế tạo 33 kết cấu móng chân đế cho trang trại điện gió ngoài khơi Đà Loan, hợp đồng thiết kế, chế tạo và chạy thử 9 trạm biến áp ngoài khơi bàn giao 2024-2026 cho trang trại điện gió ngoài khơi tại Đà Loan và Ba Lan, tổng giá trị 1,5 tỷ USD. Ngày 31/7 bàn giao 3 bồn LPG Thị Vải cho GAS
- Dự án Lô B Ô Môn: Liên doanh PVS-McDermott đã ký hợp đồng gói thầu EPCI#1 (giá trị phần của PVS là 492,7 triệu USD). PVS đã nhận được Thư thỏa thuận giới hạn (LLOA) của gói thầu EPCI#2 (giá trị 300 triệu USD), trúng thầu Thiết kế dự án Đường ống (6.243 tỷ đồng) và đang tham gia đấu thầu các hợp đồng khác. Ban lãnh đạo PVS kỳ vọng dự án Lô B sẽ sớm nhận được Quyết định đầu tư cuối cùng (FID). Ngày 24/9, HĐQT chấp thuận Hợp đồng EPCI#1 giữa PVS và Công ty TNHH 1TV Dịch vụ cơ khí hàng hải PTSC (PVS nắm giữ 100% vốn).
- Dự án xuất khẩu 1,3Gw điện gió ngoài khơi sang Singapore: PVS đã được trao giấy phép khảo sát tại khu vực biển Bà Rịa - Vũng Tàu và Singapore đã trao Giấy phép nhập khẩu điện có điều kiện (CA) cho Liên doanh Sembcorp Utilities – PVS. Dự kiến sẽ bắt đầu bán điện sớm nhất vào năm 2033. Ngày 28/8 trao thầu gói thầu thủy văn, đo gió và địa chất của dự án.



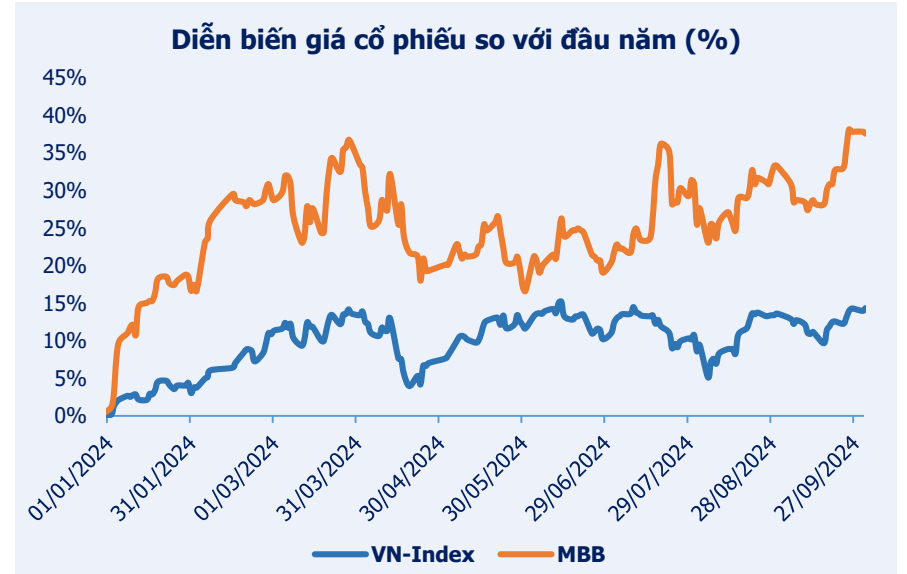
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 7-2024

## Ngân hàng TMCP Quân Đội (HOSE – MBB)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>25.700</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>29.500-30.500</b>	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	12.065,15	11.750,36	12.016,70	14.129,25	-
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>24.850</b>	<b>% yoy</b>	9,82%	-0,01%	0,73%	22,22%	-
<b>Vốn hóa</b>	<b>136.107</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	5.820,71	5.045,09	4.624,22	6.101,98	-
<b>EPS ttm</b>	<b>4.072,47</b>	<b>% yoy</b>	15,61%	40,14%	-11,17%	22,47%	+6-8%*
<b>BV</b>	<b>18.942,09</b>	<b>Tiền gửi khách hàng</b>	479.732,57	567.532,58	558.826,06	618.617,64	
<b>PE trailing</b>	<b>6,3</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	536.301,78	611.048,83	615.316,72	673.799,06	
<b>PB trailing</b>	<b>1,35</b>	<b>Nợ xấu(%)</b>	1,89	1,60	2,49	1,64	≤2,0
		<b>ROE (%)</b>	23,40	24,51	22,43	22,56	
		<b>NIM(%)</b>	5,23	4,79	4,47	4,35	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	48,24	42,94	38,48	38,48	



- KQKD Q2.2024 khả quan nhờ tăng trưởng tín dụng tích cực và nợ xấu được kiểm soát. 6T2024, MBB ghi nhận 13,4 nghìn tỷ đồng LNTT (+5% YoY), tương ứng với LNTT Q2.2024 đạt 7,6 nghìn tỷ đồng (+32% QoQ, +23% YoY). Cho vay khách hàng và trái phiếu doanh nghiệp tăng 9,4% YTD, tăng đột biến so với mức 0,4% YTD tại thời điểm cuối Q1.2024 trong đó cho vay khách hàng doanh nghiệp +14% YTD, khách hàng cá nhân + 5,7% YTD, trái phiếu doanh nghiệp -4% YTD. Vấn đề nợ xấu liên đới từ CIC đã được giải quyết giúp nợ nhóm 5 giảm mạnh 3.500 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,6% từ mức 2,5% thời điểm cuối Q1, tỷ lệ bao phủ nợ xấu phục hồi lên 102%. Tăng trưởng tín dụng của MBB không tập trung vào các ngành nghề rủi ro (BDS, xây dựng và TPDN), tập trung vào ngành bán buôn bán lẻ, công nghiệp chế biến chế tạo và phân khúc khách hàng cá nhân.
- Tính đến ngày 28/08/2024, tăng trưởng tín dụng của MBB đạt 10,44%, tương đương 679.593 tỷ đồng, đạt 65,7% chỉ tiêu tăng trưởng được NHNN giao đầu năm, mới tăng thêm 1% so với thời điểm cuối Q2.2024. Theo văn bản điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng của NHNN, MB dự kiến sẽ được tăng trưởng thêm gần 14.000 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng được NHNN giao là 18,16%. Hiện tại, MB đã sẵn sàng với kế hoạch tăng trưởng tín dụng ở mức 20-25%. Kết thúc tháng 9, MBB đang được giao dịch tại mức PB 1,33x, thấp hơn so với PB trung bình ngành 1,43x và vẫn ở mức hấp dẫn so với vị thế và tăng trưởng của công ty.
- Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9, Thống đốc NHNN cho biết có 2 Ngân hàng 0 đồng đã hoàn tất việc rà soát tình hình tài chính, chuẩn bị cho công tác chuyển giao. MBB đang hỗ trợ Oceanbank và thông báo đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển giao ngân hàng yếu kém, kỳ vọng thực hiện xong trong năm nay hoặc năm 2025 sau khi Chính phủ phê duyệt. Việc nhận chuyển giao Ngân hàng 0 đồng sẽ giúp MBB tiếp tục được giao hạn mức tăng trưởng tín dụng cao hơn trung bình ngành.



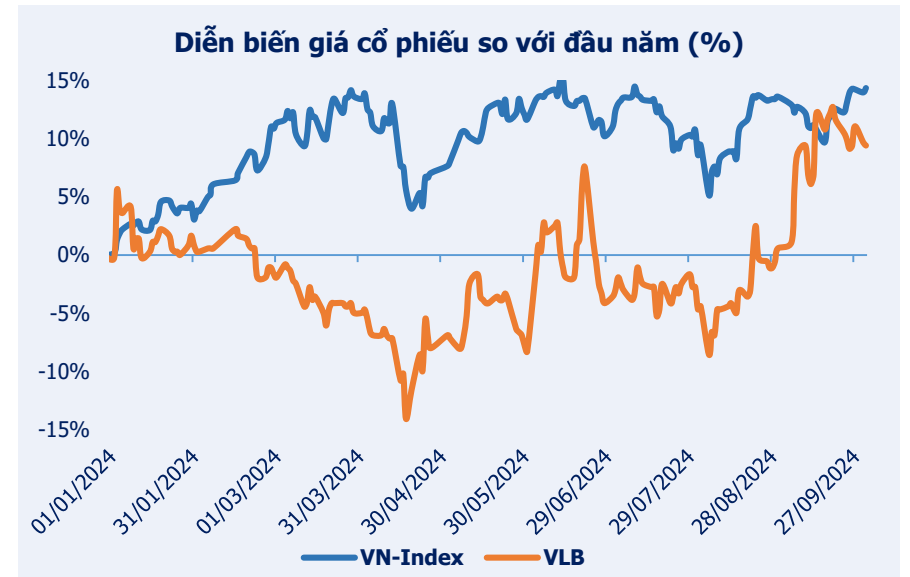
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 9-2024

## CTCP XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HOÀ (UPCOM – VLB)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>39.600</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>42.000-44.000</b>	<b>Doanh thu</b>	218,95	291,24	290,47	339,09	878
<b>Giá cao nhất tháng 9</b>	<b>37.000</b>	<b>% yoy</b>	-28,54%	-17,88%	16,84%	38,74%	-13%
<b>Vốn hóa</b>	<b>1.845</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	20,46	56,30	51,65	53,04	130*
<b>EPS ttm</b>	<b>2.666,00</b>	<b>% yoy</b>	109,13%	-49,04%	43,64%	74,91%	-25%
<b>BV</b>	<b>13.000,08</b>	<b>Tổng tài sản</b>	762,38	824,10	838,96	855,09	
<b>PE trailing</b>	<b>14,82</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	615,75	607,36	659,02	670,01	
<b>PB trailing</b>	<b>3,04</b>	<b>ROA(%)</b>	25,78	18,52	20,09	22,12	
		<b>ROE (%)</b>	32,75	25,07	25,63	28,44	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	16,05	24,10	28,73	28,20	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	9,34	19,33	17,78	17,78	



- VLB là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác đá, có trữ lượng lớn, vị trí tốt. VLB đang sở hữu 5 mỏ đá (Thanh Phú 1, Thiên Tân 2, Tân Cang 1, Soklu 2, Soklu 5) với tổng trữ lượng đá còn lại tính đến cuối năm 2023 là khoảng 90 triệu m<sup>3</sup>, tổng công suất khai thác được cấp phép là 5,7 triệu m<sup>3</sup>/năm. Địa bàn kinh doanh chủ yếu của VLB ở tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, TP. HCM và khu vực Tây Nam Bộ. VLB duy trì tình hình tài chính an toàn, tỉ lệ cô tức ổn định ở mức cao.
- Quý I đạt 290,5 tỷ đồng doanh thu (+16,8% YoY) và 51,6 tỷ đồng lãi sau thuế (+43,6% YoY). Quý II/2024 doanh thu đạt 339 tỷ đồng (+39% YoY), biên lợi nhuận gộp 28%, lợi nhuận sau thuế tăng 75% svck, đạt 53 tỷ đồng. Lũy kế 06 tháng 2024, VLB doanh thu đạt 629,5 tỷ đồng, tăng 27,6% svck, LNST đạt 104,69 tỷ đồng, tăng 58% svck, hoàn thành 71,6% kế hoạch doanh thu và 100% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.
- Câu chuyện đầu tư. Doanh nghiệp đầu ngành khai thác đá, tình hình tài chính lành mạnh, tỉ lệ cô tức cao. Triển vọng nhờ nhu cầu tiêu thụ đá xây dựng lớn từ các dự án đầu tư công trọng điểm tại khu vực miền Nam: Dự án cao tốc Bắc Nam giai đoạn 2, sân bay quốc tế Long Thành, Vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh, Vành đai 4, 3 cao tốc phía Nam. VLB có lợi thế cạnh tranh khi sở hữu các mỏ đá với trữ lượng lớn và vị trí thuận lợi: Các mỏ đá của VLB như Mỏ Tân Cang 1, Thanh Phú 1 và Thiên Tân 2 đều nằm tại Đồng Nai, có thời gian khai thác dài, công suất khai thác lớn.





Biến cơ hội thành giá trị

# TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

**Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiển**  
[Hien.nth@shs.com.vn](mailto:Hien.nth@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật**  
[Nhat.pt@shs.com.vn](mailto:Nhat.pt@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[Nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:Nguyet.dta@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Trần Hồng Mây**  
[May.th@shs.com.vn](mailto:May.th@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Lê Thu Huyền**  
[Huyen.lt@shs.com.vn](mailto:Huyen.lt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Vũ Nhật Ánh**  
[Anh.vn@shs.com.vn](mailto:Anh.vn@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup.*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:  
**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

## **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan  
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1,  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)